UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

Cẩm nang doanh nghiệp

EVFTA

và Ngành Rau Quả Việt Nam

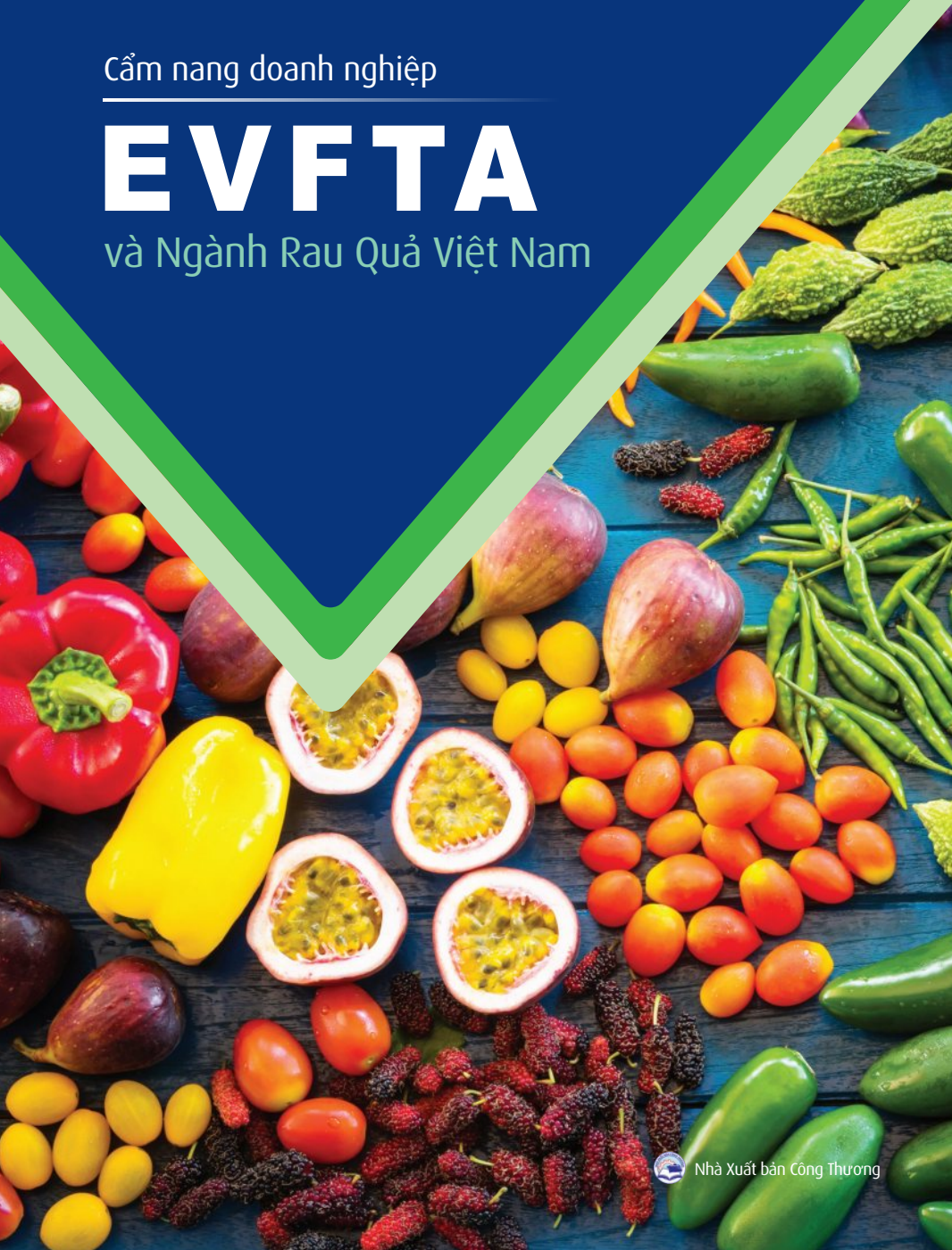

Nhà Xuất bản Công Thương

Chịu trách nhiệm nội dung

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI (HPA)

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội (HPA) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Hà Nội. HPA có chức năng đề xuất, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại của Thành phố, tổng hợp các kiến nghị và phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chính sách thu hút về đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp. HPA cũng là đơn vị thực hiện công tác hỗ trợ, tư vấn, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tìm cơ hội đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác ở Việt Nam và nước ngoài.

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP)

Trung tâm WTO và Hội nhập là đơn vị trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được thành lập từ năm 2010 nhằm hỗ trợ về pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Chức năng chính của Trung tâm là cung cấp thông tin, phân tích, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nâng cao nhận thức, năng lực và chủ động tham vấn để có thể tận dụng tối đa những lợi ích từ WTO và các hiệp định thương mại quốc tế, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ các hiệp định này.

Lời mở đầu

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (gọi tắt là EVFTA) là Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU). EVFTA được ký kết ngày 30/6/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/08/2020.

Với phạm vi cam kết rộng, mức độ tự do hóa sâu và các cam kết tiêu chuẩn cao, EVFTA được dự báo sẽ có tác động mạnh mẽ tới toàn bộ thể chế kinh tế cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Rau quả là một trong những ngành kinh tế được dự báo sẽ được hưởng nhiều lợi ích từ EVFTA với những cơ hội được mở ra cho cả xuất khẩu, nhập khẩu và thu hút đầu tư. Để hỗ trợ doanh nghiệp rau quả Việt Nam nắm bắt cơ hội, hiện thực hóa các lợi ích tiềm tàng từ EVFTA, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố Hà Nội (HPA) phối hợp với Trung tâm WTO và Hội nhập - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) biên soạn và xuất bản Cẩm nang doanh nghiệp "EVFTA và Ngành Rau quả Việt Nam".

Cẩm nang doanh nghiệp "EVFTA và Ngành Rau quả Việt Nam" tóm tắt và diễn giải chi tiết, đầy đủ các cam kết EVFTA liên quan đến ngành rau quả, từ đó phân tích các cơ hội và thách thức từ các cam kết này và đưa ra các khuyến nghị cụ thể, thiết thực cho doanh nghiệp ngành rau quả Việt Nam.

Hy vọng Cẩm nang này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích và lâu dài cho các doanh nghiệp rau quả Việt Nam và các đơn vị liên quan trong quá trình thực thi Hiệp định quan trọng này.

Mục lục

Phần thứ nhất
CAM KẾT EVFTA LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH RAU QUẢ 4

1 Việt Nam và EU có cam kết gì về thuế quan đối với các sản phẩm rau quả trong EVFTA? 6

2 Cam kết thuế quan của EU và Việt Nam đối với các sản phẩm rau quả? 9

3 Sau EVFTA xuất khẩu rau quả sang EU có thể tiếp tục áp dụng thuế GSP nữa không? 11

4 Cam kết về Quy tắc xuất xứ đối với các sản phẩm rau quả trong EVFTA? 15

5 Cam kết chung của EVFTA về thủ tục chứng nhận xuất xứ? 17

6 Cam kết cụ thể của Việt Nam trong EVFTA về Chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU? 20

7 Một số cam kết khác về thủ tục chứng nhận xuất xứ cần chú ý trong EVFTA? 23

8 EVFTA có cam kết về các biện pháp phi thuế quan đối với các sản phẩm rau quả không? 26

9 EVFTA có cam kết chung nào đáng chú ý về các biện pháp vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm áp dụng đối với các sản phẩm rau quả? 27

10 EVFTA có cam kết cụ thể nào đáng chú ý về SPS áp dụng đối với rau quả? 29

11 EVFTA có cam kết cụ thể gì đáng chú ý về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) ảnh hưởng đến các sản phẩm rau quả? 31

12 EVFTA có cam kết gì đáng chú ý về các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp? 33

13 EVFTA có quy định gì đáng chú ý về việc áp dụng các biện pháp tự vệ? 36

14 Trong EVFTA, Việt Nam có mở cửa hơn cho các nhà đầu tư EU trong lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả so với WTO hay không? 39

15 Cam kết EVFTA về Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại có gì đặc biệt? 42

16 Cam kết EVFTA về Sở hữu trí tuệ (SHTT) có những nội dung nào đáng chú ý liên quan đến ngành rau quả? 45

17 EVFTA có cam kết bảo hộ chỉ dẫn địa lý nào đáng chú ý đối với các sản phẩm rau quả của Việt Nam? 48

18 Các cam kết về phát triển bền vững trong EVFTA sẽ ảnh hưởng thế nào tới ngành rau quả? 51

Phần thứ hai
HIỆN TRẠNG, TRIỂN VỌNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH RAU QUẢ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP EVFTA 54

19 Tình hình sản xuất rau quả của Việt Nam hiện nay? 56

20 Đầu tư trong ngành rau quả tại Việt Nam? 59

21 Hiện trạng xuất khẩu rau quả Việt Nam? 62

22 Hiện trạng nhập khẩu rau quả vào Việt Nam? 68

23 Tình hình xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU? 74

24 Tình hình nhập khẩu rau quả EU vào Việt Nam? 79

25 Đặc điểm thị trường rau quả của EU? 84

26 Các quy định nhập khẩu quan trọng cần phải đáp ứng khi xuất khẩu rau quả tươi sang EU? 87

27 Các quy định nhập khẩu quan trọng cần phải đáp ứng khi xuất khẩu rau quả chế biến sang EU? 91

28 Thuận lợi – Khó khăn của các sản phẩm rau quả Việt Nam khi xuất khẩu sang EU? 94

29 Triển vọng và xu hướng phát triển của ngành rau quả Việt Nam? 96

Phần thứ ba
CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÀNH RAU QUẢ TRONG BỐI CẢNH EVFTA 100

30 EVFTA sẽ tác động như thế nào tới xuất khẩu rau quả Việt Nam? 102

31 EVFTA sẽ tác động thế nào đến nhập khẩu rau quả từ EU vào Việt Nam? 107

32 EVFTA có giúp Việt Nam tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài từ EU? 112

33 Người lao động trong ngành rau quả sẽ tận dụng cơ hội gì từ EVFTA? 115

34 Các doanh nghiệp rau quả cần làm gì để tận dụng các cơ hội từ EVFTA? 117

35 Doanh nghiệp rau quả có thể sử dụng những công cụ thương mại miễn phí nào để tra cứu thông tin thị trường EU? 120

PHẦN THỨ NHẤT

Cam kết EVFTA liên quan đến Ngành Rau quả

01

Việt Nam và EU có cam kết gì về thuế quan đối với các sản phẩm rau quả trong EVFTA?

Vị trí các cam kết về thuế quan trong Văn kiện EVFTA

Trong Hệ thống Hài hóa Mô tả và Mã hóa Hàng hóa (Hệ thống HS), các sản phẩm rau quả nằm trong các Chương sau:

- Rau tươi và sơ chế thuộc Chương 07
- Quả tươi và sơ chế thuộc Chương 08
- Rau quả chế biến thuộc Chương 20

Đối với các sản phẩm hàng hóa như các sản phẩm rau quả, cam kết quan trọng nhất trong các FTA là cam kết về thuế quan mà mỗi Bên áp dụng đối với sản phẩm này. Trong EVFTA cũng vậy, cam kết quan trọng nhất đối với các sản phẩm rau quả của Việt Nam là cam kết về thuế quan của Việt Nam đối với rau quả nhập khẩu từ EU và cam kết về thuế quan của EU đối với rau quả nhập khẩu từ Việt Nam.

Cam kết về thuế quan đối với các sản phẩm rau quả trong EVFTA được nêu tại:

- Lời văn của Chương 2 - Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa: Phần này bao gồm các quy tắc chung liên quan tới thuế quan, áp dụng chung cho cả EU và Việt Nam (tuy nhiên cũng có một số nội dung nêu cụ thể chỉ áp dụng cho Việt Nam hoặc EU);
- Các Phụ lục 2-A của Chương 2 – Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, trong đó:
  - Tiểu phụ lục 2-A-1: Biểu thuế nhập khẩu của EU
  - Tiểu phụ lục 2-A-2: Biểu thuế của Việt Nam

Cách đọc hiểu Biểu thuế quan EVFTA liên quan đến các sản phẩm rau quả

Cam kết thuế quan của các sản phẩm rau quả trong EVFTA được thể hiện bằng các ký hiệu chữ và số đi kèm, với ý nghĩa cụ thể như sau:

Ký hiệu	Giải thích
A	Xóa bỏ thuế ngay sau khi EVFTA có hiệu lực
B3	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 04 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
B5	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 06 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
B7	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 08 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực

Ví dụ

Cam kết thuế đối với sản phẩm Cà chua (tươi hoặc ướp lạnh) của Việt Nam nêu trong Biểu cam kết của Việt Nam như sau:

CN2012	Mô tả hàng hóa	Thuế suất cơ sở	Danh mục
0702.00.00	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh.	20%	B5

Cam kết này được hiểu là: Sản phẩm mã Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh, có mã HS 0702.00.00 sẽ được xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 6 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực. Do EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 nên lộ trình cắt giảm thuế của sản phẩm này theo các năm sẽ như sau:

Mức thuế cơ sở	Mức thuế năm 1 (từ 01/08/2020 đến 31/12/2020)	Mức thuế năm 2 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)	Mức thuế năm 3 (từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)	Mức thuế năm 4 (từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)	Mức thuế năm 5 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)	Mức thuế năm 6 và các năm tiếp theo (từ 01/01/2025 trở đi)
20%	16,67%	13,34%	10%	6,67%	3,33%	0%

LƯU Ý DOANH NGHIIỆP

- Mức thuế cơ sở làm căn cứ tính thuế là: i) mức thuế MFN năm 2012 đối với Việt Nam và, ii) mức thuế chung của EU năm 2012 đối với EU. Mức thuế cơ sở này đã được nêu trong Biểu cam kết thuế. *Thuế quan cam kết cắt giảm là cắt giảm từ mức thuế cơ sở này chứ không phải là mức thuế tại thời điểm có hiệu lực của EVFTA.*
- Thời điểm cắt giảm thuế lần 1 là ngày có hiệu lực của EVFTA (01/08/2020), thời điểm cắt giảm thuế lần 2 là ngày 01 tháng 01 của năm liền sau đó (01/01/2021), cứ như vậy xác định các mốc tương tự cho các lần cắt giảm tiếp theo.

Ý nghĩa của cam kết về thuế quan đối với hàng nhập khẩu

Tương tự như bất kỳ FTA nào, cam kết về thuế quan trong EVFTA là cam kết của các Bên về mức thuế nhập khẩu tối đa mà Bên đó sẽ áp dụng cho từng loại hàng hóa nhập khẩu từ Bên kia trong EVFTA. Vì vậy trên thực tế, tùy thuộc nhu cầu của mình, Việt Nam hoặc EU có thể đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế so với cam kết. Khi đó, mức thuế quan áp dụng trên thực tế có thể sẽ thấp hơn so với mức cam kết trong văn kiện Hiệp định. Do đó, mức cam kết trong EVFTA là mức thuế cao nhất mà Việt Nam hoặc EU có thể áp dụng đối với rau quả của Bên kia, còn mức thuế thực tế áp dụng sẽ thực hiện theo Biểu thuế xuất nhập khẩu của mỗi bên.

Trường hợp của Việt Nam, tương tự các FTA khác, Biểu thuế quan ưu đãi đặc biệt theo EVFTA được ban hành theo từng giai đoạn. Chẳng hạn sau khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam đã ban hành biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện EVFTA giai đoạn 2020-2022 tại Nghị định 111/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ. Doanh nghiệp có thể tra cứu mức thuế quan EVFTA áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu của mình trong văn bản này.

Đối với EU, doanh nghiệp có thể tra cứu các mức thuế quan mà EU áp dụng từng năm đối với từng sản phẩm (thuế MFN, GSP, thuế quan ưu đãi FTA như EVFTA) từ một nước bất kỳ (trong đó có Việt Nam) tại Cơ sở dữ liệu về Tiếp cận Thị trường của EU (Access2Market) tại link sau:
https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content.

Cam kết thuế quan của EU và Việt Nam đối với các sản phẩm rau quả?

Cam kết thuế quan của EU đối với các sản phẩm rau quả Việt Nam

Trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ thuế với các mặt hàng rau củ của Việt Nam theo 4 nhóm:

- Xóa bỏ tất cả các loại thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với phần lớn dòng thuế rau quả (514/547 dòng, tương đương 94% tổng số dòng)
- Xóa bỏ thuế tính theo tỷ lệ phần trăm trị giá hàng hóa (thuế suất X% giá trị lô hàng) ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực nhưng vẫn giữ thuế tuyệt đối (thuế X euro/đơn vị khối lượng) (ký hiệu là "A+EP") với 24/547 dòng thuế rau quả (tương đương khoảng 4% số dòng thuế rau quả, chủ yếu là nhóm trái cây như cam, quýt, chanh, nho, mơ, đào... và nước nho ép).

  Chú ý: Thuế tuyệt đối trong các trường hợp này được xác định theo hệ thống giá đầu vào mà EU áp dụng theo Biểu thuế chung được quy định tại Quy tắc thực thi Ủy ban (EU) số 543/2011 ngày 07/06/2011 (Quy tắc này quy định chi tiết các quy tắc áp dụng Quy định Hội đồng (EC) số 1234/2007 đối với hoa quả và rau và sản phẩm chế biến hoa quả và rau).
- Cắt giảm thuế dần về 75 EUR/tấn từ năm 2025 trở đi (R75) cho 01 dòng thuế có mã HS 08039010 - Chuối, trừ chuối lá, tươi. Cụ thể, mức thuế quan áp dụng đối với sản phẩm này cho từng năm cụ thể như sau:

Năm	Thuế quan (EUR/tấn)
2020	100
2021	95
2022	90
2023	85
2024	80
Từ năm 2025 trở đi	75

- Áp dụng hạn ngạch thuế quan với 3 loại sản phẩm rau quả như dưới đây, với mức thuế trong hạn ngạch là 0%:

Sản phẩm	Mức hạn ngạch
Tỏi	Tỏi tươi hoặc đông lạnh (HS 07032000): 400 tấn/năm.
Ngô ngọt	• Ngô ngọt, trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm (HS 07104000A): 5.000 tấn/năm. • Ngô ngọt đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic (Zea mays var. saccharata), trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm (HS 20019030A): 5.000 tấn/năm. • Ngô ngọt đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh (Zea mays var. saccharata), trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm (HS 2005.80.00A): 5.000 tấn/năm.
Nấm	• Nấm thuộc chi Agaricus đã bảo quản tạm thời (HS 07115100): 350 tấn/năm • Nấm đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic (HS 20019050): 350 tấn/năm • Nấm thuộc chi Agaricus, đã bảo quản tạm thời hoặc được nấu chín hoàn toàn bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic (HS 20031020): 350 tấn/năm • Nấm thuộc chi Agaricus, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic – loại khác (HS 20031030): 350 tấn/năm

Rau quả là một trong những nhóm sản phẩm mà EU vẫn duy trì mức thuế MFN cao. EU thường áp thuế MFN cao đối với các sản phẩm nông nghiệp và thấp đối với các sản phẩm công nghiệp.

Mức thuế MFN trung bình của EU năm 2020 đối với các sản phẩm rau quả là:

- 8,7% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07
- 6,67% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08
- 17,71% đối với các sản phẩm rau quả chế biến Chương 20

EU cũng đang cho hưởng thuế GSP đối với các sản phẩm rau quả đến từ một số nước đang và kém phát triển (trong đó có Việt Nam). Mặc dù vậy, mức thuế GSP trung bình của EU năm 2020 đối với các sản phẩm rau quả vẫn được đánh giá là tương đối cao, cụ thể:

- 5,91% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07
- 4,49% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08
- 12,96% đối với các sản phẩm rau quả chế biến Chương 20

Cam kết thuế quan của Việt Nam đối với các sản phẩm rau quả EU

Trong EVFTA, Việt Nam cam kết về thuế quan với các sản phẩm rau quả của EU theo 4 nhóm:

- Xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 17/286 (tương đương 6%) dòng thuế rau quả - chủ yếu là rau củ làm giống (các dòng mà thuế MFN của EU đã là 0%)
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 4 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 8/286 (tương đương 3%) dòng thuế rau quả, chủ yếu là các loại trái cây như cam, quýt, chanh, táo, lê...
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 194/286 (tương đương 68%) dòng thuế rau quả
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 8 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với 67/286 (tương đương 23%) dòng thuế rau quả, chủ yếu thuộc Chương 20 (các sản phẩm rau quả chế biến)

Đối với Việt Nam, rau quả cũng thuộc nhóm sản phẩm đang duy trì thuế MFN cao, đặc biệt là rau quả chế biến. Do đó, mức cắt giảm thuế quan của Việt Nam trong EVFTA đối với các sản phẩm rau quả như trên là tương đối đáng kể.

Sản phẩm	Thuế MFN	Cam kết trong EVFTA
Các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07	Cao, từ 10-30% tùy thuộc sản phẩm, một số ít rau củ giống hoặc để gieo trồng là 0%	Phần lớn xóa bỏ thuế theo lộ trình 6 năm Một số dòng rau củ giống hoặc để gieo trồng xóa bỏ thuế ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực.
Các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08	Cao, phổ biến 20-30%	Phần lớn xóa bỏ thuế theo lộ trình 6 năm. Một số ít xóa bỏ thuế theo lộ trình 4 năm Riêng quả Kiwi (HS 0810.50.00) xóa bỏ thuế ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực
Các sản phẩm rau quả chế biến Chương 20	Rất cao, phổ biến 30-40%	Phần lớn xóa bỏ thuế theo lộ trình 8 năm. Một số ít xóa bỏ thuế theo lộ trình 6 năm.

Sau EVFTA xuất khẩu rau quả sang EU có thể tiếp tục áp dụng thuế GSP nữa không?

Từ nhiều năm nay, EU đã và đang duy trì cơ chế Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP) dành cho các nước đang và kém phát triển, trong đó có Việt Nam. Đây là cơ chế ưu đãi thuế nhập khẩu đơn phương mà EU dành cho các sản phẩm có năng lực cạnh tranh yếu từ các nước này (theo đánh giá của EU).

Theo cơ chế này, nhiều năm qua các sản phẩm rau quả của Việt Nam khi xuất khẩu sang EU đã được hưởng thuế ưu đãi GSP trung bình (năm 2020) như sau:

- Thuế suất 5,91% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07 (trong khi thuế MFN trung bình là 8,7%)
- Thuế suất 4,49% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08 (trong khi thuế MFN trung bình 6,67%)
- Thuế suất 12,96% đối với các sản phẩm rau quả chế biến Chương 20 (trong khi thuế MFN trung bình 17,71%)

So với GSP, cơ chế EVFTA có nhiều lợi thế hơn cho doanh nghiệp rau quả Việt Nam.

- **Về tính chất ưu đãi**, do GSP là cơ chế ưu đãi tự nguyện, đơn phương, EU có thể rút lại hoặc thay đổi cơ chế áp dụng của GSP bất kỳ lúc nào. Đồng thời, EU có quy định về "ngưỡng trưởng thành" đối với các nước và sản phẩm được hưởng GSP. Hiểu đơn giản là khi tổng thu nhập quốc gia hoặc kim ngạch xuất khẩu một loại hàng hóa nào đó của Việt Nam đạt đến một ngưỡng nhất định thì sẽ không được hưởng ưu đãi GSP nữa. Do đó, ưu đãi GSP được xem là ưu đãi không ổn định. Trong khi ưu đãi thuế trong EVFTA là cam kết hai chiều, không Bên nào được đơn phương rút lại.
- **Về mức ưu đãi**, trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực cho tới 94% các sản phẩm rau quả Việt Nam. Trong khi đó, đa số các dòng thuế này chỉ được giảm thuế theo GSP chứ không được xóa bỏ thuế. Như vậy, rõ ràng là mức thuế EVFTA có lợi hơn hẳn cho các doanh nghiệp rau quả xuất khẩu Việt Nam so với mức thuế GSP. Tuy nhiên, nếu muốn áp dụng thuế quan ưu đãi EVFTA thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc xuất xứ và cơ chế chứng nhận xuất xứ của EVFTA.

Theo quy định của EU về GSP khi có FTA, Việt Nam sẽ tiếp tục hưởng cơ chế GSP song song cùng EVFTA trong thời gian 02 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (tức là đến hết 31/07/2022).

Điều này có nghĩa là:

- Trong khoảng thời gian từ 01/08/2020 đến 31/07/2022: Doanh nghiệp có thể lựa chọn sử dụng ưu đãi thuế quan theo EVFTA hay GSP tùy thuộc quy tắc xuất xứ phù hợp hơn cho doanh nghiệp; trường hợp lựa chọn ưu đãi thuế theo GSP, sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ của GSP; trường hợp lựa chọn ưu đãi thuế theo EVFTA, sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA;
- Kể từ ngày 01/08/2022: Cơ chế ưu đãi thuế theo GSP sẽ tự động chấm dứt, doanh nghiệp áp dụng cơ chế ưu đãi thuế theo EVFTA.

04

Cam kết về Quy tắc xuất xứ đối với các sản phẩm rau quả trong EVFTA?

Để được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, sản phẩm phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ của EVFTA. Quy tắc xuất xứ và thủ tục xuất xứ của EVFTA được áp dụng chung với cả sản phẩm rau quả từ EU xuất khẩu sang Việt Nam hoặc từ Việt Nam xuất khẩu sang EU.

Cam kết về xuất xứ trong EVFTA đối với sản phẩm rau quả được quy định tại *Nghị định thư 1 - Quy định hàng hoá có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính.* Nghị định thư này gồm 02 phần nội dung chính:

- Phần Lời văn: bao gồm các nguyên tắc chung về quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ, và
- 08 Phụ lục: bao gồm các cam kết chi tiết hoặc hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan ở phần Lời văn (mẫu Chứng nhận xuất xứ, các giải thích bổ sung...). Trong đó có Phụ lục II – Danh mục công đoạn gia công và chế biến – đây chính là *Danh mục về quy tắc xuất xứ riêng cho từng nhóm hàng hóa* (trong đó có các sản phẩm rau quả).

  Lưu ý: Khi đọc *Phụ lục II – Danh mục Công đoạn Gia công hoặc Chế biến của Nghị định thư về QTXX đối với từng nhóm sản phẩm cụ thể* của Nghị định thư 1, cần đọc *Phụ lục I – Định nghĩa và Chú giải cho Phụ lục II* để hiểu được các từ ngữ và quy định trong Phụ lục II. Các loại tiêu chí xuất xứ của EVFTA về bản chất thì giống các FTA đã có của Việt Nam nhưng ngôn ngữ thể hiện và một số nội dung mới hoặc khác so với các FTA đã có.

Việt Nam hiện đã ban hành quy định hướng dẫn về việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA tại Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/06/2020.

Quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm rau quả trong EVFTA

Trong EVFTA, quy tắc xuất xứ đối với tất cả các sản phẩm rau quả cụ thể như sau:

- **Đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế thuộc Chương 07:** Toàn bộ Chương 07 có một quy tắc xuất xứ duy nhất là Xuất xứ thuần túy.
- **Đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế thuộc Chương 08:** Toàn bộ Chương 08 có một quy tắc xuất xứ duy nhất là: i) Nguyên liệu thuộc Chương 8 phải có Xuất xứ thuần túy, và; ii) Trọng lượng nguyên liệu đường không có xuất xứ không vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm.
- **Đối với các sản phẩm rau quả đã qua chế biến (Chương 20):** Tùy thuộc vào từng dòng sản phẩm mà có quy tắc xuất xứ là Chuyển đổi Nhóm hay Xuất xứ thuần túy, cụ thể như sau:

Sản phẩm	Công đoạn gia công hoặc chế biến
Cà chua, nấm và nấm cục, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic thuộc Nhóm 2002 và 2003 (chứ không phải toàn bộ Nhóm 2002 và 2003)	Nguyên liệu thuộc Chương 7 phải có Xuất xứ thuần túy.
Các sản phẩm còn lại của Nhóm 2002 và 2003, và tất cả các Nhóm còn lại của Chương 20 (2001, và 2004-2009)	Chuyển đổi Nhóm và trọng lượng nguyên liệu đường không có xuất xứ không vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm

LƯU Ý DOANH NGHIỆP:

Thế nào là xuất xứ thuần túy?

Quy tắc xuất xứ của các sản phẩm rau quả tươi hoặc sơ chế thuộc Chương 07 và 08 yêu cầu sản phẩm hoặc nguyên liệu phải có xuất xứ thuần túy. Vậy "Xuất xứ thuần túy" trong EVFTA được hiểu cụ thể như thế nào.

Theo Khoản 1 Điều 4, Nghị định thư 1 của EVFTA thì các sản phẩm rau quả được coi là có xuất xứ thuần túy nếu được **trồng** và **thu hoạch** (hoặc thu lượm) tại một Bên (Việt Nam hoặc EU). Điều này có nghĩa các công đoạn từ TRỒNG và THU HOẠCH sản phẩm rau quả phải ở Việt Nam, nhưng giống (hạt giống, cây giống) thì có thể nhập khẩu.

Ví dụ, Việt Nam có thể nhập khẩu cây xoài giống Thái Lan về để trồng và thu hoạch xoài giống Thái Lan và vẫn đáp ứng được quy tắc xuất xứ thuần túy theo EVFTA. Điều này có nghĩa là quả xoài giống Thái Lan nhưng được trồng và thu hoạch tại Việt Nam vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA khi xuất khẩu sang EU.

Các công đoạn gia công chế biến đơn giản có được tính đến?

Khi xác định xuất xứ của các sản phẩm rau quả thì các công đoạn gia công, chế biến dưới đây, khi thực hiện riêng rẽ hoặc kết hợp với nhau, được xem là đơn giản và **không được xét đến** khi xác định xuất xứ hàng hóa:

- Công đoạn bảo quản để giữ sản phẩm trong tình trạng tốt trong quá trình vận chuyển và lưu kho
- Tháo dỡ và lắp ghép kiện hàng
- Rửa, làm sạch, loại bỏ bụi bẩn
- Công đoạn sơn và đánh bóng đơn giản
- Công đoạn sàng lọc, sắp xếp, phân loại, xếp loại hoặc kết hợp
- Công đoạn đơn giản bao gồm: cho vào chai, lon, bình, túi, hòm, hộp, gắn trên thẻ hoặc bảng thông tin và công đoạn đóng gói đơn giản khác
- Dán hoặc in nhãn, mác, logo và những dấu hiệu tương tự khác trên sản phẩm hoặc trên bao bì của sản phẩm

Lưu ý: Các công đoạn nêu trên được coi là đơn giản khi không dùng kỹ năng đặc biệt hoặc máy móc, thiết bị hay công cụ được sản xuất hoặc lắp đặt chuyên dụng.

05

Cam kết chung của EVFTA về thủ tục chứng nhận xuất xứ?

Quy định về thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong EVFTA được áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa, trong đó có sản phẩm rau quả.

EVFTA quy định 02 loại thủ tục chứng nhận xuất xứ khác nhau, bao gồm:

- **Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ:** Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp Giấy chứng nhận xuất xứ dựa trên các giấy tờ mà nhà xuất khẩu xuất trình
- **Thủ tục tự chứng nhận xuất xứ:** Nhà xuất khẩu tự phát hành chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa của mình

Trong so sánh với CPTPP (cũng là một Hiệp định cho phép thủ tục tự chứng nhận xuất xứ), phạm vi thủ tục tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA hạn chế hơn. Cụ thể EVFTA chỉ cho phép **nhà xuất khẩu** tự chứng nhận xuất xứ trong khi CPTPP cho phép **nhà sản xuất, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu** được tự chứng nhận xuất xứ. Mô hình tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA dựa trên thông lệ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ mà EU hiện đang áp dụng.

Cụ thể, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của nhà xuất khẩu của EVFTA cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn, phiếu giao hàng hay bất kỳ chứng từ thương mại nào, thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ từ các cơ quan chức năng.

Trong EVFTA, EU và Việt Nam mỗi Bên có cam kết riêng về vấn đề này. Cụ thể:

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ EU

EU chỉ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu từ EU muốn hưởng ưu đãi EVFTA, và chỉ có nhà xuất khẩu đã đăng ký theo quy định của EU theo hệ thống REX thì mới được tự chứng nhận xuất xứ.

Hệ thống REX (Registered Exporter) là hệ thống chứng nhận xuất xứ của EU. Với hệ thống này, nhà xuất khẩu EU chỉ cần vào đăng ký, sau đó có thể tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa theo một số FTA của EU (trong đó có EVFTA). Mỗi nhà xuất khẩu đăng ký và được Hệ thống này xác nhận sẽ được cấp một mã số riêng (gọi là mã số REX). Doanh nghiệp sẽ sử dụng thống nhất mã số REX này khi tự chứng nhận xuất xứ cho các lô hàng của mình.

Trên thực tế, EU cũng áp dụng Hệ thống REX cho các nhà xuất khẩu nước ngoài muốn xuất khẩu hàng hóa vào EU theo cơ chế Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (cơ chế GSP) mà EU dành cho một số đối tác, trong đó có Việt Nam.

ii Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam

Việt Nam áp dụng cả cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ, cụ thể:

- Với lô hàng có trị giá không vượt quá 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ;
- Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, Việt Nam bảo lưu vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu sau khi xác nhận các giấy tờ chứng minh mà nhà xuất khẩu xuất trình - đối với EVFTA Giấy chứng nhận xuất xứ là Mẫu EUR.1), Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nào thấy thích hợp và sẽ thông báo cho phía EU trước khi thực hiện cơ chế này.

Như vậy, đối với các lô hàng có giá trị không vượt quá 6.000 euro xuất khẩu đi EU theo diện hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng đều có thể tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với các lô hàng có giá trị trên 6.000 euro thì hiện tại Việt Nam vẫn áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ, theo đó nhà xuất khẩu phải xin giấy chứng nhận xuất xứ (mẫu EUR.1) tại cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương và các đơn vị do Bộ Công Thương ủy quyền).

Trong tương lai, khi Việt Nam áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa trong EVFTA, Việt Nam có thể tự quy định về các điều kiện để xác định, cấp phép, và quản lý các nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ. Do đó, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của Việt Nam sau này theo EVFTA có thể sẽ khác với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ theo Hệ thống REX mà EU đang thực hiện.

Hướng dẫn quy trình cấp Chứng nhận xuất xứ trong EVFTA đối với hàng Việt Nam xuất khẩu đi EU

Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/06/2020 quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA, đồng thời Hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA như sau:

1. Khai báo trên www.ecosys.gov.vn đối với trường hợp C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương uỷ quyền cấp: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19 Thông tư 11/2020/TT-BCT, với lô hàng có giá trị trên 6.000 EUR, áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương uỷ quyền cấp. Quy trình khai báo và chứng nhận C/O theo mẫu EUR.1 thực hiện tương tự các mẫu C/O hiện hành.
2. Khai báo trên www.ecosys.gov.vn đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá: căn cứ điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư 11/2020/TT-BCT, với lô hàng có giá trị không quá 6.000 EUR, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ. Việc báo cáo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu do doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ thực hiện theo khoản 6 Điều 25 Thông tư 11/2020/TT-BCT.
3. Trường hợp thương nhân xuất khẩu hàng hoá sang Vương quốc Anh, cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu EUR.1 hướng dẫn thương nhân chỉ kê khai C/O mẫu EUR.1 hoặc phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo Mục 1, Mục 2 nói trên đến hết ngày 31/12/2020.

Nguồn: evfta.moit.gov.vn

06

Cam kết cụ thể của Việt Nam trong EVFTA về Chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU?

Cơ chế chứng nhận xuất xứ mà Việt Nam áp dụng cho EVFTA

Theo EVFTA, Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi thấy thích hợp, áp dụng đối với tất cả các hàng hóa, trong đó có sản phẩm rau quả.

Cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền là cơ chế vốn rất quen thuộc với doanh nghiệp. Hiện tại, để chứng nhận xuất xứ theo các FTA, các doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn phải xin giấy chứng nhận xuất xứ tại các đơn vị của Bộ Công Thương (ngoại trừ một số rất ít trường hợp thí điểm tự chứng nhận xuất xứ theo ASEAN). Thủ tục chứng nhận xuất xứ theo EVFTA ở Việt Nam trong thời gian tới cũng vẫn theo cơ chế truyền thống này.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ là cơ chế mới với Việt Nam. So với cơ chế truyền thống nói trên, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ được đánh giá là thuận lợi hơn, giúp doanh nghiệp xuất khẩu giảm được thủ tục xin chứng nhận xuất xứ, từ đó giảm chi phí thời gian, tiền bạc, nhân lực cho thủ tục này. Trong các FTA, mới chỉ có CPTPP quy định cụ thể về cơ chế này. EVFTA có quy định nhưng lại không đặt ra thời điểm cụ thể nào để Việt Nam phải áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.

Trên thực tế, hệ thống GSP mà EU đơn phương dành cho Việt Nam cũng đã yêu cầu áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Theo đó, nhà xuất khẩu Việt Nam phải đăng ký theo Hệ thống REX để được cấp mã số REX và tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu sang EU muốn được hưởng ưu đãi GSP. Theo EVFTA và quy định của EU, trong khoảng thời gian 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (01/08/2020), doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU vẫn có thể lựa chọn áp dụng thuế ưu đãi theo EVFTA hoặc thuế ưu đãi theo GSP với điều kiện áp dụng ưu đãi loại nào thì phải tuân thủ QTXX của loại đó và theo thủ tục chứng nhận xuất xứ tương ứng. Cụ thể:

- Nếu muốn hàng xuất khẩu vào EU hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải xin C/O mẫu EUR.1 tại các đơn vị của Bộ Công Thương;
- Nếu muốn hàng xuất khẩu vào EU hưởng thuế ưu đãi GSP thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải chứng nhận xuất xứ theo cơ chế của GSP mà hiện tại đang chuyển sang hình thức tự chứng nhận xuất xứ bằng cách đăng ký mã số REX (muộn nhất là đến ngày 31/12/2020 toàn bộ doanh nghiệp xuất đi EU theo GSP phải hoàn thành đăng ký mã số này).

Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang EU

Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) EVFTA có mẫu EUR.1, theo quy định trong EVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ EU và Việt Nam. Tuy nhiên, do EU không áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền mà áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu có đăng ký (hệ thống REX), mẫu EUR.1 trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi EU.

Mẫu EUR.1 được quy định tại Phụ lục VII, Nghị định thư 1 EVFTA. Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại...)
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên mẫu EUR.1 (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa)

Thời hạn hiệu lực của C/O EUR.1 là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 sớm nhất có thể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy theo kê khai) và không quá ba ngày làm việc kể từ sau ngày này.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau khi xuất khẩu nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng.

Thời điểm nộp C/O

EVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O EVFTA, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/EU) quy định phụ hợp theo pháp luật của mình. Trên thực tế:

- **Đối với hàng hóa EU nhập khẩu vào Việt Nam:** theo quy định hiện hành của Việt Nam (Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính), thời điểm nộp C/O của hàng hóa nhập khẩu từ một nước có thỏa thuận ưu đãi thuế quan với Việt Nam là **tại thời điểm làm thủ tục hải quan** cho hàng nhập khẩu, và có thể nộp muộn **không quá 30 ngày** kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

- **Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU:** EU cho phép nộp C/O cho cơ quan hải quan của EU để hưởng ưu đãi thuế quan sau thời điểm nhập khẩu hàng hóa vào EU. Theo thông tin từ phía EU thì thời hạn cho phép nộp sau này ít nhất là **2 năm**.

LƯU Ý DOANH NGHIỆP

C/O mẫu EUR.1 có những nội dung khá quen thuộc và đơn giản hơn so với Mẫu C/O trong các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của Mẫu này trong EVFTA vẫn có những điểm khác biệt đáng chú ý so với các FTA Việt Nam từng ký kết khác. Các nội dung này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần cung cấp hoặc thông tin khai báo. Hiện các cam kết EVFTA về các vấn đề này đã được nội luật hóa và hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 11/2020/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA. Doanh nghiệp xuất khẩu muốn hàng hóa hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA cần tra cứu kỹ Thông tư này để biết QTXX từng mặt hàng và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo EVFTA.

Ngoài ra doanh nghiệp cũng cần chú ý C/O mẫu EUR.1 có thể được cấp sau thời điểm xuất khẩu từ Việt Nam và nộp sau thời điểm nhập khẩu vào EU. Vì vậy, trong trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp đáp ứng được QTXX của EVFTA nhưng vì lý do chính đáng nào đó mà chưa kịp xin C/O mẫu EUR.1 tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thì vẫn có thể xin cấp C/O này sau thời điểm hàng hóa đã xuất khẩu sang EU. Đồng thời, doanh nghiệp có thể nộp muộn C/O mẫu EUR.1 cho cơ quan hải quan EU sau khi hàng hóa đã được nhập khẩu vào thị trường này để xin hồi tố thuế quan ưu đãi EVFTA mà trước đó vì chưa có C/O mẫu EUR.1 nên chưa được hưởng ưu đãi thuế.

07

Một số cam kết khác về thủ tục chứng nhận xuất xứ cần chú ý trong EVFTA?

Hàng hóa miễn chứng từ xuất xứ

EVFTA quy định các hàng hóa sau có thể được miễn chứng từ xuất xứ:

- Kiện hàng hóa nhỏ được gửi từ cá nhân đến cá nhân, hoặc
- Hành lý cá nhân của người đi du lịch, hoặc
- Những lô hàng nhập khẩu không thường xuyên phục vụ cho tiêu dùng cá nhân.

Điều kiện để được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ đối với các trường hợp nói trên là:

i **Các hàng hóa đó không dùng cho mục đích thương mại, và**

ii **Có tổng giá trị:**

- *Khi nhập khẩu vào EU:* 500 EUR đối với kiện hàng nhỏ hoặc 1200 EUR đối với hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch;
- *Khi nhập khẩu vào Việt Nam:* 200 USD đối với trường hợp kiện hàng nhỏ, hoặc hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch.

  Thông tin thêm: Các mức này trong FTA Việt Nam- Hàn Quốc là 600 USD, FTA Việt Nam-Liên minh Kinh tế Á Âu là 200 USD, còn CPTPP là 1.000 USD, chung cho tất cả các đối tác.

Hàng hóa quá cảnh qua nước thứ ba

Trong thương mại quốc tế, việc hàng hóa quá cảnh tại nước thứ ba và được tháo dỡ, chia nhỏ tại đó rồi xuất đi các nơi khác nhau ngày càng phổ biến. Chẳng hạn sản phẩm cà phê của Việt Nam xuất khẩu quá cảnh tại Singapore, tại đây lô hàng được chia thành nhiều phần, một phần đưa vào nội địa Singapore, một phần xuất sang Australia, một phần sang EU.

Các FTA trước đây của Việt Nam thường chỉ cho phép hàng hóa quá cảnh tại nước thứ ba được giữ nguyên xuất xứ theo FTA nếu hàng hóa không bị tháo dỡ, chia nhỏ khi quá cảnh.

EVFTA lại chấp nhận cho phép trường hợp này được giữ nguyên xuất xứ EVFTA với điều kiện là việc chia nhỏ lô hàng vẫn nằm dưới sự giám sát hải quan tại nước chia nhỏ lô hàng.

Với trường hợp này, nếu có nghi ngờ, cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu có thể yêu cầu người kê khai hải quan cung cấp các chứng từ chứng minh hàng hóa tuân thủ điều kiện nói trên, dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm:

- Chứng từ vận tải (vận đơn);
- Chứng từ thực tế hoặc cụ thể về dán nhãn hoặc đánh số kiện hàng;
- Bất kỳ chứng từ nào liên quan đến bản thân hàng hoá;
- Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ do cơ quan hải quan nước quá cảnh/chia nhỏ lô hàng cung cấp hoặc bất kỳ chứng từ nào chứng minh hàng hoá vẫn nằm trong sự kiểm soát của cơ quan hải quan nước quá cảnh/chia nhỏ lô hàng

Như vậy, theo EVFTA, không phải bất kỳ trường hợp nào doanh nghiệp cũng đều phải tự động xuất trình các chứng từ chứng minh hàng hóa tuân thủ yêu cầu liên quan tới việc tháo dỡ/chia nhỏ lô hàng tại nước thứ ba. Thay vào đó, EVFTA quy định doanh nghiệp chỉ phải xuất trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan nước nhập khẩu, và cơ quan này được yêu cầu xuất trình **trong trường hợp có nghi ngờ.**

Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần tìm hiểu kỹ và chuẩn bị đầy đủ giấy tờ chứng minh liên quan để để phòng trường hợp có thể bị kiểm tra.

Xác minh xuất xứ

Về nguyên tắc, hàng hóa khi nhập khẩu có chứng nhận xuất xứ theo EVFTA thì sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Tuy nhiên, nếu trong quá trình phối hợp xác minh xuất xứ giữa cơ quan hải quan Việt Nam và EU mà xác định chứng nhận xuất xứ đó không đáp ứng các yêu cầu về QTXX của EVFTA, Bên nhập khẩu có quyền từ chối ưu đãi thuế quan cho lô hàng liên quan.
Quy trình xác minh được quy định cụ thể trong EVFTA như sau:

- **Thời gian xác minh:** Việc xác minh chứng từ xuất xứ có thể được thực hiện bất cứ khi nào Bên nhập khẩu thấy nghi ngờ về tính xác thực của chứng từ xuất xứ đó. Khi đó, Bên nhập khẩu sẽ yêu cầu Bên xuất khẩu xác minh chứng từ xuất xứ có nghi ngờ (EVFTA có quy định cụ thể về thời hạn lưu trữ hồ sơ phục vụ việc xác minh đối với từng nhóm đối tượng riêng).
- **Đối tượng thực hiện xác minh:** Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu sẽ tiến hành xác minh (chứ không phải là Bên nhập khẩu). Cơ quan này sẽ căn cứ vào chứng từ và chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền Bên nhập khẩu gửi để tiến hành kiểm tra nhà xuất khẩu của Bên mình dựa trên báo cáo kế toán của nhà xuất khẩu đó hoặc bất kỳ hình thức nào khác thích hợp. Kết quả xác minh sau đó phải gửi cho cơ quan có thẩm quyền Bên nhập khẩu.

- **Biện pháp tạm thời:** Trong thời gian đợi kết quả xác minh, Bên nhập khẩu có quyền tạm dừng ưu đãi thuế quan đối với lô hàng liên quan.
- **Tạm dừng ưu đãi:** Nếu trong vòng 10 tháng kể từ ngày Cơ quan có thẩm quyền Bên nhập khẩu gửi yêu cầu xác minh mà không nhận được phản hồi hoặc phản hồi không thỏa đáng từ Cơ quan có thẩm quyền Bên xuất khẩu, Bên nhập khẩu có quyền từ chối cho hưởng ưu đãi đối với lô hàng có chứng nhận xuất xứ không xác thực, và trong một số trường hợp tạm dừng ưu đãi đối với toàn bộ sản phẩm liên quan (tức là tất cả các lô hàng xuất khẩu sản phẩm đó của Việt Nam sang EU sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA nữa - xem thêm Câu 18).
- **Xử phạt:** EVFTA yêu cầu các Bên phải đặt ra các chế tài xử phạt đối với các hình thức gian lận, làm giả chứng từ xuất xứ nhằm được hưởng ưu đãi thuế quan.

EVFTA có quy định rất cụ thể về xác minh xuất xứ và các chế tài xử phạt khi vi phạm các vấn đề về chứng nhận xuất xứ. EU lại là Khu vực rất nghiêm khắc về vấn đề này. Vì vậy, ngoài việc phải thực hiện đúng và đầy đủ việc khai báo xuất xứ doanh nghiệp cần phải chú ý lưu trữ đầy đủ hồ sơ chứng từ xuất xứ để phục vụ cho việc xác minh xuất xứ nếu được yêu cầu. Theo EVFTA thì nhà xuất khẩu phải lưu trữ bản sao chứng từ xuất xứ và các hồ sơ liên quan trong vòng ít nhất là 3 năm.

08

EVFTA có cam kết về các biện pháp phi thuế quan đối với các sản phẩm rau quả không?

Các biện pháp phi thuế quan là tất cả các biện pháp không phải thuế quan mà có tác dụng hạn chế việc nhập khẩu hàng hoá vào một nước. Các biện pháp phi thuế quan thường được áp dụng phổ biến bởi các nước nhập khẩu là: các biện pháp vệ sinh an toàn thực thẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT), các biện pháp phòng vệ thương mại (TR – bao gồm các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ), các biện pháp hạn chế định lượng xuất nhập khẩu (như cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu, hạn ngạch nhập khẩu...)....

Theo quy định của WTO, các nước nhập khẩu chỉ được sử dụng thuế quan như là biện pháp bảo hộ hợp pháp duy nhất. Việc áp dụng các biện pháp phi thuế khác phải có lý do hợp lý (như các biện pháp SPS, TBT để bảo vệ người tiêu dùng, môi trường...) và tuân thủ các quy định cụ thể của WTO. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều nước vẫn sử dụng các biện pháp này như một công cụ để bảo hộ sản xuất trong nước, đặc biệt cho các ngành yếu thế và nhạy cảm. EU là một trong số các thành viên WTO sử dụng rất phổ biến các biện pháp phi thuế quan đối với hàng hóa, đặc biệt đối với các hàng hóa nông nghiệp như rau quả.

Bên cạnh WTO, các FTA ký kết riêng giữa các thành viên WTO với nhau cũng đề cập đến các biện pháp phi thuế quan. Các FTA thường tiếp nối các nguyên tắc cơ bản của WTO về các biện pháp này, tái khẳng định các cam kết của các bên trong WTO trong việc hạn chế sử dụng các biện pháp gây cản trở thương mại này. Tuy nhiên, các FTA cũng bổ sung thêm một số cam kết nhằm hạn chế hơn nữa các nước trong việc sử dụng các biện pháp phi thuế quan. Cụ thể, các FTA thường yêu cầu cao hơn về việc minh bạch hóa thông tin, sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng công bằng bình đẳng, có cơ chế hợp tác, giải quyết tranh chấp nhanh chóng thuận tiện hơn....

Là một FTA thế hệ mới, EVFTA không chỉ có các cam kết về biện pháp phi thuế quan tương tự các FTA trước đây mà còn có thêm một số cam kết riêng đáng chú ý. Hầu hết các cam kết này được áp dụng chung, cho tất cả các loại hàng hóa, bao gồm các sản phẩm rau quả. Các cam kết có liên quan nhiều nhất đến sản phẩm rau quả là: các cam kết SPS, TBT, phòng vệ thương mại, hải quan và thuận lợi hóa thương mại.

09

EVFTA có cam kết chung nào đáng chú ý về các biện pháp vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm áp dụng đối với các sản phẩm rau quả?

Biện pháp vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm (gọi tắt là SPS) là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm bảo vệ tính mạng, sức khoẻ của con người, vật nuôi, động thực vật thông qua việc bảo đảm an toàn thực phẩm và/hoặc ngăn chặn sự xâm nhập của các dịch bệnh có nguồn gốc từ động thực vật.

Ví dụ về các biện pháp SPS:

- Các quy định về hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau quả
- Quy định về khử khuẩn, khử trùng đối với rau quả tươi
- Quy định đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất rau quả sấy khô, đóng hộp...

WTO có một Hiệp định riêng về SPS với các nguyên tắc liên quan tới quy trình và cách thức áp dụng các biện pháp SPS.

Chương SPS của EVFTA bên cạnh việc nhấn mạnh trách nhiệm bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ về SPS theo WTO còn bổ sung thêm một số cam kết mới, trong đó đặc biệt là việc thống nhất áp dụng các biện pháp SPS đối với hàng nhập khẩu từ Bên kia với hàng nội địa, và thống nhất về cơ quan có thẩm quyền quản lý SPS của Việt Nam và EU. Các quy định này áp dụng chung đối với tất cả các sản phẩm liên quan, trong đó có rau quả.

Thống nhất các biện pháp SPS đối với hàng nhập khẩu

Theo nguyên tắc của WTO và được nhắc lại trong EVFTA, các biện pháp SPS đối với hàng nhập khẩu có thể có các yêu cầu riêng về thủ tục và điều kiện không giống với biện pháp SPS áp dụng với hàng nội địa.

Trong EVFTA, liên quan tới các biện pháp SPS với hàng nhập khẩu, có một số cam kết đáng chú ý:

- Biện pháp SPS phải được áp dụng thống nhất đối với toàn bộ lãnh thổ của Bên xuất khẩu (ngoại trừ hàng hóa từ các vùng có nguy cơ)

  Đối với Việt Nam, nghĩa vụ này được hiểu là thủ tục kiểm soát về SPS của Việt Nam đối với hàng EU nhập khẩu phải được áp dụng thống nhất, dù hàng hóa đó là đến từ lãnh thổ của nước thành viên nào trong EU (trừ khi liên quan tới khu vực dịch bệnh).

- Biện pháp SPS phải có căn cứ khoa học, phù hợp với rủi ro có liên quan, ít hạn chế thương mại nhất có thể; được áp dụng công bằng, không phân biệt đối xử, minh bạch

- Bên xuất khẩu phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu của Bên nhập khẩu
- Bên nhập khẩu có quyền thực hiện kiểm tra nhập khẩu theo mức độ rủi ro về SPS của hàng nhập khẩu nhưng phải thông tin đầy đủ về tần suất kiểm tra và điều chỉnh tần suất cho phù hợp
- Về các loại sâu bệnh: Việt Nam và EU phải thiết lập và cập nhật danh sách các loại sâu bệnh được kiểm soát và cung cấp các danh sách này cho Bên kia, chỉ áp dụng SPS với các loại sâu bệnh thuộc diện phải kiểm soát mà Bên nhập khẩu quan ngại

Thống nhất về cơ quan có thẩm quyền về SPS của Việt Nam và EU

Việc tồn tại quá nhiều cơ quan cùng quản lý về các vấn đề SPS, đặc biệt là khi việc phân chia chức năng giữa các cơ quan này không rõ ràng là một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng chồng lấn, vướng mắc trong quản lý SPS, gây khó khăn, tốn kém cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa.

Nhằm giải quyết một phần tình trạng này, EVFTA có một số cam kết xác định rõ phân quyền quản lý SPS ở mỗi Bên như sau:

i Cơ quan quản lý SPS của Việt Nam

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về các biện pháp SPS sau: (i) Đối với hàng nhập khẩu: Giám sát, kiểm soát, ngăn chặn các loại dịch bệnh, sâu bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến con người, động thực vật và nền kinh tế; (ii) Đối với hàng xuất khẩu: Thanh tra, kiểm dịch và phát hành giấy chứng nhận bảo đảm đáp ứng các SPS của EU;
- Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, tùy thuộc chức năng của mình, chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm sử dụng cho người, bao gồm: (i) Đối với thực phẩm nhập khẩu, thực hiện việc giám sát, kiểm soát, ban hành các SPS và thủ tục chứng nhận SPS, tiến hành quy trình đánh giá rủi ro của sản phẩm, kiểm tra các cơ sở sản xuất về việc tuân thủ các SPS của Việt Nam; (ii) Đối với thực phẩm xuất khẩu, kiểm tra và cấp chứng nhận;

ii Cơ quan quản lý SPS của EU

- Đối với sản phẩm xuất khẩu sang Việt Nam: **Mỗi nước thành viên EU** chịu trách nhiệm giám sát bảo đảm quá trình sản xuất tuân thủ các yêu cầu liên quan, thanh tra và phát hành chứng nhận sự phù hợp của hàng hóa với các yêu cầu SPS của Việt Nam;
- Đối với sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam: **Mỗi nước thành viên EU** chịu trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu với các điều kiện nhập khẩu của EU;
- **Ủy ban châu Âu** (cơ quan cấp Liên minh) chịu trách nhiệm về phối hợp chung, kiểm tra/thanh tra hệ thống kiểm soát và hệ thống pháp luật liên quan của các nước thành viên nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất các SPS của thị trường nội địa EU.

10

EVFTA có cam kết cụ thể nào đáng chú ý về SPS áp dụng đối với rau quả?

EVFTA có một số cam kết về các vấn đề SPS cụ thể, áp dụng chung cho các sản phẩm liên quan, trong đó có rau quả.

Quyền áp dụng biện pháp SPS theo khu vực địa lý

Theo EVFTA, Việt Nam và EU được quyền áp dụng các biện pháp SPS riêng theo phân vùng địa lý tùy thuộc nguy cơ dịch bệnh và sâu bệnh.

Cụ thể, đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu trên lãnh thổ Bên xuất khẩu có vùng nguy cơ dịch bệnh cao, có vùng nguy cơ thấp và có vùng không có nguy cơ trong cùng một thời điểm thì Bên nhập khẩu sẽ có quyền chủ động phân vùng địa lý theo nguy cơ dịch bệnh, áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với hàng hóa nhập khẩu xuất phát từ các vùng có nguy cơ khác nhau của Bên xuất khẩu.

Đối với hàng hóa của mình xuất khẩu đi, Việt Nam/EU cũng có quyền áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với các vùng địa lý khác nhau theo nguy cơ dịch bệnh này.

Việc xác định tính chất của mỗi vùng (của cả nước nhập khẩu và nước xuất khẩu) phải căn cứ vào Hiệp định SPS của WTO, các tiêu chuẩn, khuyến nghị liên quan của Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC), Tổ chức Thú y Thế giới (OIE).

Trường hợp Bên nhập khẩu phân vùng địa lý để áp dụng biện pháp SPS đối với hàng hóa nhập khẩu thì cần cân nhắc cả cách phân vùng nguy cơ dịch bệnh của Bên xuất khẩu; trường hợp không đồng ý với cách phân vùng của Bên xuất khẩu thì phải tạo điều kiện để hai Bên tham vấn về các bằng chứng liên quan.

Quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp

Do gắn với các vấn đề về dịch tễ vốn không phải luôn luôn dự đoán trước được, bên cạnh các biện pháp SPS có tính ổn định (ví dụ dư lượng kháng sinh thủy sản, yêu cầu an toàn thực phẩm với sản phẩm đóng hộp...), có nhiều biện pháp SPS bất thường, khẩn cấp, thường là liên quan tới các dịch bệnh bất ngờ.

EVFTA có các cam kết riêng về các biện pháp SPS khẩn cấp này, với mục tiêu vừa bảo đảm khả năng phản ứng nhanh với các trường hợp rủi ro cao về dịch tễ nhưng đồng thời tránh hiện tượng lạm dụng, hạn chế tối đa các tác động không cần thiết đối với thương mại.

Cụ thể, theo EVFTA, khi một Bên có quan ngại nghiêm trọng về một vấn đề SPS như rủi ro cho sức khỏe hoặc tính mạng con người, động thực vật, thì có thể yêu cầu tham vấn với Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể và cung cấp các thông tin cần thiết để tránh gây ảnh hưởng đình trệ thương mại.

Nếu cần thiết, Bên nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp để bảo vệ sức khỏe tính mạng con người, động thực vật mà **không cần báo trước.** Tuy nhiên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp này phải được tính toán để mức độ ảnh hưởng tới thương mại là thấp nhất có thể và Bên nhập khẩu trong vòng 24 giờ phải thông báo cho nước xuất khẩu về biện pháp này. Nếu Bên xuất khẩu có yêu cầu thì phải thực hiện tham vấn về tình trạng khẩn cấp liên quan trong vòng 10 ngày kể từ khi có thông báo.

Công nhận tương đương

Liên quan tới các biện pháp SPS, công nhận tương đương được hiểu là việc nước nhập khẩu công nhận rằng biện pháp SPS của nước xuất khẩu có hiệu quả tương đương với biện pháp SPS của mình.

Nếu biện pháp SPS được công nhận tương đương, hàng nhập khẩu sẽ chỉ phải làm thủ tục kiểm soát SPS tại nước xuất khẩu mà không phải làm lại thủ tục này khi đến cảng nước nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi rất lớn cho người xuất nhập khẩu.

Tuy nhiên, trên thực tế, mỗi nước đều có quyền chủ động rất lớn trong việc quyết định biện pháp SPS của mình, do đó các biện pháp SPS đối với cùng một sản phẩm có thể có sự khác biệt lớn giữa các nước. Chính vì vậy, việc công nhận tương đương này thường không dễ dàng.

EVFTA cũng không có cam kết cụ thể nào bắt buộc việc công nhận tương đương này mà chỉ nêu cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc công nhận tương đương, nếu có. Cụ thể:

- Với tư cách là Bên xuất khẩu, Việt Nam hoặc EU đều có quyền yêu cầu Bên kia (Bên nhập khẩu) công nhận tương đương một hoặc một số biện pháp SPS nhất định;
- Bên nhập khẩu phải bắt đầu thủ tục tham vấn về công nhận tương đương trong vòng 03 tháng kể từ khi khi nhận được yêu cầu này (ngắn hơn so với thời hạn mà WTO quy định là 6 tháng); việc xem xét tính tương đương cần được tiến hành nhanh chóng, đặc biệt đối với các sản phẩm đã từng nhập khẩu từ Bên xuất khẩu; Bên nhập khẩu cần xem xét đầy đủ yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật của Bên xuất khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc công nhận tương đương;
- Trong khi Bên nhập khẩu đang cân nhắc xem xét công nhận tính tương đương, việc nhập khẩu sản phẩm liên quan sẽ vẫn được tiến hành bình thường, không bị ngừng hoặc hoãn lại vì lý do này.

Mặc dù EVFTA có nội dung khuyến khích việc công nhận tương đương về biện pháp SPS, trên thực tế doanh nghiệp Việt Nam rất khó có thể hy vọng phía EU công nhận tương đương đối với các biện pháp SPS của Việt Nam bởi:

- EU là khu vực nổi tiếng trên thế giới về các biện pháp SPS khắt khe, cao hơn hẳn so với nhiều khu vực khác, đặc biệt cao hơn so với các biện pháp SPS ở các nước đang phát triển như Việt Nam;
- EU rất hiếm khi công nhận tương đương các biện pháp SPS với các nước khác trên thế giới, kể cả với các nước được cho là có chuẩn SPS cao.

EVFTA có cam kết cụ thể gì đáng chú ý về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) ảnh hưởng đến các sản phẩm rau quả?

Trong thương mại quốc tế, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (technical barriers to trade, gọi tắt là TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

Mỗi nước đều có hệ thống các TBT của mình, được ban hành nhằm nhiều mục đích quản lý khác nhau (ví dụ bảo đảm tính mạng, sức khỏe của người sử dụng, thông tin đầy đủ cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường...). Từ các yêu cầu như cách thức ghi nhãn sản phẩm, các quy chuẩn tối thiểu/tối đa về chất lượng sản phẩm...đều là các TBT. Theo quy định của WTO, các biện pháp TBT phải được áp dụng như nhau với hàng hóa, không phụ thuộc vào nguồn gốc (hàng nhập khẩu hay hàng sản xuất nội địa).

Trong thương mại quốc tế, các TBT khắt khe của nước nhập khẩu có thể khiến hàng nước ngoài không thể nhập khẩu, vì thế đôi khi bị lạm dụng để bảo hộ hàng hóa nội địa trước hàng hóa nhập khẩu. WTO có một Hiệp định riêng về TBT, với các quy định nhằm bảo đảm các nước duy trì hệ thống TBT minh bạch, hợp lý và không tạo ra rào cản trá hình.

Đối với sản phẩm rau quả, các biện pháp TBT ảnh hưởng không nhiều, chủ yếu là các sản phẩm rau quả chế biến sẽ chịu tác động bởi các biện pháp về ghi nhãn hàng hóa của nước nhập khẩu. Vì vậy, trong EVFTA, các cam kết TBT có khả năng ảnh hưởng lớn nhất đến các sản phẩm rau quả là các quy định về đánh dấu và ghi nhãn hàng hóa.

Quy định về Đánh dấu và Ghi nhãn hàng hóa trong EVFTA

Đối với các sản phẩm rau quả, đặc biệt là rau quả chế biến được sử dụng làm thực phẩm thì các thông tin về nguồn gốc, thành phần, giá trị dinh dưỡng... của sản phẩm là rất quan trọng vì có thể ảnh hưởng tới sức khỏe của người tiêu dùng. Do đó, thông thường các nước nhập khẩu sẽ có yêu cầu rất cụ thể về các thông tin bắt buộc và cách thức ghi nhãn, đánh dấu đối với các sản phẩm này.

EU là một trong những thị trường khó tính và yêu cầu cao nhất về an toàn thực phẩm và thông tin cho người tiêu dùng về các sản phẩm thực phẩm. Do đó, thực phẩm xuất khẩu sang EU phải tuân thủ rất nghiêm ngặt các quy định của thị trường này về việc ghi nhãn và đóng dấu hàng hóa.

EVFTA không cấm hay hạn chế các nước trong việc ban hành các quy định về Đánh dấu và Ghi nhãn trên hàng hóa. Tuy nhiên, việc ban hành các quy định này không được tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại quốc tế. EVFTA có một số cam kết về ghi nhãn và đánh dấu trên hàng hóa (trong đó có rau quả), đáng chú ý có các cam kết về:

- Thông tin bắt buộc phải có trên dấu, nhãn hàng hóa chỉ bao gồm các thông tin có ý nghĩa đối với người tiêu dùng/người sử dụng sản phẩm, hoặc thông tin về sự phù hợp của sản phẩm với các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc;
- Trừ trường hợp vì lợi ích công cộng, nếu hàng hóa đã đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc liên quan thì không bắt buộc phải đăng ký hay xin phê duyệt nhãn hoặc dấu của hàng hóa đó trước khi lưu hành trên thị trường;
- Phải cho phép thực hiện gắn, bổ sung nhãn mác tại một địa điểm được chấp thuận trên lãnh thổ nước nhập khẩu (ví dụ kho ngoại quan tại cửa khẩu đến), tuy nhiên có thể yêu cầu giữ (không gỡ bỏ) nhãn cũ trên sản phẩm;
- Cho phép ghi thông tin bằng các ngôn ngữ bổ sung khác ngoài ngôn ngữ theo yêu cầu của nước nhập khẩu, hoặc bổ sung các thuật ngữ, chữ tượng hình, biểu tượng hoặc hình ảnh được chấp thuận quốc tế và các thông tin khác ngoài thông tin yêu cầu bởi nước nhập khẩu;
- Khuyến khích việc chấp thuận các loại dấu, nhãn mác không cố định, có thể tách/bóc ra khỏi hàng hóa hoặc các dạng nhãn mác đi kèm các tài liệu liên quan khác mà không gắn trực tiếp vào hàng hóa.

LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Đánh dấu và ghi nhãn là nhóm biện pháp TBT được áp dụng phổ biến nhất hiện nay, và trong nhiều trường hợp quy định về đánh dấu và ghi nhãn hàng hóa gây ra bất cập, tốn kém chi phí cho doanh nghiệp (đặc biệt trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã tới cảng đến và bị giữ lại không cho lưu thông ra thị trường vì lý do nhãn, mác chưa đúng quy cách). Quy định về ghi nhãn đối với các loại thực phẩm như rau quả càng khắt khe và nhiều yêu cầu hơn nữa.

Do đó, cùng với các quy định về ghi nhãn của riêng EU, doanh nghiệp rau quả cũng cần tìm hiểu các cam kết về nhóm biện pháp này trong EVFTA để có chuẩn bị tuân thủ, tránh những rắc rối không cần thiết khi xuất khẩu, đồng thời có biện pháp xử lý, thông tin cho cơ quan Chính phủ để bảo vệ quyền lợi của mình trong trường hợp yêu cầu TBT về nhãn, mác của nước nhập khẩu phía EU vi phạm cam kết EVFTA.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải thường xuyên cập nhật về những thay đổi trong quy định của EU về ghi nhãn và đánh dấu đối với hàng hóa để kịp thời đáp ứng.

EVFTA có cam kết gì đáng chú ý về các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp?

Chống bán phá giá (anti-dumping) và chống trợ cấp (anti-subsidy, hoặc còn được gọi là biện pháp đối kháng "countervailing") là các biện pháp được quy định trong WTO, cho phép nước nhập khẩu được thực hiện để bảo vệ ngành sản xuất nội địa của mình trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh (bán phá giá, bán hàng hóa được trợ cấp) của hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài.

Từ trước đến nay, các sản phẩm rau quả không phải là đối tượng thường xuyên bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Tuy nhiên, trong bối cảnh xu hướng bảo hộ gia tăng ở nhiều nước, và các biện pháp thuế quan được cắt giảm theo các FTA khiến các ngành sản xuất nội địa tăng cường tìm đến các biện pháp phi thuế quan như các biện pháp phòng vệ thương mại, thì nguy cơ các sản phẩm rau quả bị điều tra và áp dụng các biện pháp này có thể gia tăng. Vì vậy, các doanh nghiệp ngành rau quả cũng cần chú ý đến các cam kết EVFTA về vấn đề này.

Các cam kết EVFTA về chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng chung đối với tất cả các loại hàng hóa trong đó có rau quả. So với WTO, EVFTA có một số cam kết riêng về chống bán phá giá và chống trợ cấp trong đó đáng chú ý là:

Các cam kết mới về quy trình, thủ tục tiến hành các vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp

EVFTA yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp của EU và Việt Nam trong các vụ việc liên quan tới hàng hóa của nhau phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- **Công khai thông tin:** tất cả các thông tin và dữ liệu tham khảo cần thiết được sử dụng để đưa ra quyết định phải được công khai ngay sau khi tiến hành áp dụng biện pháp tạm thời và trong mọi trường hợp trước khi ra kết luận cuối cùng. Việc công khai phải bằng văn bản, và phải cho các bên liên quan một khoảng thời gian hợp lý để đưa ra ý kiến bình luận với các nội dung liên quan
- **Cơ hội bình luận:** Các bên liên quan tới vụ việc phải được có cơ hội thể hiện quan điểm của mình trong quá trình điều tra phòng vệ thương mại (với điều kiện không làm chậm trễ bất hợp lý quá trình điều tra)
- **Thống nhất ngôn ngữ:** Tiếng Anh được lựa chọn là ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình trao đổi thông tin giữa Việt Nam và EU trong quá trình điều tra phòng vệ thương mại

Các cam kết mới về mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp

Theo WTO, khi xác định mức thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp, nước nhập khẩu có thể lựa chọn áp dụng mức như biên độ phá giá/trợ cấp hoặc mức thấp hơn biên độ phá giá/trợ cấp. Như vậy, mức thuế cao nhất có thể áp dụng là mức bằng với biên độ phá giá/trợ cấp, nhưng WTO khuyến nghị các nước "không nên cứng nhắc" và "nên" áp dụng mức thuế thấp hơn nếu mức đó đã đủ để loại bỏ thiệt hại của ngành sản xuất nội địa (thường gọi là quy tắc "mức thuế thấp hơn" – "lesser duty"). Hiện các nước có cách lựa chọn khác nhau. Ví dụ Hoa Kỳ luôn áp dụng mức thuế bằng biên độ phá giá/trợ cấp; EU thì chọn mức nào thấp hơn trong hai biên độ - biên độ phá giá và biên độ thiệt hại.

EVFTA không có quy định khác về vấn đề này so với WTO nhưng **nhấn mạnh** hơn nghĩa vụ xem xét áp dụng "lesser duty". Thay vì chỉ là khuyến nghị như WTO, EVFTA đòi hỏi Việt Nam và EU "nỗ lực bảo đảm" áp dụng quy tắc này.

Trên thực tế, Việt Nam trước nay đều quy định như WTO, theo đó:

- Không áp dụng biện pháp thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp ở mức vượt quá biên độ phá giá/trợ cấp được xác định trong kết luận chính thức của Cơ quan điều tra
- Biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết, hợp lý nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại của ngành sản xuất nội địa Việt Nam

Như vậy, pháp luật Việt Nam hiện đang để ngỏ khả năng cho phép áp dụng mức thuế thấp hơn biên độ phá giá/trợ cấp nhưng không nhấn mạnh việc áp dụng này.

Còn EU thì đã và đang áp dụng nguyên tắc "mức thuế thấp hơn" này trong pháp luật của mình một cách rõ ràng.

Tuy nhiên, dù là EU hay Việt Nam thì trước EVFTA, quy tắc "mức thuế thấp hơn" là quy định mà EU và Việt Nam áp dụng tự nguyện, có thể thay đổi nếu muốn (do WTO không bắt buộc nguyên tắc này). Với cam kết trong EVFTA, khi Hiệp định này có hiệu lực, ngay cả khi Việt Nam hoặc EU quyết định dừng quy định hiện tại về áp dụng "lesser duty rules", đối với các vụ việc chống bán phá giá/chống trợ cấp với hàng hóa EU, Việt Nam vẫn phải nỗ lực bảo đảm sử dụng quy tắc này và với EU cũng vậy.

Điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp

WTO quy định để có thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp thì nước nhập khẩu cần chứng minh sự tồn tại đồng thời của cả 03 điều kiện là (i) Hàng nhập khẩu được bán phá giá/trợ cấp với biên độ trên mức tối thiểu; (ii) Có thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại đáng kể với ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu và (iii) Có mối quan hệ nhân quả giữa việc bán phá giá/trợ cấp của hàng nhập khẩu với thiệt hại của ngành sản xuất nội địa.

Tuy nhiên, theo cam kết EVFTA, kể cả khi chứng minh đủ 03 điều kiện nói trên, Việt Nam và EU vẫn sẽ **không áp dụng** các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp nếu các thông tin sẵn có từ điều tra cho kết luận rõ ràng rằng việc áp dụng các biện pháp này **không phù hợp với "lợi ích công cộng".**

Như vậy, các điều kiện để áp dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp sẽ không chỉ bao gồm 03 yếu tố như trong WTO mà còn có thêm yếu tố "lợi ích công cộng".

Việc xem xét yếu tố "lợi ích công cộng" đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền trước khi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp phải xem xét, cân nhắc các thông tin sẵn có về tất cả các yếu tố liên quan như hiện trạng và quan điểm của ngành sản xuất nội địa, các nhà nhập khẩu, các hiệp hội đại diện cho họ, các tổ chức đại diện người tiêu dùng và đại diện đơn vị hạ nguồn (sử dụng sản phẩm là đối tượng điều tra làm nguyên liệu đầu vào)... Chỉ khi xác định rằng việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp là phù hợp với các lợi ích công cộng tổng thể thì cơ quan này mới có thể áp dụng các biện pháp này.

Trên thực tế, trước 2018, Việt Nam áp dụng quy định "lợi ích công cộng" này trong pháp luật và thực tiễn điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp của mình (một cách tự nguyện). Tuy nhiên, theo Luật Quản lý Ngoại thương mới của Việt Nam (có hiệu lực từ 01/01/2018) thì điều kiện "lợi ích công cộng" đã được loại bỏ, cơ quan điều tra sẽ không còn phải xác định điều kiện này khi quyết định các biện pháp liên quan.

Như vậy, khi EVFTA có hiệu lực, riêng đối với các vụ điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu từ EU, Việt Nam sẽ vẫn phải bảo đảm tính tới cả yếu tố "lợi ích công cộng" trước khi áp dụng các biện pháp liên quan; còn với các vụ điều tra đối với hàng hóa nhập khẩu từ các thị trường khác thì Việt Nam không cần phải xem xét tới yếu tố "lợi ích công cộng" này.

Về phía EU, pháp luật khối này hiện đã đang quy định "lợi ích công cộng" là một yếu tố phải xem xét khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp.

13

EVFTA có quy định gì đáng chú ý về việc áp dụng các biện pháp tự vệ?

Biện pháp tự vệ là một trong ba biện pháp phòng vệ thương mại theo WTO (bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ). Biện pháp này cho phép nước nhập khẩu có thể thông qua biện pháp thuế hoặc biện pháp khác để bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước hiện tượng hàng nước ngoài nhập khẩu ồ ạt, đột biến, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành. Các sản phẩm rau quả của Việt Nam cũng có nguy cơ là đối tượng của các biện pháp này nếu được nhập khẩu một lượng lớn vào EU gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa tương tự của khu vực này.

EVFTA có một số cam kết mới về các biện pháp tự vệ so với WTO, đối với cả các biện pháp tự vệ toàn cầu và tự vệ song phương.

Biện pháp tự vệ toàn cầu

Biện pháp "tự vệ toàn cầu" là biện pháp tự vệ áp dụng theo Hiệp định về Biện pháp Tự vệ của WTO. Đặc điểm của biện pháp tự vệ toàn cầu là được áp dụng bởi nước nhập khẩu đối với hàng hóa liên quan nhập khẩu từ tất cả các nguồn (toàn cầu), không phân biệt nước xuất khẩu.

EVFTA nhấn mạnh việc tuân thủ các quy định của WTO về biện pháp tự vệ toàn cầu, đồng thời bổ sung thêm một số yêu cầu sau:

- **Thông báo:** Bên khởi xướng điều tra/chuẩn bị áp dụng biện pháp tự vệ phải thông báo bằng văn bản tất cả các thông tin làm căn cứ để khởi xướng điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ theo yêu cầu của Bên kia và nếu Bên kia có lợi ích đáng kể trong vụ việc;
- **Cách thức:** Phải tạo điều kiện để trao đổi song phương giữa hai Bên về biện pháp tự vệ và chỉ được áp dụng chính thức biện pháp tự vệ sau 30 ngày kể từ khi trao đổi song phương thất bại.

Biện pháp tự vệ song phương

Trong EVFTA, Việt Nam và EU có thể áp dụng thêm biện pháp tự vệ song phương – biện pháp tự vệ chỉ áp dụng cho hàng hóa từ EU/Việt Nam (mà không áp dụng chung cho hàng hóa từ các nguồn xuất khẩu như WTO). Biện pháp tự vệ song phương này chỉ được áp dụng trong 10 năm đầu tiên Hiệp định có hiệu lực, sau khoảng thời gian này, việc áp dụng phải được sự đồng ý của Bên bị áp dụng.

Dưới đây là một số cam kết đáng chú ý về biện pháp tự vệ song phương trong EVFTA:

- **Điều kiện áp dụng:** Sự gia tăng của hàng nhập khẩu từ Bên kia là do việc cắt giảm thuế theo Hiệp định này và là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất nội địa của hàng hoá tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp.
- **Thủ tục điều tra:** Ngoài các quy định của WTO về điều tra tự vệ, EVFTA bổ sung thêm các yêu cầu:
  - Phải tham vấn song phương với Bên kia trước khi khởi xướng điều tra
  - Thời hạn điều tra là 01 năm
  - Trong trường hợp đặc biệt, có thể áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời trong quá trình điều tra nhưng không quá 200 ngày
- **Hình thức tự vệ:** Biện pháp tự vệ song phương chỉ có thể áp dụng dưới các hình thức (i) tạm ngừng cắt giảm thuế quan theo cam kết tại Hiệp định; (ii) tăng thuế nhưng không vượt quá mức thuế thấp hơn trong số 02 mức thuế là MFN tại thời điểm áp dụng biện pháp tự vệ và mức thuế cơ sở đàm phán ban đầu.
- **Cách thức áp dụng:**
  - Thời hạn áp dụng không quá 02 năm, có thể gia hạn tối đa là 02 năm nữa;
  - Bên áp dụng biện pháp tự vệ phải tham vấn với bên kia về việc bồi thường (dưới dạng các ưu đãi có tác động thương mại tương đương với biện pháp tự vệ hoặc trị giá các mức thuế bổ sung) trong vòng 30 ngày kể từ ngày áp dụng biện pháp tự vệ song phương. Sau 30 ngày tham vấn, nếu không đạt được thoả thuận đền bù, Bên bị áp dụng biện pháp tự vệ có thể thực hiện biện pháp trả đũa bằng cách tạm ngưng các nhượng bộ thuế quan (với tác động thương mại tương đương với biện pháp tự vệ) nhưng phải sau 24 tháng kể từ khi biện pháp tự vệ có hiệu lực.

Với cam kết về biện pháp tự vệ song phương trong EVFTA, doanh nghiệp rau quả Việt Nam nếu gặp thiệt hại nghiêm trọng từ việc các sản phẩm rau quả của EU nhờ việc loại bỏ thuế quan trong EVFTA mà nhập khẩu tăng đột biến vào Việt Nam thì có thể nộp đơn yêu cầu điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ song phương chỉ với rau quả nhập khẩu từ EU.

Đây là một công cụ tạm thời rất có ý nghĩa với doanh nghiệp rau quả trong giai đoạn đầu (10 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực) để chống lại cạnh tranh gia tăng bất ngờ từ thị trường này do EVFTA. Tuy nhiên, cũng như bất kỳ biện pháp tự vệ nào khác, tự vệ song phương trong EVFTA cũng đòi hỏi Bên áp

dụng phải có biện pháp bồi thường cho Bên kia; việc bồi thường có thể áp dụng đối với sản phẩm khác trong cùng lĩnh vực hoặc sản phẩm trong lĩnh vực khác, tức là chính nhóm doanh nghiệp rau quả hoặc một nhóm doanh nghiệp khác sẽ phải chịu thiệt hại tương ứng. Điều này đòi hỏi sự cân nhắc tính toán lợi ích của các bên liên quan.

Tóm lại, biện pháp tự vệ là một trong số ít các biện pháp hợp pháp cho phép bảo hộ có điều kiện và có thời hạn đối với ngành sản xuất nội địa trong thương mại quốc tế. Trong bối cảnh các FTA nói chung và EVFTA nói riêng, nguy cơ hàng hóa từ các nước đối tác tận dụng ưu đãi thuế quan nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam, các doanh nghiệp cần chú ý tìm hiểu để vận dụng hiệu quả công cụ hiếm hoi này, đặc biệt là các công cụ được thiết kế riêng để hạn chế phần nào các tác động tích cực của các FTA như công cụ tự vệ trong thời gian chuyển đổi của EVFTA.

Tuy nhiên, theo chiều ngược lại, hàng hóa của Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt nhiều hơn với nguy cơ kiện tự vệ EU, nhất là khi EVFTA đưa ra cơ chế kiện tự vệ song phương bên cạnh cơ chế tự vệ toàn cầu trong WTO.

Trong EVFTA, Việt Nam có mở cửa hơn cho các nhà đầu tư EU trong lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả so với WTO hay không?

Trong WTO, Việt Nam chỉ có cam kết mở cửa đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ mà không có cam kết gì về đầu tư trong lĩnh vực sản xuất. Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS) của WTO chỉ quy định một số nguyên tắc liên quan đến các biện pháp đầu tư ảnh hưởng tới thương mại hàng hoá. Tương tự WTO, hầu hết các FTA trước đây của Việt Nam cũng chỉ có cam kết về đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ.

Trên thực tế, ngoại trừ một số lĩnh vực nhạy cảm, Việt Nam đã mở cửa cho đầu tư nước ngoài trong hầu hết các lĩnh vực sản xuất chế biến hàng hoá (trong đó có sản xuất, chế biến rau quả). Mặc dù vậy, do không có cam kết ràng buộc trong WTO, Việt Nam có quyền tiếp tục mở hay không mở cửa cho đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực này, cũng như dành các ưu tiên tiếp cận thị trường cho các nhà đầu tư trong nước, hay lựa chọn nhà đầu nước ngoài, khi cần thiết.

Tuy nhiên, trong một số FTA thế hệ mới gần đây của Việt Nam như EVFTA, CPTPP, một số lĩnh vực sản xuất đã được Việt Nam đưa vào cam kết mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài. Trong đó, cam kết mở cửa của Việt Nam trong EVFTA cho đầu tư vào lĩnh vực sản xuất là rộng nhất.

Đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả, trong EVFTA, Việt Nam cam kết mở cửa hoàn toàn lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tức là bao gồm sản xuất rau quả. Ngoài ra, Việt Nam cũng mở cửa cho đầu tư vào lĩnh vực chế biến rau quả. Việt Nam chỉ không cam kết mở cửa lĩnh vực sản xuất nông nghiệp liên quan đến nuôi trồng, sản xuất các loại động thực vật quý hiếm. Như vậy, các nhà đầu tư của EU sẽ không bị hạn chế gì về tiếp cận thị trường khi đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất rau quả.

Bên cạnh đó, các nhà đầu tư EU khi đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả của Việt Nam cũng có thể bảo vệ quyền lợi của mình tốt hơn nhờ các cam kết về bảo hộ đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp nhà nước – nhà đầu tư trong Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam – EU (EVIPA). EVIPA ban đầu là một phần của EVFTA sau lại được tách ra trở thành một hiệp định riêng song hành với EVFTA và hiện đang trong quá trình phê chuẩn, chưa có hiệu lực.

Cần lưu ý là mặc dù mở cửa hoàn toàn đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả cho các nhà đầu tư EU, Việt Nam vẫn có quyền áp dụng các biện pháp hạn chế đối với các nhà đầu tư EU trong lĩnh vực này (theo các ngoại lệ chung được phép áp dụng trong EVFTA) trong các trường hợp sau:

- Mua sắm công
- Các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng như: bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chính sách xã hội, ổn định tài chính, an ninh và an toàn, đa dạng văn hóa....
- Các biện pháp liên quan đến quy hoạch, kế hoạch hoặc quy định ảnh hưởng đến sự phát triển hoặc sử dụng đất đai,
- Các biện pháp bảo tồn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường

Các nghĩa vụ mở cửa đầu tư cơ bản trong EVFTA

Nghĩa vụ cơ bản trong mở cửa đầu tư trong EVFTA mà Việt Nam phải tuân thủ là nghĩa vụ không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư EU và nhà đầu tư Việt Nam (NT) và giữa nhà đầu tư EU với nhà đầu tư từ các nước khác (MFN). Nghĩa vụ này áp dụng đối với tất cả các lĩnh vực được đưa vào cam kết mở cửa đầu tư của Việt Nam (trong đó có lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả) trừ các trường hợp ngoại lệ (nêu ở trên).

Lưu ý:

- Các nghĩa vụ cơ bản trong mở cửa cho đầu tư trong EVFTA bao gồm các nghĩa vụ chung áp dụng cho cả EU và Việt Nam chứ không phải riêng cho Việt Nam (tuy nhiên để thuận tiện theo dõi, các giới thiệu dưới đây được thực hiện từ góc độ của Việt Nam, trên thực tế EU cũng có các nghĩa vụ)
- Cam kết của Việt Nam về đầu tư trong EVFTA được áp dụng cho nhà đầu tư EU và pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện (tức là các hiện diện thương mại) của họ ở Việt Nam. Tuy nhiên, để thuận tiện, trong các nội dung dưới đây, tất cả các hiện diện thương mại này sẽ được gọi chung là "doanh nghiệp".

Nghĩa vụ Đối xử quốc gia (NT)

Nghĩa vụ này yêu cầu Việt Nam một khi đã cho phép nhà đầu tư EU tiếp cận thị trường Việt Nam thì phải đối xử với các nhà đầu tư EU và "doanh nghiệp" của họ không kém thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp Việt Nam trong hoàn cảnh tương tự.

Tuy nhiên, nghĩa vụ này áp dụng có giới hạn cụ thể và khác nhau ở từng vấn đề:

- *Trong quá trình thành lập "doanh nghiệp":* Việt Nam có quyền áp dụng thủ tục riêng trong thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư EU miễn là thủ tục này không hạn chế đáng kể quyền của nhà đầu tư EU. Luật Đầu tư hiện hành của Việt Nam đang đi theo hướng này, với thủ tục đăng ký đầu tư riêng cho nhà đầu tư nước ngoài (nói chung, trong đó có nhà đầu tư EU), khác với thủ tục áp dụng cho nhà đầu tư trong nước.

- *Trong quá trình vận hành/hoạt động của "doanh nghiệp":* Việt Nam có thể tiếp tục duy trì (i) các biện pháp phân biệt đối xử đã có trước hoặc vào ngày EVFTA có hiệu lực, (ii) các biện pháp không kém phù hợp hơn so với cam kết EVFTA, (iii) các biện pháp không gây thiệt hại hơn cho "doanh nghiệp" của EU đã được thành lập trước đó.

Nghĩa vụ Đối xử Tối huệ quốc (MFN)

MFN trong EVFTA cơ bản đòi hỏi Việt Nam phải đối xử với các nhà đầu tư EU và "doanh nghiệp" của họ không kém thuận lợi hơn đối xử dành cho nhà đầu tư, "doanh nghiệp" của bất kỳ nước nào khác trong hoàn cảnh tương tự.

Khác với nghĩa vụ NT, MFN trong đầu tư không áp dụng cho quá trình thành lập "doanh nghiệp" mà chỉ áp dụng cho quá trình vận hành/hoạt động của "doanh nghiệp".

Nguyên tắc MFN trong đầu tư theo EVFTA cũng không áp dụng với các đối xử mà Việt Nam dành cho các nhà đầu tư, "doanh nghiệp" của họ theo các cam kết tại:

- Các hiệp định có hiệu lực trước ngày 01/08/2020;
- Các hiệp định có cam kết xóa bỏ đáng kể tất cả các rào cản đối với hoạt động của "doanh nghiệp" hoặc yêu cầu sự tương đương pháp luật trong một hoặc nhiều ngành kinh tế (bao gồm cả Cộng đồng kinh tế ASEAN);
- Các hiệp định tránh đánh thuế hai lần hoặc có liên quan một phần hoặc toàn bộ đến thuế; hoặc
- Các hiệp định liên quan tới trình độ chuyên môn, giấy phép, biện pháp thận trọng về Dịch vụ tài chính.

15

Cam kết EVFTA về Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại có gì đặc biệt?

Tương tự như nhiều Hiệp định thương mại tự do khác, EVFTA có một Chương riêng về hải quan và tạo thuận lợi thương mại (Chương 4) và một Nghị định thư (Nghị định thư 2) về hợp tác hành chính giữa Việt Nam và EU trong lĩnh vực hải quan. Các cam kết đáng chú ý liên quan tới doanh nghiệp nằm ở Chương 4, với phạm vi sâu hơn, cụ thể hơn so với nhiều FTA trước đây của Việt Nam (trừ CPTPP).

Chương 4 bao gồm các cam kết chung về đơn giản hóa, thuận lợi hóa các thủ tục xuất nhập khẩu và một số cam kết về các thủ tục cụ thể, áp dụng chung cho tất cả các hàng hóa xuất nhập khẩu trong đó có sản phẩm rau quả.

Các cam kết này sẽ giúp tạo thuận lợi hơn cho thương mại giữa Việt Nam và EU, và đặc biệt có lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm hiểu và đáp ứng các quy định hải quan của các nước.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý về hải quan và tạo thuận lợi hóa thương mại trong EVFTA:

Các cam kết chung

Liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu và hải quan, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU bảo đảm nguyên tắc chung sau:

Quy tắc và thủ tục hải quan phải bảo đảm:

- Chỉ nhằm mục tiêu bảo vệ thương mại hợp pháp và chống các hành vi gian lận, bất hợp pháp hoặc gây thiệt hại
- Tránh tạo gánh nặng không cần thiết hoặc phân biệt đối xử giữa các chủ thể kinh doanh
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các chủ thể có mức độ tuân thủ cao
- Biện pháp xử lý vi phạm hải quan cần bảo đảm: (i) Tương ứng với vi phạm; (ii) Không phân biệt đối xử và (iii) Không làm chậm trễ việc giải phóng hàng một cách bất hợp lý
- Bảo đảm rà soát các thủ tục, quy định khi nào có thể để tăng tốc độ giải phóng và thông quan hàng
- Đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa dữ liệu và hồ sơ

Các yêu cầu chung về đơn giản hóa thủ tục hải quan:

- Phải quy định các biện pháp đơn giản hóa thủ tục hải quan minh bạch, hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính dự đoán
- Chỉ sử dụng một văn bản hành chính (giấy hoặc điện tử) duy nhất đối với hàng hóa làm thủ tục hải quan
- Phải áp dụng các kỹ thuật hải quan hiện đại (đánh giá rủi ro, hậu kiểm)
- Nhanh chóng xây dựng và sử dụng các hệ thống trao đổi điện tử các dữ liệu giữa các doanh nghiệp, cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác

ii Các cam kết về một số vấn đề cụ thể

Xác định trước

Nếu doanh nghiệp có yêu cầu (bằng văn bản) về việc xác định trước về phân loại hàng hóa, thuế quan hoặc bất kỳ vấn đề nào trước khi hàng được nhập khẩu, Cơ quan hải quan của nước nhập khẩu phải trả lời (bằng văn bản) về yêu cầu của doanh nghiệp đó. Kết quả xác định trước này cũng phải được công bố công khai (tùy thuộc vào quy định về bảo mật của mỗi bên), ví dụ trên trang mạng chính thức.

Phương pháp quản lý rủi ro

Phương pháp quản lý thiết kế dựa trên mức độ rủi ro (chỉ tập trung kiểm soát hàng hóa có nguy cơ rủi ro cao mà không phải kiểm soát toàn bộ các lô hàng) phải được áp dụng:

- Trong các thủ tục kiểm tra và giải phóng hàng, kiểm tra sau thông quan
- Liên quan tới tất cả các yêu cầu, thủ tục kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và chuyển tải hàng hóa

Không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan:

Không yêu cầu việc bắt buộc sử dụng đại lý hải quan tại các quy định và thủ tục về hải quan, tuy nhiên phải áp dụng các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, hợp lý khi cấp phép cho đại lý hải quan.

Thủ tục khiếu nại

- Đối tượng: các quyết định của Hải quan và cơ quan khác liên quan tới việc xuất nhập khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa
- Yêu cầu: Thủ tục hiệu quả, nhanh, không phân biệt đối xử, dễ tiếp cận để bảo đảm quyền khiếu nại các quyết định này

Tóm lại, EVFTA bao gồm nhiều cam kết liên quan tới thủ tục xuất/nhập khẩu/quá cảnh hàng hóa tại biên giới, trong đó có nhiều nội dung đã được quy định trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên các cam kết đáng chú ý được nêu ở trên là các cam kết mà trên thực tế hoạt động chưa thực sự bảo đảm yêu cầu, cũng đồng thời là các cam kết mà nếu được thực hiện sẽ rất có lợi cho doanh nghiệp.

So với Hiệp định về Thuận lợi hóa Thương mại WTO và Hiệp định CPTPP, cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại của EVFTA có một số cam kết mới và tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU. Do đó, khi EVFTA có hiệu lực, cộng đồng doanh nghiệp cần chú ý thúc đẩy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tuân thủ triệt để cam kết này. Trường hợp nhận thấy các cam kết này chưa được tuân thủ nghiêm túc, doanh nghiệp có thể dựa vào cam kết EVFTA để khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, điều chỉnh quy định, thủ tục thực tiễn, qua đó bảo vệ các quyền lợi của mình.

16

Cam kết EVFTA về Sở hữu trí tuệ (SHTT) có những nội dung nào đáng chú ý liên quan đến ngành rau quả?

EVFTA là một Hiệp định có tiêu chuẩn cao về SHTT. Về nội dung, có thể phân nhóm các cam kết SHTT trong EVFTA thành 03 nhóm chủ yếu, gồm:

Nhóm các nguyên tắc chung

- *Nguyên tắc Phù hợp WTO:* EVFTA nhấn mạnh việc tiếp tục các cam kết về SHTT trong Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của WTO (Hiệp định TRIPS)
- *Nguyên tắc Tối huệ quốc (MFN):* Việt Nam và EU cam kết dành cho công dân của nhau mức bảo hộ SHTT không kém hơn mức bảo hộ dành cho công dân của bất kỳ một nước thứ ba nào khác ngoại trừ các trường hợp ngoại lệ theo Điều 4, 5 TRIPS (bảo hộ theo hiệp định tư pháp quốc tế, bảo hộ các quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất chương trình, nhà phát sóng mà không được quy định trong TRIPS...)
- *Nguyên tắc cạn quyền:* Việt Nam và EU được quyền tự do quy định về cạn quyền SHTT, miễn là phù hợp với TRIPS

Trên cơ bản thì các nguyên tắc này không tạo ra thay đổi gì lớn trong nghĩa vụ của Việt Nam về vấn đề này ngoài nguyên tắc về MFN, theo đó nếu Việt Nam có cam kết mức nào cao hơn bảo hộ SHTT cho bất kỳ đối tác nào trong các Thỏa thuận hiện tại (ví dụ CPTPP) hoặc tương lai thì cũng phải cho đối tác EU hưởng mức tương tự.

Nhóm các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ đối với từng đối tượng quyền SHTT cụ thể

Nhóm này bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ cụ thể đối với từng loại trong số 08 đối tượng quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, thiết kế mạch tích hợp, bí mật kinh doanh và giống cây trồng).

Phần nhiều trong số các cam kết này cơ bản nhắc lại các nội dung tương ứng của TRIPS. Tuy nhiên, EVFTA cũng bổ sung thêm một số tiêu chuẩn bảo hộ mới, cụ thể, ở từng đối tượng quyền SHTT.

Nhóm các cam kết liên quan đến các biện pháp thực thi quyền SHTT

Thực thi quyền SHTT luôn là vấn đề khúc mắc trong thực tế thi hành pháp luật về SHTT, vì vậy cũng là chủ đề được phía EU chú trọng đàm phán trong EVFTA. Về cơ bản, EVFTA đưa ra các yêu cầu về thực thi SHTT theo hướng nghiêm khắc hơn, theo hướng:

- Trao quyền cao hơn cho các cơ quan thực thi (đặc biệt là cơ quan hải quan và cơ quan có thẩm quyền khác tại biên giới) và chủ sở hữu quyền.
- Nâng mức trách nhiệm, biện pháp trừng phạt đối với chủ thể có hành vi vi phạm các quyền SHTT.

Đối với ngành rau quả, các nội dung liên quan trực tiếp và có nhiều cam kết cao hơn TRIPS là Bảo hộ chỉ dẫn địa lý, Bảo hộ thông tin bí mật và Quyền đối với giống cây trồng.

i Bảo hộ Chỉ dẫn địa lý

Chỉ dẫn địa lý là đối tượng SHTT mà EU đặc biệt quan tâm, do EU có khá nhiều các sản phẩm được bảo hộ dưới dạng chỉ dẫn địa lý. Vì vậy các cam kết về chỉ dẫn địa lý trong EVFTA khá đồ sộ, với nội dung đặc thù, không giống các cam kết về chỉ dẫn địa lý trong các Hiệp định, thỏa thuận về SHTT. Cam kết về chỉ dẫn địa lý trong EVFTA cũng có phạm vi áp dụng riêng, trong khi các cam kết liên quan tới các đối tượng SHTT khác trong EVFTA có phạm vi áp dụng chung cho tất cả các nhóm chủ thể (Xem thêm Câu 17)

ii Bảo hộ dữ liệu cấp phép đối với nông hóa phẩm

Nông hóa phẩm là các sản phẩm có chứa hóa chất phục vụ nông nghiệp, như thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, các loại hóa chất vệ sinh chuồng trại... Trồng trọt nói chung và trồng rau quả nói riêng là khu vực sử dụng khá nhiều nông hóa phẩm.

Cam kết SHTT đặc thù nhất trong EVFTA đối với nông hóa phẩm là cam kết về bảo hộ thông tin bí mật. Cụ thể, theo EVFTA, Việt Nam và EU phải bảo hộ dữ liệu thử nghiệm hoặc các dữ liệu bí mật khác được sử dụng để xin cấp phép lưu hành một nông hóa phẩm trong vòng 5 năm kể từ khi được cấp phép. Như vậy trong thời hạn trên, Cơ quan cấp phép sẽ không được tiết lộ các dữ liệu đó cho người khác trừ khi được sự đồng ý của người nộp dữ liệu ban đầu. Hay nói cách khác, EVFTA cho phép người xin cấp phép nông hóa phẩm được "độc quyền dữ liệu" trong vòng 5 năm kể từ ngày được cấp phép lưu hành nông hóa phẩm đó

Cam kết về độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm có thể tạo ra các tác động khác nhau giữa các nhóm chủ thể:

- Đối với các chủ thể lần đầu đưa ra dữ liệu đăng ký cấp phép lưu hành một nông hóa phẩm thì cam kết này là một lợi thế bởi trong thời gian được bảo hộ dữ liệu đó không ai được tự động sử dụng dữ liệu mà không được sự cho phép của họ.

- Đối với các chủ thể khác, bao gồm cả người tiêu dùng, thì cam kết này có thể bất lợi bởi việc độc quyền dữ liệu thử nghiệm trong một thời gian sẽ làm hạn chế khả năng đăng ký lưu hành với sản phẩm tương tự, và sẽ khiến cho giá của nông hóa phẩm đã lưu hành ít có khả năng giảm do ít cạnh tranh.

iii Quyền đối với giống cây trồng

Giống cây trồng là một đối tượng mới trong hệ thống các đối tượng được bảo hộ về sở hữu trí tuệ. Việc bảo hộ SHTT đối với loại sản phẩm này thường được pháp luật các nước quy định khác nhau. Vì vậy, Hiệp hội quốc tế về Bảo hộ giống cây trồng mới đã được một số nước thành lập và ký kết Công ước quốc tế về Bảo hộ Giống cây trồng mới (UPOV) năm 1961. Mục đích của Công ước này là nhằm thiết lập các nguyên tắc chung và thúc đẩy sự hài hòa quốc tế trong việc bảo hộ giống cây trồng mới. Công ước này đã được sửa đổi nhiều lần, sửa đổi mới nhất năm 1991. Việt Nam tham gia và trở thành thành viên của Hiệp hội này từ tháng 12/2006.

Trong EVFTA, Việt Nam và EU tái khẳng định tầm quan trọng của việc thực thi Công ước này. Cụ thể, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU phải bảo hộ quyền đối với giống cây trồng phù hợp với Công ước quốc tế về Bảo hộ Giống cây trồng mới năm 1961 (sửa đổi mới nhất năm 1991), và hợp tác để thúc đẩy và thi hành các quyền này.

17

EVFTA có cam kết bảo hộ chỉ dẫn địa lý nào đáng chú ý đối với các sản phẩm rau quả của Việt Nam?

Chỉ dẫn địa lý, hiểu đơn giản là các chỉ dẫn về sản phẩm đặc biệt có nguồn gốc từ /gắn liền một khu vực địa lý hay vùng lãnh thổ nhất định, và là một đối tượng được bảo hộ SHTT. Đối với ngành rau quả Việt Nam, cam kết về chỉ dẫn địa lý là rất có ý nghĩa đối với các sản phẩm rau quả địa phương mà Việt Nam có thế mạnh (như vải thiều Lục Ngạn, bưởi Đoan Hùng, xoài cát Hòa Lộc, thanh long Bình Thuận...).

Trong EVFTA, các cam kết về chỉ dẫn địa lý có một số nội dung đáng chú ý sau:

Về đối tượng bảo hộ, các cam kết về chỉ dẫn địa lý trong EVFTA chỉ áp dụng đối với 03 nhóm sản phẩm có nguồn gốc từ lãnh thổ Việt Nam hoặc EU sau: Rượu vang, và rượu mạnh; Nông sản; Thực phẩm.

Trên thực tế thì 03 nhóm này cũng bao quát gần như phần lớn các sản phẩm có thể là đối tượng của chỉ dẫn địa lý.

Về cơ chế bảo hộ, tuy không đề cập trực tiếp nhưng EVFTA yêu cầu việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng (quy trình công nhận chỉ dẫn địa lý), độc lập với cơ chế bảo hộ "nhãn hiệu". Trên thực tế, hiện cả EU và Việt Nam đều bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo một cơ chế riêng, độc lập với các đối tượng SHTT khác (trong khi Hoa Kỳ và một số nước khác lại bảo hộ chỉ dẫn địa lý như là một loại của nhãn hiệu, theo cơ chế bảo hộ chung của nhãn hiệu).

Về mối quan hệ với nhãn hiệu, EVFTA ghi nhận quyền được bảo hộ của các nhãn hiệu dù có tên gọi giống với chỉ dẫn địa lý nhưng đã được đăng ký và bảo hộ hợp pháp trước thời điểm EVFTA có hiệu lực hoặc trước ngày đơn yêu cầu bảo hộ chỉ dẫn địa lý đó được nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

Về các trường hợp được bảo hộ đương nhiên, Phụ lục 12-A, Chương 12 EVFTA liệt kê 169 chỉ dẫn địa lý của EU và 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam mà hai Bên cam kết bảo hộ đương nhiên, không cần qua các thủ tục thẩm định, thông báo, khiếu nại... như quy trình thông thường. Trong tương lai, danh mục các chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đương nhiên này có thể được rà soát lại bởi Nhóm công tác về SHTT (trong đó có chỉ dẫn địa lý) của EVFTA.

EVFTA quy định các quy tắc bảo hộ riêng đối với các chỉ dẫn địa lý đương nhiên này, ví dụ Việt Nam và EU phải có biện pháp pháp lý để chủ thể quyền thực hiện việc:

- Ngăn cản việc sử dụng các chỉ dẫn địa lý này cho các sản phẩm không xuất phát từ khu vực địa lý của nước xuất xứ được liệt kê, hoặc xuất phát

từ nước xuất xứ nhưng không được sản xuất/gia công phù hợp với pháp luật nước xuất xứ (ngoại lệ với một số chỉ dẫn như "Asiago", "Fontina", "Gorgonzola", "Feta"; với "Champagne" thì nghĩa vụ này được hoãn 10 năm với Việt Nam)

- Ngăn cản việc sử dụng trình bày trên nhãn mác hoặc giới thiệu theo cách khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về xuất xứ của sản phẩm vốn không có xuất xứ tại đó
- Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới chỉ dẫn địa lý đó

BẢNG Các chỉ dẫn địa lý với rau quả Việt Nam được bảo hộ đương nhiên theo EVFTA

1. Bưởi Đoan Hùng	7. Chuối Đại Hoàng	14. Hồng không hạt Bảo Lâm
2. Thanh long Bình Thuận	8. Hồng không hạt Bắc Kạn	15. Quýt Bắc Kạn
3. Vải Thanh Hà	9. Bưởi Phúc Trạch	16. Xoài Yên Châu
4. Cam Vinh	10. Hạt dẻ Trùng Khánh	17. Bưởi Bình Minh
5. Vải Lục Ngạn	11. Măng cầu Bà Đen	18. Bưởi Luận Văn
6. Xoài Hòa Lộc	12. Nho Ninh Thuận	19. Vú sữa Vĩnh Kim
	13. Bưởi Tân Triều	20. Cam Cao Phong

Về cơ chế đăng ký và bảo hộ thông thường, theo EVFTA, Việt Nam và EU phải thiết lập cơ chế đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho ít nhất là 03 nhóm đối tượng thuộc diện điều chỉnh bảo đảm các yêu cầu:

- Phải có một hệ thống đăng ký liệt kê rõ các chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ trên lãnh thổ của mình
- Quy trình thẩm định hành chính để đưa hoặc duy trì một chỉ dẫn địa lý trên hệ thống đăng ký phải cho phép xác định được một sản phẩm có xuất xứ tại một khu vực địa lý nhất định và có chất lượng, uy tín, đặc điểm đặc thù chủ yếu nhờ vào việc sản phẩm có xuất xứ từ khu vực địa lý đó
- Phải có quy trình cho phép các tổ chức, cá nhân có lợi ích liên quan được lên tiếng phản đối và được lắng nghe
- Phải có quy trình cho phép điều chỉnh, hoặc đưa ra khỏi hệ thống đăng ký sau khi cân nhắc các ý kiến phản đối của các bên có lợi ích cũng như ý kiến phản biện của chủ thể quyền

Về việc thực thi, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU phải có cơ chế pháp lý cho phép ngăn chặn việc sản xuất, đóng gói, mua bán, quảng cáo sai, lừa đảo hoặc gây hiểu nhầm về nguồn gốc của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ. EVFTA đồng thời cũng nhấn mạnh các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ phải tuân thủ các yêu cầu về chất lượng liên quan theo pháp luật nước sở tại.

LƯU Ý DOANH NGHIỆP

Số lượng các chỉ dẫn địa lý Việt Nam đã đăng ký bảo hộ còn quá ít so với các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký. Vì vậy, khả năng xảy ra tình trạng một chỉ dẫn địa lý dù đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được bảo hộ nhưng lại trùng lặp hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã đăng ký trước có thể là rất lớn. Trong trường hợp này, mặc dù các cộng đồng sở hữu chỉ dẫn địa lý vẫn có các quyền được bảo hộ nhất định nhưng bị hạn chế và theo các điều kiện quy định.

Vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sẽ cần phải đặc biệt lưu ý tới cam kết về chỉ dẫn địa lý trong EVFTA để có thể bảo vệ tốt nhất lợi ích liên quan của mình, tránh trường hợp bị các doanh nghiệp nước ngoài đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trước và mất quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc sản của mình.

Các cam kết về phát triển bền vững trong EVFTA sẽ ảnh hưởng thế nào tới ngành rau quả?

Ngành rau quả là một trong những ngành mà quá trình sản xuất và tiêu thụ có thể gây nhiều tác động đến môi trường cũng như có điều kiện lao động tương đối đặc thù. Chẳng hạn như quá trình trồng trọt rau quả có thể sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gây ảnh hưởng tới môi trường. Hay các doanh nghiệp sản xuất chế biến rau quả thường là doanh nghiệp nhỏ, điều kiện bảo hộ lao động còn hạn chế....

EU là một trong những đối tác rất quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững, vì vậy đối tác này thường đưa vấn đề phát triển bền vững (lao động, môi trường, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp...) vào trong các FTA của mình.

Trong EVFTA, vấn đề phát triển bền vững được đưa vào thành một Chương riêng, Chương 13 - Thương mại và phát triển bền vững. Ngoài ra, một số Chương khác của EVFTA cũng có thể có nội dung liên quan tới mục tiêu phát triển bền vững (ví dụ Chương 7 về các rào cản phi thuế trong lĩnh vực năng lượng tái tạo...).

Các khía cạnh phát triển bền vững mà EVFTA có cam kết trong Chương 13 bao gồm:

- Lao động;
- Môi trường (trong đó có biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, quản lý nguồn tài nguyên sinh vật biển...);
- Các khía cạnh khác liên quan (ví dụ năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế...).

Về phạm vi, trong so sánh với CPTPP, các cam kết về phát triển bền vững của EVFTA được đánh giá là rộng hơn, bao trùm nhiều vấn đề hơn (CPTPP chỉ có 02 Chương là Lao động và Môi trường, không có Chương chung về Phát triển bền vững).

Về nội dung, các cam kết EVFTA về phát triển bền vững phần lớn không bao gồm các tiêu chuẩn chi tiết, cụ thể mà chủ yếu là các cam kết chung về nguyên tắc ràng buộc về hướng phát triển và cam kết có tính khuyến nghị, nỗ lực (không bắt buộc). Các cam kết này áp dụng cho mọi lĩnh vực kinh tế, sản xuất kinh doanh trong đó có ngành rau quả.

Liên quan tới các sản phẩm rau quả, các cam kết EVFTA trong Chương 13 có tác động lớn nhất tập trung ở 02 nhóm: Nhóm cam kết về pháp luật nội địa liên quan đến phát triển bền vững nói chung và Nhóm cam kết về Lao động nói riêng.

Cam kết về pháp luật nội địa liên quan đến phát triển bền vững

EVFTA không đặt ra các tiêu chuẩn cụ thể mà pháp luật nội địa phải quy định về môi trường, lao động hay các vấn đề phát triển bền vững khác mà các bên phải tuân thủ. Ngược lại, EVFTA vẫn ghi nhận quyền của mỗi Bên trong việc:

- Quyết định các mục tiêu, chiến lược, chính sách và ưu tiên phát triển bền vững của mình;
- Thiết lập mức độ bảo vệ môi trường, xã hội phù hợp với bối cảnh của mình.

Tuy nhiên, trong quá trình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về phát triển bền vững, Việt Nam và EU cũng phải bảo đảm:

- Phù hợp với các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận, và các hiệp định về lao động, môi trường mà mình là thành viên;
- Quy định và khuyến khích mức độ bảo vệ cao về môi trường và xã hội, đồng thời tiếp tục nỗ lực cải thiện các quy định luật pháp và chính sách đó.

Về mức độ bảo hộ về môi trường và lao động, EVFTA có những yêu cầu nhất định đối với cách thức ban hành và thực thi các chính sách, pháp luật môi trường và lao động nội địa. Cụ thể, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU:

- Không làm suy yếu (giảm) mức độ bảo vệ môi trường và lao động theo cách gây bất lợi cho mục tiêu của Chương này;
- Không khuyến khích thương mại và đầu tư thông qua việc làm suy yếu mức độ bảo vệ luật pháp môi trường và lao động nội địa;
- Không giảm nhẹ hiệu lực pháp lý hoặc miễn trừ các quy định luật pháp về môi trường và lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU nhưng cũng không được bỏ qua việc thực thi hiệu quả pháp luật môi trường và lao động để khuyến khích thương mại và đầu tư;
- Không áp dụng pháp luật môi trường và lao động một cách phân biệt đối xử tùy tiện và vô lý hoặc để hạn chế thương mại một cách trá hình.

Cam kết về Lao động

EVFTA có một Chương riêng về lao động với các cam kết liên quan tới các quyền cơ bản của người lao động, điều kiện lao động, xu hướng về tiêu chuẩn lao động. Trong khi đó, ngành rau quả là một ngành có một số đặc thù về lao động và điều kiện lao động, chẳng hạn như:

- Sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là lao động giản đơn;
- Môi trường lao động có yếu tố độc hại đến sức khỏe người lao động (sử dụng thuốc bảo vệ thực vật);

- Điều kiện làm việc và bảo hộ lao động còn sơ sài do chủ yếu là các hộ nông dân, doanh nghiệp nhỏ với tiềm lực hạn chế.

Vì vậy, các cam kết của EVFTA về lao động được dự đoán là sẽ có tác động nhất định tới ngành rau quả, chủ yếu là theo hướng gián tiếp (do EVFTA không có cam kết nào về các tiêu chuẩn lao động cụ thể).

EVFTA không đưa ra các cam kết hay tiêu chuẩn lao động mới mà chỉ nhấn mạnh việc thực hiện hiệu quả các nghĩa vụ mà Việt Nam và EU đã cam kết với tư cách là Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và các tiêu chuẩn lao động trong Tuyên bố 1998 của ILO về Các nguyên tắc và các quyền cơ bản tại nơi làm việc, gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động;
- Chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc;
- Xóa bỏ hiệu quả lao động trẻ em;
- Chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp.

Trong CPTPP, Việt Nam cũng có cam kết tương tự về 04 vấn đề này. Tuy nhiên, ngoài cam kết mang tính nguyên tắc chung này, CPTPP còn có thêm cam kết về các điều kiện lao động chấp nhận được (liên quan tới lương tối thiểu, giờ làm việc, an toàn lao động, sức khỏe người lao động). Trên thực tế, EVFTA có đề cập tới vấn đề này nhưng ở mức độ thấp hơn, theo đó các Bên không sử dụng các tiêu chuẩn lao động để bảo hộ thương mại hay tạo ra lợi thế so sánh.

Bên cạnh 04 quyền lao động cơ bản này, EVFTA cũng có các cam kết (không bắt buộc) về việc nỗ lực tham gia ký kết và thực thi các Công ước khác về lao động của ILO mà Việt Nam/EU chưa phải là thành viên nhưng vẫn nhấn mạnh rằng điều này phụ thuộc vào bối cảnh của mỗi Bên.

PHẦN THỨ HAI

Hiện trạng, triển vọng và xu hướng phát triển của Ngành Rau quả Việt Nam trong bối cảnh hội nhập EVFTA

19

Tình hình sản xuất rau quả của Việt Nam hiện nay?

Rau quả tươi

Việt Nam có vị trí địa lý trải dài qua nhiều vĩ độ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, một số vùng tiểu khí hậu đặc biệt như Sapa, Tam Đảo, Đà Lạt,... thổ nhưỡng đa dạng. Chính vì vậy, Việt Nam có nhiều lợi thế về sản xuất và xuất khẩu các loại rau quả nhiệt đới, cận nhiệt đới và cả ôn đới.

Hiện tại, Việt Nam có có khoảng 120 loại rau và hàng trăm loại quả khác nhau. Cùng với tiến bộ khoa học công nghệ, các loại rau quả trái mùa cũng có thể trồng và thu hoạch được, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Trong nhóm ngành nông sản, rau quả cũng là một trong những ngành hàng có bứt phá mạnh về năng lực sản xuất trong 5 năm trở lại đây, ngày càng mở rộng diện tích và nâng cao sản lượng.

Về diện tích

Diện tích trồng rau quả liên tục tăng trong những năm gần đây (chiếm tỉ lệ lớn trong diện tích đất trồng trọt), tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 6%/năm. Năm 2019, diện tích trồng rau quả đạt hơn 1,9 triệu ha, tăng 5,6% so với năm 2018. Diện tích trồng áp dụng mô hình VietGAP và GlobalGAP cũng có xu hướng tăng, hiện chiếm khoảng 10-15% tổng diện tích trồng. Năm 2019, cả nước có gần 120.000 ha cây trồng được chứng nhận VietGAP.

Diện tích trồng từng loại cây năm 2019 cụ thể như sau:

- Cây ăn quả: Năm 2019, diện tích trồng cây ăn quả đạt khoảng 1,1 triệu ha, tăng 7,45% so với năm 2018 (993.000 ha). Các loại quả phổ biến có diện tích trồng lớn là: Thanh long, Dừa, Xoài, Cam, Bưởi, Vải, Nhãn, Chôm chôm....
- Rau củ: Năm 2019 diện tích rau củ đạt 966.000 ha năm 2019, tăng 29.100 ha so với năm 2018. Các loại rau củ phổ biến có diện tích trồng lớn là: khoai tây, khoai lang, ngô, sắn, lạc, đậu tương, các loại rau ăn lá...

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có diện tích trồng rau quả lớn nhất cả nước, tiếp đến là vùng Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Về sản lượng

Với diện tích trồng lớn và ngày càng gia tăng, cùng với việc tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào trồng trọt, sản lượng rau quả của Việt Nam cũng tăng qua từng năm. Năm 2019, tổng sản lượng rau củ là gần 18 triệu tấn, tăng gần 1 tấn so với năm 2018.

Tuy nhiên, tổn thất sau thu hoạch các sản phẩm rau quả vẫn cao, chiếm khoảng 20-30%, một số sản phẩm tỷ lệ này lên tới 40-50%. Nguyên nhân chủ yếu được cho là do việc ứng dụng cơ giới hóa trong thu hoạch chưa được chú trọng, hệ thống bảo quản, sơ chế sau thu hoạch còn hạn chế.

BẢNG Sản lượng rau củ qua các năm

Năm	Sản lượng (triệu tấn)
2016	16,0
2017	16,5
2018	17,1
2019	17,9

Nguồn: Tổng hợp từ nhiều nguồn

BẢNG Sản lượng một số loại quả tiêu biểu năm 2019

STT	Loại quả	Sản lượng (nghìn tấn)	Năm 2019 tăng so với 2018
1	Thanh long	1.242,5	Tăng 162,5 nghìn tấn
2	Dừa	1.641,9	Tăng 71,4 nghìn tấn
3	Cam	960,9	Tăng 105,8 nghìn tấn
4	Bưởi	779,3	Tăng 119,8 nghìn tấn
5	Xoài	814,8	Tăng 23,0 nghìn tấn
6	Nhãn	507,9	Giảm 35,8 nghìn tấn
7	Vải	272,0	Giảm 117,0 nghìn tấn
8	Dứa	679,9	Giảm 5,4 nghìn tấn

Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM - Bộ Công Thương

BẢNG **Sản lượng một số loại rau củ tiêu biểu năm 2019**

STT	Loại rau củ	Sản lượng (nghìn tấn)	Năm 2019 tăng so với 2018
1	Ngô	4.760	Giảm 117,4 nghìn tấn
2	Khoai lang	1.400	Giảm 2.700 nghìn tấn
3	Sắn	101.100	Tăng 259 nghìn tấn
4	Lạc	439	Giảm 18,5 nghìn tấn
5	Đậu tương	76	Giảm 4,9 nghìn tấn
6	Rau các loại	17.950	Tăng 855,3 nghìn tấn
7	Đậu các loại	162	Tăng 3,5 nghìn tấn

Nguồn: Tổng hợp số liệu của Tổng cục Hải quan

Rau quả chế biến

Nhu cầu của người tiêu dùng tại thị trường trong nước và xuất khẩu đối với rau quả chế biến ngày càng gia tăng. Do đó, một vài năm trở lại đây, số lượng các cơ sở chế biến rau quả ngày càng tăng, công nghệ chế biến từng bước được cải thiện đáng kể. Các sản phẩm rau quả chế biến phổ biến của Việt Nam là hoa quả sấy khô, nước hoa quả và nước rau củ đóng hộp.

Năm 2019, Việt Nam có khoảng 157 cơ sở chế biến rau quả quy mô lớn, với trình độ công nghệ chế biến đạt mức trung bình của thế giới, công suất chế biến khoảng 1,1 triệu tấn sản phẩm/năm. Tuy nhiên, đa số các doanh nghiệp này chỉ tận dụng được khoảng 50-60% công suất do bất ổn về đầu ra (như giảm nhu cầu thị trường), hoặc đầu vào (như thiếu nguồn nguyên liệu tập trung).

Trong một vài năm gần đây, một số tập đoàn lớn đã đầu tư mạnh vào nông sản chế biến như Vingroup, T&T, LaviFoods, Đồng Giao... Các tập đoàn này đã xây dựng các nhà máy chế biến hiện đại, công suất lớn, và tỷ lệ tận dụng công suất cũng được cải thiện. Bên cạnh phục vụ thị trường trong nước, các nhà máy chế biến này cũng hướng ra các thị trường xuất khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản...

Ngoài ra, Việt Nam còn hàng ngàn nhà máy chế biến rau quả nhỏ lẻ, công nghệ hạn chế, sản phẩm không đa dạng, chủ yếu phục vụ thị trường trong nước, chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn và hấp dẫn các thị trường nước ngoài.

Đầu tư trong ngành rau quả tại Việt Nam?

Đầu tư trong nước

Trong các ngành kinh tế quốc dân, rau quả vốn là một ngành nhỏ, đóng góp vào tổng GDP không cao, nên chưa dành được nhiều sự quan tâm đầu tư của cả nhà nước và khối tư nhân. Một nguyên nhân khác khiến cho ngành này không thực sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư đó là giá trị gia tăng chưa cao, đầu vào phụ thuộc nhiều thời tiết, đầu ra nhạy cảm với các biến động của nhu cầu thị trường.

Tuy nhiên, trong vài năm trở lại đây, tiềm năng và hiệu quả kinh tế của ngành rau quả dần được khẳng định. Đặc biệt xuất khẩu rau quả có nhiều khởi sắc, tốc độ tăng trưởng trung bình cao hơn nhiều ngành xuất khẩu khác, khiến cho đầu tư trong ngành này bắt đầu được chú ý.

Trên thực tế, Chính phủ và nhiều địa phương đã ưu tiên bố trí ngân sách để đầu tư phát triển các ngành rau quả có thế mạnh của Việt Nam, cải tiến khoa học kỹ thuật trong ngành này, xây dựng các chuỗi cung ứng, thiết lập các vùng chuyên canh trồng rau quả sạch, công nghệ cao...

- Hiện Việt Nam đã có 3 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thành lập là Phú Yên, Bạc Liêu và Hậu Giang. Chính phủ đang tiếp tục xem xét thành lập 3 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Thái Nguyên, Quảng Ninh và Lâm Đồng;
- Mới đây, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/06/2020 về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Mục tiêu là phấn đấu đưa nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030 là một trong 15 nước có nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới, trong đó chế biến nông sản đứng trong tốp 10 nước hàng đầu thế giới.

Bên cạnh đầu tư của nhà nước, khối tư nhân cũng xuất hiện nhiều nhà đầu tư lớn vào ngành nông nghiệp nói chung và rau quả nói riêng. Sự tham gia của các tập đoàn lớn vào sản xuất rau quả như Vingroup, T&T, LaviFoods, Đồng Giao... đang dần làm thay đổi bộ mặt ngành rau quả của Việt Nam. Cho đến nay cả nước đã có 47 doanh nghiệp được cấp chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. Các quy trình sản xuất rau quả tiên tiến, thân thiện môi trường như Global GAP, VietGAP đã được áp dụng và nhân rộng. Năm 2019, Việt Nam đã có 39,3 nghìn ha diện tích trồng rau quả đạt chứng nhận VietGAP.

Các doanh nghiệp có xu hướng đầu tư mạnh vào lĩnh vực chế biến rau quả, với quy trình khép kín từ khâu trồng trọt, thu hoạch, bảo quản và chế biến để có thể kiểm soát được chất lượng và mức độ an toàn của sản phẩm. Hiện tại, tính chung cả nước đã xây dựng và phát triển gần 1.500 chuỗi nông sản với gần 2.400 sản phẩm và 3.300 điểm bán sản phẩm được kiểm soát theo chuỗi nông sản an toàn thực phẩm.

Đầu tư nước ngoài

Đầu tư nước ngoài trong ngành nông nghiệp nói chung và ngành rau quả nói riêng của Việt Nam còn khá hạn chế. Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2019, vốn đầu tư FDI trong lĩnh vực nông lâm thủy sản là 3,5 tỉ USD, chiếm chưa đến 1% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Đây là một tỷ lệ nhỏ so với thế giới – trung bình đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp trên thế giới đạt khoảng 3%.

Đầu tư nước ngoài vào ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn còn khiêm tốn do nhiều nguyên nhân, trong đó nổi cộm là:

- Các doanh nghiệp FDI khó tiếp cận đất nông nghiệp để xây dựng vùng nguyên liệu ổn định (đầu tư nông nghiệp thường đòi hỏi phải có quỹ đất lớn);
- Các dịch vụ logistic hỗ trợ và cơ sở hạ tầng cho sản xuất và chế biến nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế;
- Nhiều rủi ro thiên tai, dịch bệnh, thời tiết thất thường...

Mặc dù vậy, với việc Việt Nam ngày càng hội nhập, ký kết và thực thi hàng loạt các FTA mới, tăng cường tiếp cận thị trường cho các sản phẩm nông sản Việt, và mở rộng cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, dự kiến đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp thời gian tới tại Việt Nam sẽ gia tăng.

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng bị giảm sút. Tuy nhiên, trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, số dự án đầu tư trong 9 tháng đầu năm 2020 là 17 dự án, gần bằng mức 18 dự án của cả năm 2019 và giá trị đầu tư đạt 108,4 triệu USD, vượt con số 104,1 triệu USD của cả năm 2019.

BẢNG **Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**

		Năm 2019	9 tháng đầu năm 2020
Đầu tư mới	Số dự án đầu tư	18	17
	Giá trị đầu tư (Triệu USD)	104,1	108,4
Lũy kế	Số dự án đầu tư	499	516
	Giá trị đầu tư (Triệu USD)	3.518,1	3.626,5

Các nước đầu tư FDI lớn nhất vào lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam là: Đài Loan (Trung Quốc), Quần đảo Virgin (Anh), Singapore, và Thái Lan. Tổng chung giá trị FDI từ các nước này hiện chiếm hơn 50% tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam.

EU mặc dù là một đối tác đầu tư nông nghiệp lớn trên thế giới nhưng hiện đầu tư tại Việt Nam vẫn còn rất thấp. Hiện các nước EU chỉ có 44 dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam, với tổng vốn đầu tư là 208 triệu USD.

Hiện trạng xuất khẩu rau quả Việt Nam?

Giá trị xuất khẩu

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam tăng liên tục trong những năm gần đây. Riêng năm 2019 giá trị xuất khẩu rau quả là 3,75 tỷ USD, giảm nhẹ (1,5%) so với năm 2018. Tốc độ tăng trưởng trung bình xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong giai đoạn 2013-2019 là 24%, cao gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam trong cùng giai đoạn (12%).

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu rau quả của Việt Nam chủ yếu do tăng trưởng của nhóm quả (tươi và sơ chế) và nhóm rau quả chế biến. Nhóm rau (tươi và sơ chế) có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chậm, tăng không đáng kể qua các năm.

Rau quả là một trong những nhóm sản phẩm Việt Nam xuất siêu lớn, với giá trị xuất siêu năm 2019 đạt gần 2 tỷ USD.

BIỂU ĐỒ **Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam qua các năm**

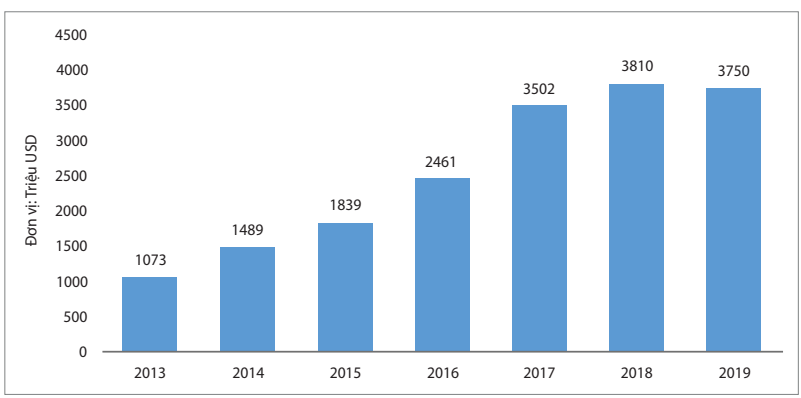

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Năm 2020, do tác động của đại dịch COVID-19, giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sụt giảm đáng kể so với năm 2019. Theo số liệu của Bộ Công Thương, xuất khẩu rau quả của Việt Nam 9 tháng đầu năm 2020 đạt 2,5 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi đó, giá trị xuất khẩu trung bình của tất cả các mặt hàng của Việt Nam 9 tháng năm 2020 vẫn tăng 11% so với cùng kỳ. Có thể nói, rau quả là một trong những nhóm hàng xuất khẩu bị ảnh hưởng nặng nề bởi COVID-19.

Thị trường xuất khẩu

Mặc dù rau quả Việt Nam đã có mặt trên 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, thị trường xuất khẩu chủ yếu của rau quả Việt Nam nhiều năm qua vẫn là Trung Quốc (chiếm tới 60 - 70% tổng giá trị xuất khẩu rau quả Việt Nam).

Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc là 2,43 tỷ USD, giảm 13,6% so với năm 2018 sau nhiều năm tăng trưởng liên tục. Sự sụt giảm trong xuất khẩu rau quả sang thị trường này năm 2019 phần lớn xuất phát từ việc Trung Quốc siết chặt thực thi các quy định liên quan tới loại quả được xuất khẩu chính ngạch (hiện mới chỉ có 09 loại quả của Việt Nam được Trung Quốc chấp thuận) và các quy định khắt khe hơn về mã vùng trồng, các thông số và ngôn ngữ ghi nhãn hàng hóa...Ngoài ra, một nguyên nhân khác là các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang tìm cách đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, tăng cường xuất khẩu sang các thị trường mới, các thị trường FTA mới của Việt Nam.

Theo Báo cáo Xuất Nhập khẩu năm 2019 của Bộ Công Thương, năm 2019 xuất khẩu rau quả của Việt Nam tăng mạnh ở nhiều thị trường: thị trường ASEAN tăng 69% đạt 226 triệu USD - chiếm 6% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam; EU tăng 29% đạt 148 triệu USD – chiếm 4% tổng kim ngạch xuất khẩu; Nhật Bản tăng 28% đạt 122 triệu USD – chiếm 3% tổng kim ngạch xuất khẩu; Hàn Quốc tăng 16% đạt 132 triệu USD – chiếm 4% tổng kim ngạch xuất khẩu; Hoa Kỳ tăng 7,2% đạt 150 triệu USD – chiếm 4% tổng kim ngạch xuất khẩu... Như vậy có thể thấy các thị trường lớn khác của xuất khẩu rau quả Việt Nam năm 2019 đều tăng khá mạnh nhưng tính về tỷ trọng vẫn còn quá nhỏ so với tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc.

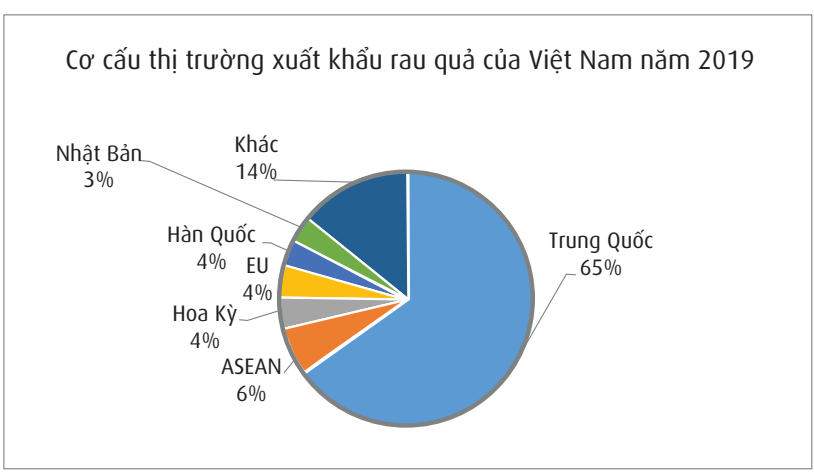

Nguồn: Bộ Công Thương - Báo cáo Xuất Nhập khẩu Việt Nam 2019

Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu

Trong cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam, nhóm quả (tươi và sơ chế) chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng gia tăng trong 5 năm trở lại đây, từ 42% năm 2015 lên 70% năm 2019. Nhóm rau quả chế biến cũng có xu hướng tăng cả về kim ngạch và tỷ trọng, chiếm 20% trong tổng giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2019. Tỷ trọng của nhóm rau giảm dần qua các năm mặc dù kim ngạch không thay đổi đáng kể, và chỉ chiếm 9% trong cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2019.

BIỂU ĐỒ **Cơ cấu sản phẩm rau quả xuất khẩu của Việt Nam năm 2020**

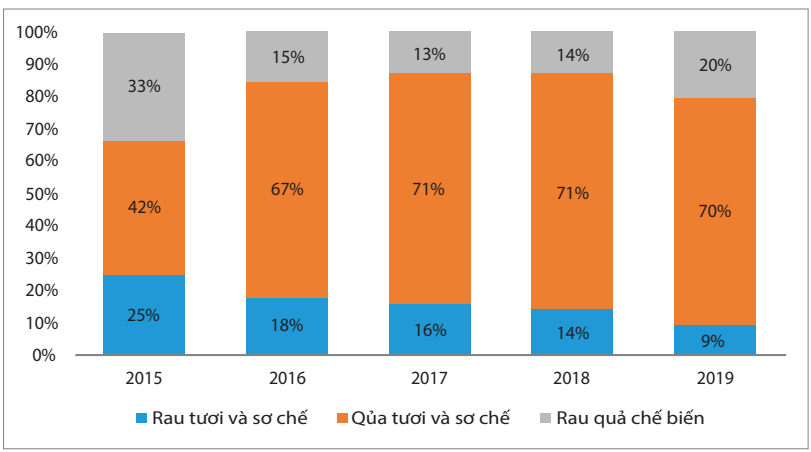

Nguồn: ITC TradeMap

Các sản phẩm rau Việt Nam xuất khẩu khá đa dạng, ngoài ngô, khoai, sắn, có các loại rau (su hào, bắp cải, cải xoăn...), nấm (nấm hương, nấm rơm), mộc nhĩ, các loại rau gia vị (ớt,...)

BẢNG **10 sản phẩm rau xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2019**

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)
1	071410	Sắn: tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát	81,501
2	070960	Quả ớt ...: tươi hoặc ướp lạnh	48,030
3	071420	Khoai lang: tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	42,039

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)
4	071239	Nấm hoặc nấm cục khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	37,770
5	071232	Mộc nhĩ.. khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	21,757
6	071290	Rau và hỗn hợp các loại rau khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm	18,835
7	071080	Rau các loại, đã hoặc chưa nấu chín hoặc luộc chin trong nước, đông lạnh (ngoại trừ khoai tây,..)	17,967
8	071040	Ngô ngọt, đã hoặc chưa nấu chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	11,789
9	070490	Bắp cải, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh (Ngoại trừ: súp lơ)	9,720
10	070999	Các loại rau tươi và ướp lạnh khác.	7,981

Nguồn: ITC TradeMap

Các sản phẩm quả xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là các sản phẩm quả nhiệt đới thế mạnh như: ổi, xoài, măng cụt, sầu riêng, chuối, dưa hấu, dừa,...

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)
1	081090	Quả khác (Me tươi, điều, mít, vải, mận, chanh dây, khế, thanh long và các loại trái cây ăn được khác)	1.549,394
2	080450	Quả ổi, xoài và măng cụt tươi hoặc khô	341,252
3	081060	Sầu riêng tươi	271,222
4	080390	Chuối tươi hoặc khô ...	175,243
5	081190	Quả tươi, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	67,265
6	080711	Dưa hấu tươi	57,561
7	080119	Dừa tươi, chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ (ngoại trừ: dừa còn nguyên sọ)	44,737
8	080112	Dừa còn nguyên sọ tươi	43,350
9	080111	Dừa đã qua công đoạn làm khô	38,668
10	080550	Quả chanh (vàng, xanh) tươi hoặc khô	31,724

Nguồn: ITC TradeMap

Rau quả chế biến xuất khẩu của Việt Nam ngày càng đa dạng về chủng loại, từ các loại nước ép trái cây và rau củ (táo, cam, dứa, dừa, cà chua...), rau quả đóng hộp (ngô, đậu hà lan...), rau quả sấy (khoai, mít, chuối,...), mứt thạch...

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)
1	200989	Nước ép từ trái cây, rau chưa lên men và chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	131,410
2	200899	Quả và các phần ăn được khác của cây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	44,261
3	200490	Rau và hỗn hợp các loại rau đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	31,198
4	200599	Rau và hỗn hợp các loại rau đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh.	27,957
5	200110	Dưa chuột và dưa chuột ri, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic.	23,391
6	200799	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, bột nghiền và bột nhão từ quả, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	16,916
7	200820	Dứa đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	14,324
8	200390	Nấm và nấm cục đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic (ngoại trừ: nấm thuộc chi Agaricus)	9,914
9	200410	Khoai tây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	9,885
10	200811	Lạc đã chế biến hoặc bảo quản (Ngoại trừ: bảo quản bằng đường)	9,606

Nguồn: ITC TradeMap

Hiện trạng nhập khẩu rau quả vào Việt Nam?

Giá trị nhập khẩu

Nhập khẩu rau quả của Việt Nam tăng liên tục trong những năm gần đây - tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2013-2019 là 29,3%, đặc biệt kim ngạch nhập khẩu rau quả năm 2017 tăng 67% so với 2016.

Giai đoạn 2017-2019, tăng trưởng nhập khẩu rau quả của Việt Nam có phần chững lại, giảm tốc so với giai đoạn trước đó. Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu rau quả của Việt Nam đạt 1,78 tỷ USD, chỉ tăng nhẹ 2,0% so với năm 2018.

BIỂU ĐỒ **Kim ngạch nhập khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2013-2019**

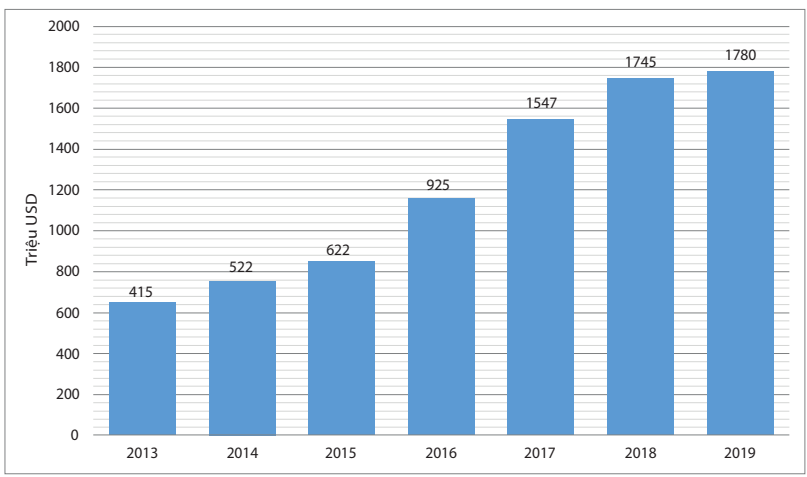

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nhập khẩu rau quả của Việt Nam cũng giảm sút. Trong 10 tháng đầu năm 2020, tổng giá trị nhập khẩu rau quả là 1,04 tỷ USD, giảm 30,9% so với cùng kỳ năm 2019, trong khi đó tổng kim ngạch nhập khẩu tất cả các sản phẩm hàng hóa của Việt Nam vẫn tăng nhẹ (0,32%) trong cùng giai đoạn.

Thị trường nhập khẩu

Theo Báo cáo Xuất Nhập khẩu năm 2019 của Bộ Công Thương, Thái Lan, Trung Quốc, Hoa Kỳ là 3 thị trường cung cấp rau quả lớn nhất cho Việt Nam năm 2019. Cụ thể, Việt Nam nhập khẩu 487 triệu USD rau quả từ Thái Lan năm 2019 - chiếm 27% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả, nhập khẩu 456 triệu

USD từ Trung Quốc - chiếm 26%, nhập khẩu 303 triệu USD từ Hoa Kỳ – chiếm 17%. Tiếp đến là các thị trường Australia (nhập khẩu 114 triệu USD – chiếm 6%), Myanmar (nhập khẩu 63 triệu USD – chiếm 4%), và New Zealand (nhập khẩu 60 triệu USD – chiếm 3%).

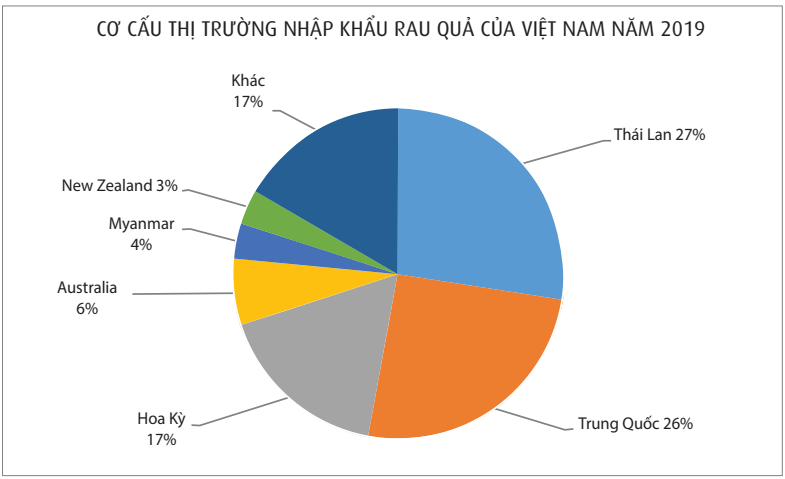

Nguồn: Bộ Công Thương - Báo cáo Xuất Nhập khẩu Việt Nam 2019

Trước năm 2014, Trung Quốc luôn là thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến 2019, Thái Lan đã vượt Trung Quốc trở thành nhà cung cấp rau quả số một của Việt Nam. Tuy nhiên, trong 10 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu rau quả từ Thái Lan chỉ đạt gần 45 triệu USD và giảm tới 80% so với cùng kỳ, khả năng Thái Lan sẽ không còn là nguồn cung rau quả lớn nhất vào Việt Nam năm 2020 nữa mà là Trung Quốc.

Cơ cấu sản phẩm nhập khẩu

BIỂU ĐỒ **Cơ cấu sản phẩm nhập khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2015-2019**

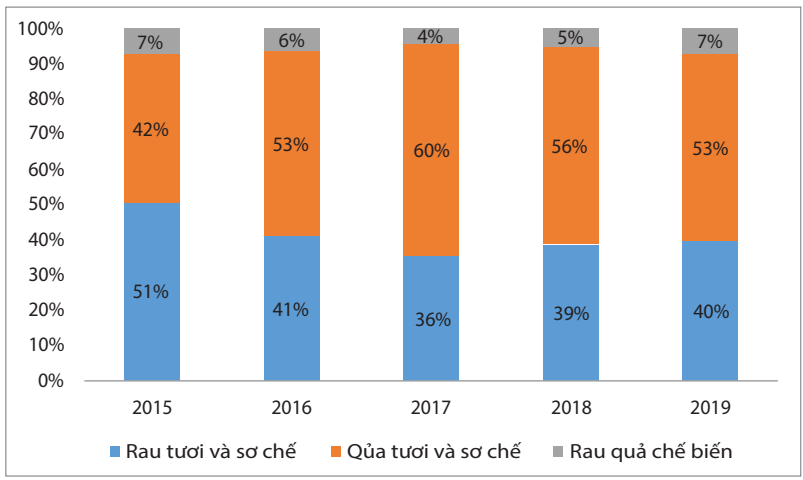

Nguồn: ITC TradeMap

Trong cơ cấu nhập khẩu rau quả của Việt Nam, nhóm quả tươi và sơ chế chiếm tỷ trọng lớn nhất - luôn chiếm trên 50% từ năm 2016 trở lại đây. Tiếp đến là nhóm rau tươi và sơ chế, chiếm khoảng 40% tổng giá trị rau quả nhập khẩu của Việt Nam. Cuối cùng là các sản phẩm rau quả chế biến, chỉ chiếm một lượng nhỏ, dưới 10% tổng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong những năm gần đây.

Việt Nam nhập khẩu rau quả chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước (nhất là một số rau quả trái vụ hoặc không sản xuất được) và một phần làm nguyên liệu sản xuất rau quả chế biến để xuất khẩu (nước ép trái cây, rau quả đóng hộp hoặc sấy khô).

Rau tươi và sơ chế: Các sản phẩm rau Việt Nam nhập khẩu khá đa dạng, ngoài các loại củ như: sắn, khoai tây, cà rốt, củ cải, hành tây,... Việt Nam cũng nhập với khối lượng tương đối các loại rau đậu, nấm, mộc nhĩ, các loại rau gia vị (ớt, hành, hẹ,..)

BẢNG 10 sản phẩm rau tươi nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam năm 2019

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2019 (tỷ USD)
1	071410	Sắn: tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên.	194,175
2	071239	Nấm hoặc nấm cục khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	131,661
3	071331	Đậu thuộc loài "Vigna mungo [L.] Hepper hoặc Vigna radiata [L.] Wilczek", khô, đã bóc vỏ quả, đã hoặc chưa bóc vỏ hạt hoặc làm vỡ hạt.	81,032
4	071232	Mộc nhĩ (Auricularia spp.) khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	47,177
5	070320	Tỏi tươi, ướp lạnh	38,960
6	071290	Rau và hỗn hợp các loại rau khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm	35,979
7	070310	Hành tây và hành, hẹ tươi hoặc ướp lạnh	33,389
8	070959	Nấm và nấm cục có thể ăn được tươi hoặc ướp lạnh (trừ nấm thuộc chi "Agaricus")	21,982
9	070190	Khoai tây tươi hoặc ướp lạnh (trừ để làm giống)	21,561
10	070610	Cà rốt và củ cải tươi hoặc ướp lạnh	17,436

Nguồn: ITC TradeMap

Quả tươi và sơ chế: Việt Nam nhập khẩu cả các loại trái cây nhiệt đới (xoài, mít, măng cụt, me, sầu riêng, chuối...) và các loại trái cây ôn và hàn đới (táo, nho, cam, đào, lê...)

BẢNG 10 sản phẩm quả tươi nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam năm 2019

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2019 (tỷ USD)
1	080450	Quả ổi, xoài và măng cụt tươi hoặc khô	181,818
2	081090	Me tươi, táo điều, mít, vải, mận sapodillo, chanh dây, khế, pitahaya và các loại trái cây ăn được khác ...	144,791
3	081060	Sầu riêng tươi	135,638
4	080810	Táo tươi	125,445
5	080610	Nho tươi	102,307
6	080390	Chuối tươi hoặc khô (trừ chuối lá)	49,761
7	080929	Quả anh đào tươi (trừ quả anh đào chua)	37,037
8	080830	Lê tươi	30,365
9	081340	Đào, lê, me, đu đủ khô và các loại quả khô khác	30,169
10	080510	Cam tươi hoặc khô	16,811

Nguồn: ITC TradeMap

Rau quả chế biến: Việt Nam nhập khẩu nhiều nước ép rau quả, khoai tây đông lạnh, cà chua đóng hộp, một số rau quả chế biến sẵn, mứt và thạch.

BẢNG 10 sản phẩm rau quả chế biến nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam năm 2019

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2019 (tỷ USD)
1	200410	Khoai tây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	38,386
2	200899	Quả và các phần ăn được khác của cây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu ...	11,965
3	200870	Đào, kể cả quả xuân đào đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu ...	9,697
4	200290	Cà chua đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ loại bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic (trừ cà chua nguyên quả hoặc dạng miếng)	9,475
5	200911	Nước ép cam đông lạnh, chưa lên men, chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác (trừ pha thêm rượu)	5,998
6	200979	Nước ép táo, chưa lên men với giá trị Brix > 20% ở 20°C, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác (trừ pha thêm rượu)	5,107
7	200989	Nước ép từ quả hoặc rau chưa lên men, chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác...	4,434
8	200799	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, bột nghiền và bột nhão từ quả hoặc quả hạch (nuts), thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác...	4,255
9	200990	Nước ép hỗn hợp kể cả hèm nho và nước rau ép, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	3,316
10	200599	Rau và hỗn hợp các loại rau đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	2,637

Nguồn: ITC TradeMap

23

Tình hình xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU?

Giá trị xuất khẩu

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU tăng đều trong 5 năm trở lại đây (2015-2019), lên gần 160 triệu năm 2019. Tuy nhiên, với kim ngạch này, xuất khẩu rau quả sang EU chỉ chiếm chưa đến 4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Đồng thời, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU cũng chưa tương xứng với nhu cầu khổng lồ đối với rau quả của thị trường này. EU hiện là đối tác nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới, chiếm 45% tổng giá trị nhập khẩu rau quả tươi và 40% tổng giá trị nhập khẩu rau quả chế biến của thế giới năm 2019. Với giá trị kim ngạch nhập khẩu hạn chế, rau quả Việt Nam chỉ chiếm 0,08% tổng lượng nhập khẩu rau quả của EU năm 2019.

Tương tự như tình hình xuất khẩu rau quả nói chung của Việt Nam ra thế giới, xuất khẩu rau quả sang EU của Việt Nam tập trung chủ yếu ở các sản phẩm quả (tươi và sơ chế) và rau quả chế biến. Cụ thể, giá trị xuất khẩu quả tươi và sơ chế đã tăng gần gấp 3 từ 32 triệu USD năm 2015 lên 86 triệu USD năm 2019. Rau quả chế biến cũng tăng gần gấp đôi từ 37 triệu USD năm 2015 lên 56 triệu USD năm 2019. Riêng nhóm rau tươi và sơ chế có tốc độ tăng chậm, giá trị kim ngạch cũng thấp, chỉ đạt 11 triệu USD năm 2015 và tăng lên 17 triệu USD năm 2019.

BẢNG Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU giai đoạn 2015-2019

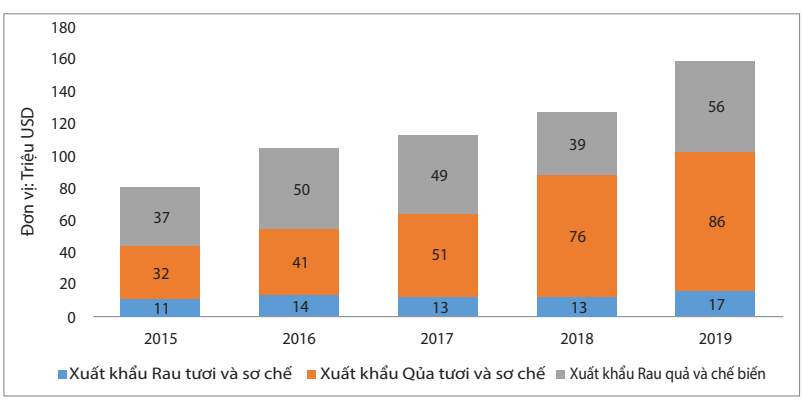

Nguồn: ITC TradeMap

Thị trường xuất khẩu

Rau quả Việt Nam đã xuất hiện ở gần như toàn bộ các nước thành viên EU. Năm 2019, Việt Nam xuất khẩu rau quả nhiều nhất sang các thị trường Hà Lan, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Phần Lan, Bỉ... Hà Lan là thị trường xuất khẩu lớn nhất của rau quả Việt Nam trong EU, chiếm hơn một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU năm 2019. Điều này chủ yếu xuất phát từ thực tế Hà Lan là một trong những cửa ngõ cho hàng hoá, đặc biệt là nông sản, trung chuyển vào các nước EU khác.

BẢNG Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang một số nước EU năm 2019

Thị trường	Năm 2019 (USD)	Tỷ trọng (%)
Hà Lan	79.766.640	54%
Pháp	29.755.714	20%
Đức	18.921.541	13%
Italia	11.271.199	8%

Đơn vị tính: USD

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Sản phẩm xuất khẩu

EU có nhu cầu nhập khẩu lớn, ổn định và quanh năm đối với các sản phẩm rau quả tươi, đặc biệt là rau quả trái vụ và rau quả nhiệt đới mà EU không trồng được. Đối với các sản phẩm rau quả chế biến, nhu cầu nhập khẩu của EU cũng gia tăng đều trong những năm gần đây do tính chất tiện lợi của các sản phẩm này và người tiêu dùng EU ngày càng ưa chuộng các sản phẩm chế biến sẵn có lợi cho sức khoẻ như các sản phẩm rau quả. Các sản phẩm rau quả tươi và chế biến EU nhập khẩu nhiều từ Việt Nam cũng là các sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh xuất khẩu.

Rau củ tươi và sơ chế: Năm 2019, Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang EU các sản phẩm ngô ngọt, nấm, một số loại rau gia vị

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu sang EU năm 2019 (nghìn USD)
1	071040	Ngô ngọt, đã hoặc chưa nấu chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	3.760
2	071159	Nấm và nấm cục đã bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphurơ, ngâm nước muối, ngâm nước lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được. (trừ nấm thuộc chi Agaricus)	2.314
3	071080	Rau các loại, đã hoặc chưa nấu chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh (ngoại trừ khoai tây,..)	1.437
4	071151	Nấm thuộc chi "Agaricus", đã bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphurơ, ngâm nước muối, ngâm nước lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được.	1.074
5	070999	Các loại rau tươi và ướp lạnh khác.	986
6	071490	Củ dong, củ lan, a-ti-sô Jerusalem và các loại củ và rễ tương tự có hàm lượng tinh bột hoặc inulin cao, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên; lõi cây cọ sago.	901
7	071450	Khoai môn "Xanthosoma spp.", tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên.	837
8	071190	Rau và hỗn hợp các loại rau đã bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphurơ, ngâm nước muối, ngâm nước lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được.	722
9	071029	Các loại rau đậu, đã hoặc chưa bóc vỏ, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	667
10	071290	Rau và hỗn hợp các loại rau khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	547

Nguồn: ITC TradeMap

Quả tươi và sơ chế: Việt Nam xuất khẩu sang EU nhiều nhất là các sản phẩm trái cây tươi nhiệt đới thuộc nhóm 081090 (bao gồm: chanh leo, vải, nhãn, me, mít, hồng xiêm...), chanh, hoa quả đông lạnh, dừa, xoài...

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu sang EU năm 2019 (nghìn USD)
1	081090	Me tươi, táo điều, mít, vải, mận sapodillo, chanh dây, khế, pitahaya và các loại trái cây ăn được khác (trừ quả hạch, chuối, chà là, sung, dứa, bơ, ổi, xoài, xoài, măng cụt, đu đủ ", trái cây họ cam quýt , nho, dưa lưới, táo, lê, quả mơ, quả anh đào, quả đào, quả mận, quả dâu tây, quả mâm xôi, quả dâu tằm, quả mâm xôi, quả nhãn, quả nam việt quất, quả thuộc chi Vaccinium, quả kiwi, sầu riêng, quả hồng, đen, trắng- và quả lý chua đỏ và quả lý gai)	33.670
2	080550	Quả chanh vàng (Citrus limon, Citrus limonum) và quả chanh xanh (Citrus aurantifolia, Citrus latifolia) tươi hoặc khô	11.375
3	081190	Quả và quả hạch (nuts) tươi, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	9.189
4	080119	Dừa tươi, chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ (ngoại trừ: dừa còn nguyên sọ)	3.616
5	080540	Bưởi tươi hoặc khô	3.016
6	080111	Dừa đã qua công đoạn làm khô	2.000
7	080450	Quả ổi, xoài và măng cụt tươi hoặc khô	1.981
8	080112	Dừa còn nguyên sọ tươi.	369
9	080390	Chuối tươi hoặc khô (Ngoài trừ: chuối lá).	216
10	081340	Đào, lê, đu đủ, me và các loại trái cây ăn được khác khô (trừ quả hạch, chuối, chà là, sung, dứa, bơ, ổi, xoài, măng cụt, trái cây họ cam quýt, mơ nho, mận khô và táo, chưa pha trộn)	214

Nguồn: ITC TradeMap

Rau quả chế biến: các sản phẩm nước ép trái cây và rau quả như nước ép cam, táo, dứa xoài, cà chua...vẫn là các sản phẩm rau quả chế biến chủ lực của Việt Nam sang EU; tiếp đến là một số rau quả đóng hộp hoặc bảo quản khác như ngô ngọt, dưa chuột, khoai tây...; cuối cùng các loại mứt hoa quả và hoa quả sấy khô.

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu sang EU năm 2019 (nghìn USD)
1	200989	Nước ép từ trái cây, rau chưa lên men và chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	33.696
2	200939	Nước ép từ 1 loại quả thuộc chi cam quýt, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác, trị giá Brix > 20 ở 20°C	6.205
3	200110	Dưa chuột và dưa chuột ri, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic.	3.535
4	200899	Quả và các phần ăn được khác của cây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	3.203
5	200820	Dứa đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	2.301
6	200580	Ngô ngọt "Zea Mays var. Saccharata", đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	1.399
7	200410	Khoai tây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	1.053
8	200490	Rau và hỗn hợp các loại rau đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	970
9	200799	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, bột nghiền và bột nhão từ quả, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	746
10	200897	Hỗn hợp của quả, quả hạch (nuts) và các phần ăn được khác của cây, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt...	683

Nguồn: ITC TradeMap

Tình hình nhập khẩu rau quả EU vào Việt Nam?

Giá trị nhập khẩu

Nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tuy chỉ chiếm một phần nhỏ (khoảng 2%) trong tổng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam nhưng tăng trưởng liên tục trong 3 năm trở lại đây (2017-2019). Các nhóm quả (tươi và sơ chế) và nhóm rau quả chế biến đều có xu hướng tăng trưởng - đặc biệt tăng mạnh năm 2019 so với năm 2018, trong khi nhóm rau lại có xu hướng giảm đều trong giai đoạn này.

Cụ thể, giá trị nhập khẩu nhóm quả tươi và sơ chế đã tăng gấp đôi từ 8,3 triệu USD năm 2017 lên đến 17,6 triệu USD năm 2019. Nhóm rau quả chế biến cũng tăng hơn 40% từ 14,7 triệu USD năm 2017 lên 23,1 triệu USD năm 2019. Riêng nhóm rau tươi và sơ chế đã giảm dần từ 4,2 triệu USD năm 2017, xuống 4 triệu USD năm 2018, tiếp tục giảm còn 3,4 triệu USD năm 2019.

Về cơ cấu nhập khẩu, khác với cơ cấu nhập khẩu rau quả chung của Việt Nam (nhóm quả tươi và sơ chế chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là nhóm rau tươi và sơ chế, cuối cùng là rau quả chế biến), nhập khẩu từ EU có cơ cấu gần như ngược lại. Cụ thể, nhóm rau quả chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất trong suốt giai đoạn 2017-2019, trong đó năm 2019 chiếm 23,1%. Nhóm quả tươi và và sơ chế đứng thứ hai với tỷ trọng 17,6%, và nhóm rau tươi và sơ chế đứng thứ 3 với tỷ trọng chỉ 3,4% năm 2019.

BẢNG Nhập khẩu rau quả Việt Nam từ EU giai đoạn 2017-2019

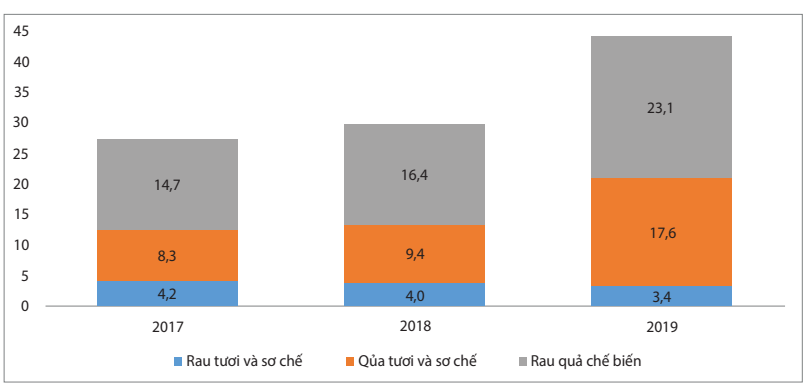

Nguồn: ITC TradeMap

Thị trường nhập khẩu

Các thành viên EU Việt Nam có giá trị nhập khẩu rau quả lớn nhất cũng tương tự các thành viên Việt Nam xuất khẩu rau quả nhiều nhất, đó là Pháp, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha, Đức... Trong đó, nhập khẩu từ Pháp chiếm tới 1/3 tổng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ EU năm 2019.

BẢNG Nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ một số nước EU năm 2019

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng
Pháp	14,4	33%
Hà Lan	6,1	14%
Bỉ	6,0	14%
Tây Ban Nha	4,6	10%
Đức	3,4	8%
Các nước khác	9,4	22%

Nguồn: ITC TradeMap

Sản phẩm nhập khẩu

Việt Nam có thế mạnh sản xuất nhiều loại rau quả tươi, bao gồm cả rau quả nhiệt đới và ôn đới. Việt Nam cũng nằm trong khu vực cung cấp một lượng lớn rau quả tươi cho thế giới với giá cả phải chăng (khu vực Đông Nam Á). Vì vậy, nhu cầu của Việt Nam đối với rau quả tươi từ các nước có khoảng cách địa lý xa và giá thành cao hơn như khu vực châu Âu không cao. Trên thực tế, rau quả từ các khu vực có nền nông nghiệp phát triển và đánh giá là có mức độ an toàn cao như EU ngày càng được ưa chuộng ở Việt Nam khi tâm lý chú trọng vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng tăng. Mặc dù vậy, mức thu nhập của người dân Việt Nam trung bình vẫn còn tương đối thấp nên phần đông dân số chưa đủ sức chi trả cho các sản phẩm rau quả giá cao từ các nguồn này. Vì vậy giá trị nhập khẩu rau quả từ EU của Việt Nam còn rất hạn chế và tập trung chủ yếu vào một số sản phẩm rau quả ôn/hàn đới và rau quả chế biến. Cụ thể:

Đối với sản phẩm rau tươi và sơ chế: Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ EU khoai tây, đậu Hà Lan, nấm và một số loại rau gia vị (tỏi, hành, hẹ,..)

BẢNG 10 sản phẩm rau tươi nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam từ EU năm 2019

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị năm 2019 (nghìn USD)
1	070190	Khoai tây tươi hoặc ướp lạnh	1.847
2	070110	Khoai tây để làm giống	436
3	070320	Tỏi, tươi hoặc ướp lạnh	302
4	071021	Đậu Hà Lan "Pisum sativum", đã hoặc chưa bóc vỏ, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	179
5	071010	Khoai tây, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	157
6	071290	Rau và hỗn hợp các loại rau khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm	102
7	070959	Nấm và nấm cục có thể ăn được tươi hoặc ướp lạnh..	79
8	071120	Ôliu đã bảo quản tạm thời ... nhưng không ăn ngay được.	56
9	071239	Nấm hoặc nấm cục khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, ...	39
10	070310	Hành tây và hành, hẹ tươi hoặc ướp lạnh	35

Nguồn: ITC TradeMap

Quả tươi và sơ chế: Các loại trái cây từ thị trường EU mà người tiêu dùng Việt Nam ưa chuộng với giá trị nhập khẩu lớn nhất là táo tươi, kiwi, nho, lê, mơ, mận,...

BẢNG 10 sản phẩm quả tươi nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam từ EU năm 2019

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị năm 2019 (nghìn USD)
1	080810	Táo tươi	14.661
2	081050	Kiwi tươi	1.706
3	080610	Nho tươi	449
4	081190	Quả đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, ...	146
5	080830	Lê tươi	99
6	081120	Quả mâm xôi, dâu tằm, dâu đỏ, quả lý chua đen, trắng hoặc đỏ và quả lý gai, ...	97
7	081320	Quả mận đỏ khô	53
8	080410	Quả chà là tươi hoặc khô	52
9	081310	Mơ khô	49
10	080420	Quả sung, vả tươi hoặc khô	30

Nguồn: ITC TradeMap

Rau quả chế biến: các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu từ EU các loại nước ép rau quả, khoai tây, cà chua, oliu, đậu đã chế biến, và các loại mứt, thạch trái cây.

BẢNG 10 sản phẩm rau quả chế biến nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam từ EU năm 2019

	Mã HS	Tên sản phẩm	Giá trị năm 2019 (nghìn USD)
1	200410	Khoai tây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	10.576
2	200870	Đào, kể cả quả xuân đào đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, ...	4.615
3	200799	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, ...	1.016
4	200570	Ôliu, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	1.006
5	200969	Nước ép nho kể cả hèm nho, với giá trị Brix >30 ở 20°C, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	723
6	200990	Nước ép trái cây hỗn hợp kể cả hèm nho, và nước ép rau, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	624
7	200979	Nước ép táo, với giá trị Brix >20 ở 20°C, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	598
8	200989	Nước ép từ quả hoặc rau, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	577
9	200210	Cà chua, nguyên quả hoặc dạng miếng, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ loại bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic.	477
10	200559	Đậu hạt chưa bóc vỏ, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	324

Nguồn: ITC TradeMap

25

Đặc điểm thị trường rau quả của EU?

Rau quả là một ngành kinh tế nông nghiệp quan trọng của EU, chiếm khoảng 14% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của EU năm 2018. Các sản phẩm rau quả mà các nước EU có thể trồng được là các sản phẩm hàn đới và ôn đới, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các sản phẩm rau là cà chua, cà rốt, bắp cải, hành, hạt tiêu; và các sản phẩm quả là táo, cam, dưa hấu, đào, lê. Từ đó, các sản phẩm rau quả chế biến cũng chủ yếu là chế biến từ các sản phẩm ôn và hàn đới này, trong đó phổ biến là nước ép củ quả, củ quả đóng hộp, đông lạnh hoặc sấy khô, và các loại mứt rau quả.

Về thương mại rau quả, EU chủ yếu trao đổi thương mại trong nội khối EU do rau quả là các sản phẩm nhanh hỏng nên chủ yếu được trao đổi trong phạm vi địa lý gần, và các nước EU cũng sản xuất đa dạng các sản phẩm đủ để có thể trao đổi thương mại với nhau. Tuy nhiên, do nhu cầu ngày càng gia tăng của người tiêu dùng EU với những sản phẩm rau trái lạ (như hoa quả, rau gia vị nhiệt đới), và do thiếu hụt nguồn cung trong những thời điểm trái vụ, nên EU nhập khẩu một phần rau quả từ các đối tác bên ngoài EU. Trong nhiều năm qua, EU là khu vực nhập siêu rau quả lớn trên thế giới, với giá trị nhập siêu rau quả năm 2019 là 4,4 tỷ USD.

Rau quả tươi và sơ chế

EU có nhu cầu lớn và ổn định đối với các sản phẩm rau quả tươi. Đối với các sản phẩm rau quả nhiệt đới, EU có nhu cầu nhập khẩu quanh năm và ngày càng gia tăng do người tiêu dùng EU có xu hướng chuyển sang thử và tiêu dùng các loại rau quả lạ từ các khu vực ngoài EU. Tốc độ tăng trưởng trung bình nhập khẩu rau quả tươi của EU trong 5 năm qua là khoảng 19%.

Mặc dù là thị trường nhập khẩu rau quả lớn và tăng trưởng nhanh trong những năm qua nhưng EU cũng là một thị trường đã tương đối bão hòa về cạnh tranh. Các nhà nhập khẩu của EU tương đối khó tính và đã thiết lập các nguồn cung lâu dài với các đối tác ổn định. Các nhà cung cấp mới sẽ khó có thể thâm nhập được vào thị trường EU nếu không có những sản phẩm và chính sách bán hàng thực sự hấp dẫn. Hiện tại các đối tác nhập khẩu rau quả lớn của EU là: Nam Phi, Peru, Maroc, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Mexico, Guatemala, Costa Rica, Colombia, Panama.

Các nguồn cung và sản phẩm rau quả tươi nhập khẩu lớn nhất của EU

- **Peru và Nam Phi:** Đây là hai đối tác cung cấp các sản phẩm rau quả trái mùa lớn nhất cho thị trường châu Âu. Peru có các dự án trồng và sản xuất rau quả quy mô lớn và tận dụng các vùng khí hậu khác nhau để kéo dài mùa vụ. Nam Phi cạnh tranh với Peru trong cùng phân khúc và cung cấp một lượng lớn các sản phẩm cam quýt, nho, bơ và một số trái cây khác cho EU.
- **Maroc, Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ:** Đây là những quốc gia có lợi thế về địa lý do gần với châu Âu, do đó giá cả hàng hóa tương đối cạnh tranh. Trong đó, Maroc là đối tác cung cấp rau lớn nhất cho EU
- **Ấn Độ:** Nước này đang tăng cường xuất khẩu rau quả sang EU, đặc biệt là sản phẩm nho. Giá trị xuất khẩu nho của Ấn Độ sang EU đã tăng hơn 2,5 lần từ 107 triệu EUR năm 2015 lên 267 triệu EUR năm 2019
- **Mexico và Guatemala:** Mexico xuất khẩu một lượng lớn bơ và chanh cho thị trường EU, còn Guatemala có thế mạnh về chuối, bơ, đậu Hà Lan, và chanh – xuất khẩu rau quả của Guatemala sang EU đã tăng 96% trong 5 năm qua
- **Costa Rica, Colombia và Panama:** Đây là các nhà cung cấp điển hình của các loại trái cây nhiệt đới như chuối, dứa, bơ và một số trái cây lạ khác cho thị trường EU

Nguồn: Trung tâm Xúc tiến Nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI)

Rau quả chế biến

Mặc dù EU có một ngành công nghiệp chế biến rau quả tương đối phát triển, khu vực này vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn rau quả chế biến. EU là nhà nhập khẩu rau quả chế biến lớn nhất thế giới, chiếm hơn 40% tổng nhập khẩu rau quả chế biến của thế giới năm 2019.

Trong giai đoạn 2014-2018, nhập khẩu rau quả chế biến của EU tăng nhẹ khoảng 4%/năm, đặt gần 23 tỷ USD năm 2019. Dự kiến trong 5 năm tới nhu cầu nhập khẩu rau quả chế biến của EU tiếp tục tăng nhưng với tốc độ chậm hơn, khoảng 2-3%/năm.

Về cơ cấu sản phẩm, EU nhập khẩu đa dạng các sản phẩm rau quả chế biến, trong đó lớn nhất là nước ép rau quả, tiếp đến là rau quả đóng hộp, rau quả đông lạnh, và cuối cùng là rau quả sấy khô và mứt thạch.

Các nước đối tác nhập khẩu rau quả chế biến lớn nhất của EU năm 2018 là Braxin (21%), Thổ Nhĩ Kỳ (13%), Mỹ (10%), Trung Quốc (9%), Argentina, Secbia (4%)...

BẢNG Các nước đối tác EU nhập khẩu nhiều nhất rau quả chế biến

Nhóm sản phẩm	4 nước nhập khẩu lớn nhất	Các sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất
Nước ép rau quả	Braxin Thổ Nhĩ Kỳ Costa Rica Argentina	Nước ép cam Nước ép táo Nước ép quả lựu Nước ép anh đào Nước ép cam quýt Nước ép trái cây nhiệt đới
Rau quả đóng hộp	Trung Quốc Thổ Nhĩ Kỳ Peru Thái Lan	Cà chua đóng hộp Dứa đóng hộp Măng tây đóng hộp Dưa chuột ngâm Tâm cọ đóng hộp
Rau quả đông lạnh	Serbia Trung Qốc Morocco Chile	Mâm xôi đông lạnh Dâu tây đông lạnh Việt quất đông lạnh Nấm đông lạnh Trái cây nhiệt đới đông lạnh
Rau quả khô	Thổ Nhĩ Kỳ Trung Quốc Tunisia Philippines	Nho khô Mơ khô Nấm khô Rau khô Chà là khô Dừa nạo sấy Xoài khô

Nguồn: Trung tâm Xúc tiến Nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI)

26

Các quy định nhập khẩu quan trọng cần phải đáp ứng khi xuất khẩu rau quả tươi sang EU?

Khác với nhiều nước phát triển như Mỹ, Nhật, Úc, New Zealand yêu cầu rau quả tươi phải được cấp phép nhập khẩu theo từng loại cụ thể mới được nhập khẩu vào các nước này (mà quy trình từ khi xin cấp phép đến khi được cấp phép có thể kéo dài đến chục năm), rau quả tươi nhập khẩu vào EU không cần phải xin cấp phép nhập khẩu trước.

Tuy nhiên, cũng tương tự các nước, EU yêu cầu mỗi lô hàng rau quả tươi nhập khẩu phải đáp ứng đầy đủ các quy định liên quan tới rau quả nhập khẩu ở EU, những tiêu chuẩn được đánh giá là cao và khó đáp ứng, bao gồm:

- Các quy định/yêu cầu chung bắt buộc của EU, và
- Một số sản phẩm, các quy định nhập khẩu riêng của từng nước thành viên EU

Thậm chí, nhiều nhà nhập khẩu EU còn bổ sung thêm một số yêu cầu riêng, hoặc đưa ra yêu cầu còn cao hơn so với quy định bắt buộc của EU/nước thành viên EU để làm hài lòng người tiêu dùng khó tính của EU.

1 Các yêu cầu bắt buộc

Rau quả tươi xuất khẩu vào thị trường EU phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm

Quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL)

Để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, hầu hết các nước đều áp đặt quy định về hàm lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRL) được phép tồn dư trong các sản phẩm thực phẩm. Hiện chưa có một hệ thống MRL được chấp nhận chung nào trên thế giới, nhưng Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế (Codex) đã xây dựng hệ thống Codex MRL làm tiêu chuẩn cho các nước tham khảo xây dựng hệ thống MRL của nước mình. Tuy nhiên, hầu hết các nước phát triển, bao gồm EU, xây dựng hệ thống MRL của riêng mình và thường khắt khe hơn của Codex.

Hệ thống MRL của EU được thống nhất áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên EU. Theo đó, EU đưa ra một danh sách các loại thuốc bảo vệ thực vật được phép áp dụng và mức tồn dư tối đa được phép trên thực phẩm. Với các loại thuốc bảo vệ thực vật không thuộc danh sách này (mà thường được sử dụng bởi các nước ngoài EU), EU áp dụng một mức MRL cực thấp – 0,01mg/kg. Cần lưu ý là hệ thống MRL của EU được thay đổi thường xuyên

nên các nhà nhập khẩu nếu không cập nhật có thể sẽ vi phạm và hàng xuất khẩu sang EU sẽ bị trả về hoặc tiêu hủy.

Quy định về tạp chất và vi sinh vật

Tạp chất trong thực phẩm có thể xuất hiện trong các giai đoạn của quá trình sản xuất, như đóng gói, vận chuyển hoặc bảo quản thực phẩm. Tương tự như MRL đối với thuốc bảo vệ thực vật, Liên minh Châu Âu (EU) cũng đặt ra các giới hạn đối với một số tạp chất trong thực phẩm – với rau quả các tạp chất cần quan tâm là: chì, cadmium hay nitrat.

Ngoài ra, các sản phẩm rau quả cắt sẵn phải đảm bảo không bị nhiễm các vi sinh vật như Salmonella và E. coli. Salmonella trong suốt thời hạn sử dụng của sản phẩm.

BẢNG Quy định của EU về hàm lượng tối đa tạp chất chì và cadmium trong rau quả tươi

Mức chì tối đa:	
Trái cây, trừ quả nam việt quất, quả lý chua, quả cơm cháy và dâu tây	0,10 mg / kg trọng lượng tịnh
Quả nam việt quất, quả lý chua, quả cơm cháy và dâu tây	0.20 mg / kg trọng lượng tịnh
Mức cadmium tối đa:	
Rau và trái cây, trừ các loại rau ăn củ và rễ, rau ăn lá, rau thơm tươi, lá cải thìa, rau thân, nấm và rong biển	0,050 mg / kg trọng lượng tịnh
Các loại rau ăn củ và rễ (trừ cần củ, cải củ, diếp củ và cải ngựa), rau củ (trừ cần tây); đối với khoai tây, mức tối đa áp dụng cho khoai tây đã gọt vỏ	0,10 mg / kg trọng lượng tịnh
Rau ăn lá, rau thơm tươi, lá cải thìa, cần tây, cần củ, cải củ, diếp củ, cải ngựa và một số loại nấm (nấm thường, nấm sò, nấm hương)	0,20 mg / kg trọng lượng tịnh

Nguồn: CBI (cập nhật tháng 12/2019)

Các quy định về kiểm dịch thực vật

Giống như nhiều quốc gia nhập khẩu khác, EU có quy định về kiểm dịch thực vật đối với các sản phẩm là thực vật (bao gồm rau quả) để bảo vệ mùa màng và môi trường của khu vực này khỏi các sinh vật gây hại như sâu bọ, vi khuẩn, côn trùng. Hầu hết rau quả tươi nhập khẩu vào EU phải được kiểm dịch thực vật và phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp bởi Cơ quan Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu chứng nhận sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu về kiểm dịch của EU.

Một số loại rau quả cần giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật là: các loại rau ăn lá, cà chua, ớt, trái cây họ cam quýt, quả hạch, quả mọng, táo, lê, xoài và bơ ....

Tuy nhiên, cũng có một số loại rau quả không cần giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật là như dứa, chuối, dừa, sầu riêng và chà là.

Kể từ ngày 01/09/2019, EU ra quy định mới về việc tăng cường các yêu cầu kiểm dịch thực vật với các biện pháp bảo vệ bổ sung để giảm các nguy cơ mới, chẳng hạn như ruồi đục quả. Vì vậy, các nhà xuất khẩu cần thường xuyên cập nhật quy định mới của EU, có thể thông qua nhà nhập khẩu hoặc cơ quan NPPO của nước xuất khẩu, để đáp ứng kịp thời các quy định mới của EU về kiểm dịch thực vật.

ii Các yêu cầu bổ sung

Ngoài việc phải tuân thủ các quy định nhập khẩu bắt buộc của EU, một số nhà nhập khẩu còn yêu cầu các sản phẩm nhập khẩu phải có thêm các chứng nhận an toàn sản phẩm khác như:

- Chứng nhận GlobalGAP: Chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP) được yêu cầu bởi hầu hết các siêu thị và các nhà bán lẻ EU đối với các sản phẩm rau quả tươi và đã dần trở thành một tiêu chuẩn tối thiểu đối với các sản phẩm rau quả tươi nhập khẩu vào EU
- Chứng nhận BRC: Chứng nhận về Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội Bán lẻ Anh thiết lập (BRC) thường được các nước Tây Bắc Âu yêu cầu nhà xuất khẩu phải có
- Các Chứng nhận IFS, SQF, FSSC 22000: tùy thuộc nhà nhập khẩu ở từng nước EU có thể yêu cầu các Chứng nhận khác như IFS (Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế), SQF (Thực phẩm An toàn Chất lượng), FSSC 22000 (Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm)

Bên cạnh các Chứng nhận trên, người tiêu dùng EU cũng rất quan tâm đến các vấn đề xã hội và môi trường. Vì vậy, họ rất quan tâm đến nguồn gốc, quy trình sản xuất của sản phẩm có yếu tố nào ảnh hưởng tới môi trường, xã hội (như lao động trẻ em, lao động cưỡng bức...) hay không. Vì thế các sản phẩm thân thiện môi trường, những doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho xã hội, sẽ tạo được thiện cảm và thu hút người tiêu dùng EU hơn.

Các quy định nhập khẩu quan trọng cần phải đáp ứng khi xuất khẩu rau quả chế biến sang EU?

Tương tự các sản phẩm rau quả tươi, các sản phẩm rau quả chế biến xuất khẩu sang EU cũng phải tuân thủ các quy định nhập khẩu bắt buộc của EU, và của từng nước thành viên EU (tùy sản phẩm). Bên cạnh đó, các nhà nhập khẩu EU cũng có thể có thêm các yêu cầu riêng mà các nhà xuất khẩu rau quả sang thị trường này phải đáp ứng.

Các yêu cầu bắt buộc

Ngoài thủ tục hải quan, hầu hết các yêu cầu bắt buộc liên quan đến việc nhập khẩu rau quả đã qua chế biến (và thực phẩm nói chung) đều liên quan đến an toàn thực phẩm. Luật Thực phẩm chung (General Food Law) của EU quy định khung pháp lý về an toàn thực phẩm ở EU. Luật này dựa trên cách tiếp cận "từ trang trại đến bàn ăn". Điều này có nghĩa là tất cả thực phẩm phải truy xuất được nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Một số quy định về an toàn thực phẩm quan trọng nhất đối với các sản phẩm rau quả chế biến trong Luật này bao gồm:

Quy định về các chất gây ô nhiễm

Các chất gây ô nhiễm xuất hiện trong các sản phẩm rau quả chế biến phổ biến là: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, độc tố nấm mốc, nhiễm khuẩn, và kim loại nặng.

- *Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL):* Các sản phẩm rau quả chế biến có nguyên liệu chính là rau quả tươi và các sản phẩm này sau thu hoạch có thể tồn dư thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong quá trình trồng trọt. Trong quá trình chế biến rau quả các dư lượng thuốc bảo vệ thực vật này có thể không bị mất đi và tiếp tục tồn tại trong sản phẩm rau quả chế biến. EU đặt ra các hạn mức tối đa đối với các loại thuốc bảo vệ thực vật này và các sản phẩm rau quả chế biến nhập khẩu vào EU phải tuân theo (xem thêm Câu 25);
- *Độc tố nấm mốc: Nấm mốc (Mycotoxins)* là các chất độc hại do nấm sinh ra, xuất hiện rất phổ biến trong quá trình sản xuất rau quả chế biến. Nấm mốc có thể tiếp tục tồn tại thậm chí cả khi sản phẩm đã qua xử lý nhiệt. Các loại độc tố nấm mốc phổ biến nhất trong các sản phẩm rau quả chế biến là Aflatoxin, Ochratoxin A, và Patulin. Vì vậy, EU thiết lập các giới hạn đối với các loại nấm mốc này nhằm hạn chế các tác hại mà chúng có thể gây ra cho người tiêu dùng;

- *Nhiễm khuẩn:* Phần lớn rau quả chế biến bị từ chối khi nhập khẩu vào EU là do nhiễm khuẩn các vi sinh vật gây hại. Các loại vi sinh vật phổ biến nhất trong rau quả chế biến là Salmonella, Escherichia Coli, Listeria và các loại vi rút như Norovirus và vi rút viêm gan A. Chiếu xạ là một phương pháp phổ biến để xử lý các vi sinh vật gây hại trong rau quả tuy nhiên có thể gây hại và vì thế bị hạn chế, ràng buộc bởi các quy định về mức ô nhiễm phóng xạ của EU. Cụ thể, EU thiết lập mức ô nhiễm phóng xạ tối đa cho phép trong thực phẩm, trong đó có rau quả chế biến. Bản thân người tiêu dùng EU cũng thường yêu cầu phải kiểm tra mức phóng xạ trong các sản phẩm này;
- *Kim loại nặng:* Kim loại nặng có thể bị nhiễm phải trong các quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm (dưới hình thức dư lượng kim loại trong thực phẩm). Các loại kim loại nặng phổ biến gặp phải trong rau quả chế biến là: Chì và Cadimi (trong rau quả đông lạnh, rau quả đóng gói bằng thủy tinh, nước ép trái cây), và Thiếc (trong rau quả đóng hộp). Trường hợp dư lượng kim loại vượt quá một mức nào đó có thể gây nguy hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Do đó EU cũng thiết lập các giới hạn tối đa dư lượng kim loại nặng. Cần lưu ý là việc sử dụng các loại máy dò để phát hiện các loại tạp chất kim loại này có thể được sử dụng nhưng EU khuyến nghị nên kiểm soát bằng phân loại vật lý và hay các biện pháp cơ học không nguy hại khác.

Quy định về thành phần của sản phẩm

Các sản phẩm rau quả chế biến thường sử dụng một số loại phụ gia nhất định. EU có thể từ chối sản phẩm nếu chúng có các thành phần phụ gia không được công bố, trái phép hoặc vượt quá định mức cho phép. EU có quy định cụ thể về các chất phụ gia (như chất bảo quản, màu, chất làm đặc), hương liệu và Enzym nào được phép sử dụng.

Vitamin và khoáng chất có thể được thêm vào nước hoa quả và mật hoa quả. EU đang xây dựng quy định về hàm lượng tối đa cho vitamin và khoáng chất có thể thêm vào. Mức tối đa vẫn chưa được thiết lập, nhưng Ủy ban châu Âu đang làm việc trên một đề xuất cho những mức đó.

EU cũng quy định cụ thể về giới hạn các thành phần đối với nước ép trái cây và mứt trái cây, thạch, mứt cam và hạt dẻ ngọt (ví dụ danh mục các nguyên liệu, phụ gia, chất bảo quản nào có thể được sử dụng...).

Quy định về ghi nhãn

Ghi nhãn là một trong các nhóm TBT bắt buộc mà EU rất chú trọng. Cụ thể, EU có các quy tắc ghi nhãn rất chi tiết mà người sản xuất phải tuân thủ để đảm bảo người tiêu dùng được thông tin đầy đủ về nội dung và thành phần của các sản phẩm thực phẩm.

Đối với các sản phẩm rau quả chế biến, EU có một số nhóm yêu cầu về ghi nhãn đáng chú ý sau:

- Thông tin về giá trị năng lượng và số lượng chất béo, bão hòa, carbohydrate, protein, đường và muối;
- Thông tin về các chất gây dị ứng (như đậu nành, các loại hạt hoặc gluten) đối với thực phẩm;
- Kích thước phông chữ tối thiểu cho các thông tin bắt buộc là 1,2 mm.

Các tuyên bố về dinh dưỡng và sức khỏe trên nhãn các sản phẩm bán lẻ là rất quan trọng. Luật Ghi nhãn của EU cấm các tuyên bố gây hiểu lầm cho người tiêu dùng. Các tuyên bố rằng trên nhãn thực phẩm về tác dụng ngăn ngừa, điều trị hoặc chữa bệnh cho con người đều không được phép.

ii Một số yêu cầu bổ sung của nhà nhập khẩu

Căn cứ vào thị hiếu và yêu cầu của người tiêu dùng, nhà nhập khẩu EU có thể sẽ đặt ra một số yêu cầu bổ sung đối với nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài. Phổ biến trong số này là yêu cầu cung cấp thêm các chứng nhận an toàn thực phẩm được cung cấp bởi một cơ quan kiểm soát độc lập. Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều người mua EU quan tâm về các bằng chứng về kinh doanh bền vững, có đạo đức hay bảo vệ môi trường...và các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài có thể được yêu cầu phải cung cấp các bằng chứng này (hoặc được khuyến khích, ưu tiên nếu có các bằng chứng này).

Chứng nhận An toàn thực phẩm

Mặc dù các chứng nhận an toàn thực phẩm không bắt buộc theo luật pháp của EU, hầu hết các nhà nhập khẩu thực phẩm EU đều yêu cầu các chứng nhận này đối với các sản phẩm thực phẩm, phổ biến là:

- Chứng nhận Sáng kiến An toàn Thực phẩm Toàn cầu (GFSI)
- Tiêu chuẩn quốc tế (IFS)
- Tiêu chuẩn Toàn cầu của Hiệp hội Bán lẻ Anh (BRCGS)
- Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm (FSSC 22000)

Yêu cầu về tính bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)

Các nhà nhập khẩu có những yêu cầu khác nhau về trách nhiệm xã hội đối với các sản phẩm rau quả chế biến nhập khẩu. Một số nhà nhập khẩu sẽ yêu cầu tuân thủ quy tắc ứng xử của họ hoặc tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế về vấn đề này như Chứng chỉ Thực hành đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội (Sedex-SMETA), Sáng kiến Thương mại có đạo đức (ETI) hoặc Sáng kiến Tuân thủ Trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (BSCI)...

28

Thuận lợi – Khó khăn của các sản phẩm rau quả Việt Nam khi xuất khẩu sang EU?

Thuận lợi

- Điều kiện tự nhiên của Việt Nam thuận lợi cho sản xuất nhiều loại rau quả nhiệt đới, trong đó có nhiều loại rau quả cho năng suất cao, chất lượng tốt. Rau quả của Việt Nam cũng đã khẳng định được thương hiệu của mình khi được xuất khẩu đi hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có nhiều thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc....
- Đầu tư của cả nhà nước và khối tư nhân vào lĩnh vực rau quả ngày càng được chú trọng, giúp tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, cải tiến chất lượng và năng suất sản phẩm. Đặc biệt, trong một vài năm gần đây, với sự tham gia của nhiều tập đoàn lớn vào lĩnh vực rau quả đã giúp thay đổi bộ mặt của ngành, cung cấp nhiều sản phẩm rau quả chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng trong nước, và đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của một số thị trường nước ngoài để gia tăng xuất khẩu.
- So với nhiều đối thủ cạnh tranh, rau quả Việt Nam có một số ưu thế như: có giá cả cạnh tranh hơn do có điều kiện tự nhiên thuận lợi và nguồn nhân lực giá rẻ dồi dào, có vị trí địa lý thuận lợi cho giao thương, được hưởng thuế quan ưu đãi do có FTA với EU mà một số đối thủ cạnh tranh lớn trong khu vực như Thái Lan, Indonesia không có....
- Người tiêu dùng EU ngày càng ưa chuộng các sản phẩm rau quả nhiệt đới từ khu vực châu Á. Một số sản phẩm rau quả tươi của Việt Nam được người tiêu dùng EU ưa chuộng là: xoài, dứa, thanh long, chanh leo, chôm chôm, cơm dừa, một số loại rau gia vị..... Bên cạnh đó một số sản phẩm rau quả chế biến như nước ép trái cây và hoa quả sấy khô đã bắt đầu thâm nhập và tăng trưởng đều ở một số thị trường EU.

Khó khăn

- Các quy định nhập khẩu của EU đối với các sản phẩm thực phẩm nói chung và rau quả nói riêng rất khắt khe, không dễ đáp ứng. Trong khi các sản phẩm rau quả của Việt Nam chủ yếu được sản xuất bởi các hộ gia đình và trang trại nhỏ lẻ nên hiểu biết và khả năng thực hành quy trình sản xuất xanh sạch đảm bảo đúng các tiêu chuẩn của EU còn rất hạn chế. Do đó, đây có thể coi là một trong những rào cản lớn nhất khiến cho nhiều sản phẩm rau quả của Việt Nam khó tiếp cận được thị trường EU. Hơn nữa, các quy định nhập khẩu chi tiết của EU có thể thay đổi khá thường xuyên, đòi hỏi các nhà sản xuất, xuất khẩu phải cập nhật liên tục – một vấn đề khó có thể thực hiện được bởi các doanh nghiệp sản xuất chế biến rau quả nhỏ và siêu nhỏ của Việt Nam.

- Các chế tài xử phạt vi phạm về an toàn thực phẩm và an toàn sinh học của EU rất nghiêm khắc. Hàng hoá bị phát hiện vi phạm các yêu cầu nhập khẩu bắt buộc của EU có nguy cơ bị buộc trả về hoặc phải tiêu huỷ tại chỗ. Đặc biệt, trong một số trường hợp, nếu tần suất vi phạm cao (một vài lần trong một khoảng thời gian nhất định), EU có thể áp dụng biện pháp kiểm soát chặt hoặc xử lý nghiêm khắc (tăng tần suất, tỷ lệ kiểm tra, cấm nhập khẩu vào EU một thời gian..).
- Người tiêu dùng EU có yêu cầu rất cao về chất lượng và cả hình thức mẫu mã của sản phẩm. Trong khi đó, nhiều sản phẩm rau quả của Việt Nam còn chưa bảo đảm tính ổn định, thống nhất về chất lượng và thường hạn chế về hình thức, mẫu mã, chủng loại hoặc thiếu hiểu biết/ít chú trọng tới quan điểm thẩm mỹ của người EU. Bên cạnh đó, không nhiều doanh nghiệp rau quả của Việt Nam có thể đáp ứng được các yêu cầu bổ sung của các khách hàng EU như các chứng nhận về quy trình trồng trọt và sản xuất chế biến an toàn GlobalGAP, HACCP....
- Nhiều doanh nghiệp sản xuất rau quả Việt Nam vẫn chưa chú trọng vào xây dựng thương hiệu, tìm kiếm đối tác, thị trường, chuyên nghiệp hóa trong các khâu chào hàng, bán hàng, hậu mãi... nên chưa tạo được quan hệ làm ăn lâu dài với các đối tác nhập khẩu EU rất khắt khe trong các vấn đề này.
- Khách hàng EU rất quan tâm đến các vấn đề xã hội như lao động (doanh nghiệp sản xuất rau quả có đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của người lao động hay không), môi trường (việc sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật có đúng hàm lượng và quy trình không, có gây ô nhiễm môi trường không)... trong khi nhiều doanh nghiệp Việt Nam có thể chưa quan tâm tới các vấn đề này.

Việt Nam phải tạm ngừng xuất khẩu một số loại rau quả sang EU

Trong 10 tháng đầu năm 2014, Việt Nam đã có 3 chuyến hàng xuất khẩu rau húng quế, ớt, cần tây, mướp đắng và mùi bị EU liên tiếp phát hiện có vi khuẩn gây hại khi nhập khẩu vào thị trường này. Theo quy định của EU, nếu trong một năm có 5 vụ vi phạm liên tiếp các quy định kiểm dịch thực vật của khu vực này thì EU sẽ tạm dừng nhập khẩu loại sản phẩm liên quan từ tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam để điều tra. Nếu việc này xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới uy tín của các sản phẩm rau quả của Việt Nam. Do đó, Cục Bảo vệ Thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã phải dừng làm thủ tục xuất khẩu cho 5 loại rau quả nói trên cho đến hết tháng 12/2014. Mặc dù biện pháp này là để đảm bảo uy tín cũng như hạn chế các nguy cơ và thiệt hại có thể xảy ra sau này, nhưng đã làm ảnh hưởng đáng kể đến tất cả người nông dân và các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu các mặt hàng nói trên sang EU dù chỉ có 3 lô hàng của một số doanh nghiệp vi phạm.

29

Triển vọng và xu hướng phát triển của ngành rau quả Việt Nam?

Triển vọng

Trong nhiều năm qua, ngành rau quả Việt Nam liên tục tăng trưởng về diện tích và sản lượng cây trồng, cũng như gia tăng khả năng chế biến. Xuất khẩu rau quả của Việt Nam cũng tăng rất mạnh, với tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2013-2019 là 24%. Dự kiến trong thời gian tới, ngành rau quả Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh nhờ các yếu tố sau:

- Nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu đối với các sản phẩm rau quả tươi và chế biến tiếp tục gia tăng do dân số gia tăng và người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khoẻ trong đó có các sản phẩm rau quả;
- Chính phủ đang quyết tâm hiện đại hoá ngành nông nghiệp Việt Nam thông qua nhiều chính sách đầu tư và khuyến khích phát triển mới nhằm đưa Việt Nam trở thành một trong 15 nước có nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới năm 2030;
- Việt Nam ngày càng mở cửa và cải thiện môi trường đầu tư thu hút nhiều đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, trong đó có ngành rau quả, giúp tạo điều kiện cho ngành này phát triển cạnh tranh và hiện đại hơn, từ đó tăng thêm cơ hội ở cả thị trường trong nước và quốc tế;
- Các Hiệp định thương mại tự do mới của Việt Nam một mặt giúp đa dạng hóa thị trường nhập khẩu và giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) và máy móc cho trồng trọt, sản xuất và chế biến rau quả; mặt khác tăng cường khả năng tiếp cận các thị trường mới cho các sản phẩm rau quả của Việt Nam.

Một số xu hướng đáng chú ý

Đầu tư nước ngoài có xu hướng gia tăng giúp hiện đại hoá ngành sản xuất rau quả Việt Nam

Sau nhiều biến động của thị trường thế giới (do tác động của căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, do nhiều đối tác lớn bắt đầu các kế hoạch tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu .....), làn sóng chuyển dịch đầu tư nước ngoài để đa dạng hóa các chuỗi cung ứng trong nhiều lĩnh vực, trong đó có sản xuất chế biến sâu đối với rau quả, đang trở thành xu hướng mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, với các lợi thế của mình (có vị trí địa lý gần Trung Quốc, nguồn nhân lực tương đối chất lượng, môi trường

kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt dịch bệnh...), Việt Nam đang là một trong những điểm đến thu hút dòng đầu tư chuyển dịch này.

Hơn nữa, việc Việt Nam ký kết nhiều FTA, trong đó có các FTA thế hệ mới trong thời gian gần đây (như CPTPP, EVFTA, RCEP) đã khiến Việt Nam trở thành một đầu mối kết nối dễ dàng với nhiều đối tác, qua đó có lợi thế trong thu hút đầu tư không chỉ từ các nước đối tác FTA mà cả các nước khác (để đầu tư sản xuất hàng hóa tại Việt Nam và xuất khẩu đi tận dụng các cơ hội của FTA).

Đây là cơ hội thu hút đầu tư có ý nghĩa với nhiều ngành kinh tế, trong đó có ngành sản xuất, chế biến rau quả.

Thêm vào đó, đầu tư nước ngoài vào ngành rau quả trong những năm qua cũng chưa nhiều, vì vậy dư địa cho đầu tư và thu lợi nhuận trong ngành này cho các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn rất lớn.

Từ các cơ sở này, nếu nắm bắt tốt các cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài, ngành rau quả Việt Nam sẽ có tiềm năng phát triển hiện đại và bền vững hơn trong thời gian tới. Tiềm lực về tài chính, quản trị và công nghệ của khối ngoại có thể sẽ hỗ trợ giải quyết một phần các bất cập hiện tại của ngành rau quả Việt Nam trong các vấn đề bảo quản, lưu trữ, chế biến sâu..., từ đó giảm chi phí đầu vào và tăng năng suất cho ngành rau quả.

Nhu cầu đối với các sản phẩm rau quả chế biến được dự kiến gia tăng

Người tiêu dùng nói chung có xu hướng chuyển sang sử dụng các sản phẩm chế biến sẵn tiện lợi. Với công nghệ chế biến ngày càng phát triển hiện đại, các sản phẩm chế biến cũng ngày càng phong phú về chủng loại, hương vị và mẫu mã sản phẩm, cho phép người tiêu dùng có thêm nhiều lựa chọn. Các sản phẩm chế biến sẵn giúp người tiêu dùng tiết kiệm được thời gian, thời hạn sử dụng thường lâu hơn các sản phẩm tươi nên cũng thuận tiện cho việc lưu trữ sản phẩm.

Đối với thị trường EU, người tiêu dùng châu Âu từ lâu đã hình thành thói quen sử dụng các sản phẩm rau quả sơ chế và chế biến sẵn. Nhu cầu tiêu dùng đối với các sản phẩm này vẫn tăng trưởng ổn định ở mức 2-3%/năm. Hơn nữa, người tiêu dùng châu Âu đang có xu hướng đa dạng hóa nguồn rau quả, đặc biệt với các sản phẩm nhiệt đới không sẵn có ở EU. Đồng thời, cùng với xu hướng di cư, cộng đồng người châu Á vốn có nhu cầu cao về các sản phẩm rau quả nhiệt đới quen thuộc với họ ở EU cũng đang gia tăng nhanh chóng. Do đó, trong tổng thể, cầu ở thị trường này đối với các sản phẩm rau quả sơ chế, chế biến sẵn từ các khu vực như Việt Nam là rất triển vọng.

Hơn nữa, với việc cắt giảm thuế quan theo EVFTA, hàng hóa của Việt Nam nói chung và rau quả nói riêng được hưởng ưu đãi thuế quan càng có thêm lợi thế về giá trong lựa chọn của người tiêu dùng EU. Vì vậy, theo nhiều dự báo, trong thời gian tới, các sản phẩm rau quả chế biến của Việt Nam có thể sẽ gia tăng nhu cầu ở thị trường này.

Đặc biệt, theo EVFTA, một số sản phẩm rau quả Việt Nam được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại tất cả các nước thành viên EU. Nếu tận dụng hiệu quả, đây sẽ là cơ hội có ý nghĩa để các sản phẩm rau quả này quảng bá thương hiệu, giữ giá và được bảo vệ khỏi các hành vi gian lận chỉ dẫn địa lý từ sản phẩm rau quả từ các nguồn khác

- **Yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của EU có thể sẽ khắt khe hơn**

Thị trường EU từ lâu vẫn được xem là một trong các thị trường khó tính và yêu cầu khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật đối với các sản phẩm rau quả tươi. Người tiêu dùng châu Âu rất quan tâm về các vấn đề sức khỏe, vì vậy yêu cầu sản phẩm thực phẩm phải tuyệt đối an toàn, không được gây ra các nguy cơ tới sức khỏe. Do đó, bên cạnh các quy định nhập khẩu bắt buộc của EU, các nhà nhập khẩu và người tiêu dùng EU ngày càng có thêm nhiều yêu cầu về các chứng nhận an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nhập khẩu.

Ngoài ra, cũng có lo ngại rằng khi hàng rào thuế quan được cắt giảm theo EVFTA và các Hiệp định thương mại tự do khác của EU, các doanh nghiệp sản xuất rau quả nội địa EU có thể sẽ vận động để EU tăng cường áp dụng các rào cản phi thuế quan đối với rau quả nhập khẩu nhằm bảo vệ mình khỏi áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu. Lo ngại này không phải không có căn cứ, khi mà ở nhiều khu vực, trong đó có EU, càng nhiều các hiệp định thương mại song phương và đa phương được ký thì các hàng rào phi thuế quan lại càng cao hơn. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả Việt Nam cũng cần phải cẩn trọng trước các nguy cơ này.

- **Nhu cầu đối với các sản phẩm rau quả được sản xuất hữu cơ và thân thiện môi trường, xã hội có xu hướng tăng mạnh**

Theo thống kê, năm 2019 nhu cầu đối với các sản phẩm thực phẩm hữu cơ của EU lớn thứ 2 thế giới (chỉ sau Mỹ). Nhu cầu này được dự đoán tiếp tục tăng mạnh bởi người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sức khỏe và ưa chuộng các sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu và quy trình hoàn toàn tự nhiên để đảm bảo không bị nhiễm các hóa chất độc hại và không gây ô nhiễm môi trường. Đó là chưa kể tới bối cảnh COVID-19 khiến người tiêu dùng càng quan tâm tới các sản phẩm có thể giúp hỗ trợ bảo vệ và nâng cao sức khỏe. Các nhà sản xuất rau quả của Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn đã bắt đầu chú ý đến xu hướng tiêu dùng này và đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực

sản xuất rau quả hữu cơ. Mặc dù giá thành sản xuất các sản phẩm hữu cơ khá cao nhưng do nhu cầu trong nước (ở các phân khúc khách hàng thu nhập cao) và xuất khẩu (sang các thị trường phát triển như EU, Mỹ, Nhật) gia tăng mạnh nên các sản phẩm này vẫn có tiềm năng lớn trong thời gian tới. Hơn nữa, các sản phẩm hữu cơ cũng thường là những sản phẩm thân thiện với môi trường, vốn đang thu hút sự quan tâm lớn của người tiêu dùng EU.

Ngoài ra, người tiêu dùng EU thường có ý thức cao về bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với xã hội, vì vậy họ sẽ ưu tiên sử dụng các sản phẩm rau quả có bao bì có thể tái chế, sản phẩm được sản xuất bởi các doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho xã hội.... Do đó, các sản phẩm có nhãn thân thiện môi trường, được sản xuất bởi các doanh nghiệp có chứng nhận trách nhiệm xã hội cũng được thị trường EU quan tâm hơn các sản phẩm khác.

PHẦN THỨ BA

Cơ hội, Thách thức và Khuyến nghị đối với Ngành Rau quả trong bối cảnh EVFTA

30

EVFTA sẽ tác động như thế nào tới xuất khẩu rau quả Việt Nam?

EU là thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới, với giá trị nhập khẩu rau quả năm 2019 là khoảng 84 tỷ USD, chiếm hơn 1/3 tổng giá trị nhập khẩu rau quả của thế giới. Nếu chỉ xét nhập khẩu từ các nước ngoài khối thì tổng giá trị nhập khẩu rau quả của EU năm 2019 là khoảng 41 tỷ USD. Trong khi đó, nhập khẩu rau quả từ Việt Nam chỉ chiếm khoảng 0,08% tổng lượng nhập khẩu rau quả của EU năm 2019.

Trong tốp 10 nước nhập khẩu rau tươi, quả tươi hoặc rau quả chế biến của EU, Việt Nam chỉ xuất hiện duy nhất trong tốp 10 của nhóm quả tươi và sơ chế. Mặc dù điều này có nghĩa là xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU còn rất hạn chế, nhưng cũng cho thấy dư địa thị trường này là rất lớn cho rau quả của Việt Nam, đặc biệt là rau tươi, sơ chế và rau quả chế biến.

BẢNG Tốp các nước mà EU nhập khẩu rau quả nhiều nhất năm 2019

STT	Rau tươi và sơ chế	Quả tươi và sơ chế	Rau quả chế biến
1	Morocco	Mỹ	Braxin
2	Trung Quốc	Thổ Nhĩ Kỳ	Thổ Nhĩ Kỳ
3	Ai Cập	Nam Phi	Trung Quốc
4	Thổ Nhĩ Kỳ	Cost Rica	Mỹ
5	Mỹ	Chile	Peru
6	Peru	Peru	Thái Lan
7	Canada	Colombia	Ấn Độ
8	Kenya	Ecuador	Mexico
9	Ấn Độ	Morocco	Nam Phi
10	Israel	Việt Nam	Costa Rica

Nguồn: https://madb.europa.eu

Một trong những nguyên nhân khiến cho xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU thời gian trước còn hạn chế là do thuế quan của EU áp dụng đối với các sản phẩm nông nghiệp nói chung và rau quả nói riêng còn tương đối cao, cao hơn nhiều so với các nhóm sản phẩm công nghiệp. Mặc dù rau quả của

Việt Nam được hưởng thuế ưu đãi GSP của EU nhưng mức ưu đãi của GSP cũng chỉ giúp thuế quan thấp hơn một chút so với mức thuế MFN.

Với EVFTA, phần lớn rau quả của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực hoặc theo lộ trình ngắn, một số ít áp dụng hạn ngạch thuế quan. Vì vậy, EVFTA là cơ hội lớn cho rau quả Việt Nam trong gia tăng thị phần nhập khẩu vào EU, đặc biệt khi các đối thủ cạnh tranh mạnh với rau quả Việt Nam ở thị trường này (như Trung Quốc, Thái Lan...) lại chưa có FTA với EU.

Các sản phẩm rau tươi và sơ chế

Rà soát các cam kết ưu đãi thuế quan mà EU dành cho Việt Nam theo EVFTA cho thấy tốp 10 nhóm sản phẩm rau tươi và sơ chế (theo nhóm HS 6 số) có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang EU năm 2019 của Việt Nam đều được xóa bỏ thuế quan ngay từ ngày 01/08/2020 (trừ 02 sản phẩm EU cam kết cho ưu đãi theo hạn ngạch thuế quan). Mức thuế GSP và MFN trung bình năm 2020 mà EU đang áp dụng đối với các sản phẩm này hầu hết đều khá cao. Vì vậy, với việc được xóa bỏ thuế quan hoàn toàn hoặc xóa thuế đối với một khối lượng nhập khẩu nhất định theo EVFTA chắc chắn sẽ tạo ra các cơ hội lớn cho rau tươi và sơ chế của Việt Nam khi xuất khẩu sang EU.

BẢNG So sánh thuế quan EVFTA và MFN đối với tốp 10 sản phẩm rau tươi và sơ chế Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất từ EU năm 2019

Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế GSP trung bình năm 2020	Thuế MFN trung bình năm 2020
071040	Ngô ngọt, đã hoặc chưa nấu chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	A Riêng mã 07104000A - Ngô ngọt, trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm: TRQ (xem thêm Câu 2)	0%	0%
071159	Nấm và nấm cục đã bảo quản tạm thời, nhưng không ăn ngay được...	A	6,1%	9,6%
071080	Rau các loại, đã hoặc chưa nấu chín hoặc luộc chin trong nước, đông lạnh (ngoại trừ khoai tây....)	A	10,49%	13,6%

Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế GSP trung bình năm 2020	Thuế MFN trung bình năm 2020
071151	Nấm thuộc chi "Agaricus", đã bảo quản tạm thời, nhưng không ăn ngay được.	TRQ (xem thêm Câu 2)	6,1% + 191 EUR / 100 kg/net eda	9,6% + 191 EUR/100 kg/net eda
070999	Các loại rau tươi và ướp lạnh khác.	A	5,86%	9,44%
071490	Củ dong, củ lan, a-ti-sô Jerusalem và các loại củ và rễ tương tự có hàm lượng tinh bột hoặc inulin cao, ...	A	0%	3%
071450	Khoai môn, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên.	A	0%	0%
071190	Rau và hỗn hợp các loại rau đã bảo quản tạm thời, nhưng không ăn ngay được.	A	4,5%	8%
071029	Các loại rau đậu, đã hoặc chưa bóc vỏ, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	A	10,9%	14,4%
071290	Rau và hỗn hợp các loại rau khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	A	6,84%	9,72%

Ký hiệu:

A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

TRQ: Áp dụng hạn ngạch thuế quan

Các sản phẩm quả tươi và sơ chế

Tất cả các sản phẩm quả tươi và sơ chế trong tốp 10 nhóm sản phẩm xuất khẩu nhiều nhất sang EU năm 2019 của Việt Nam đều được xóa bỏ thuế quan theo EVFTA ngay khi Hiệp định có hiệu lực (trừ trường hợp ưu đãi riêng, áp dụng cho 02 sản phẩm thuộc nhóm quả chanh và chuối như Bảng bên dưới). Nhìn chung các mức thuế MFN và GSP đang áp dụng đối với các sản phẩm này không cao, do đó lợi thế từ EVFTA không thật lớn. Mặc dù vậy, với một số sản phẩm mà các mức thuế MFN cao (như chuối, chanh) thì cam kết EVFTA là rất có ý nghĩa.

BẢNG **So sánh thuế quan EVFTA và MFN đối với tốp 10 sản phẩm rau tươi và sơ chế Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất từ EU năm 2019**

Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế GSP trung bình năm 2020	Thuế MFN trung bình năm 2020
081090	Me tươi, táo điều, mít, vải, mận sapodillo, chanh dây, khế, pitahaya và các loại trái cây ăn được khác ...	A	2,65%	4,4%
080550	Quả chanh và quả chanh xanh tươi hoặc khô	A Riêng mã HS 0805 50 10 - Chanh vàng: A+EP	8,9%	12,8%
081190	Quả tươi, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	A	5,2%	10,75%
080119	Dừa tươi, chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ (ngoại trừ: dừa còn nguyên sọ)	A	0%	0%
080540	Bưởi tươi hoặc khô	A	0%	1,5%
080111	Dừa đã qua công đoạn làm khô	A	0%	0%
080450	Quả ổi, xoài và măng cụt tươi hoặc khô	A	0%	0%
080112	Dừa còn nguyên sọ tươi.	A	0%	0%
080390	Chuối tươi hoặc khô (Ngoài trừ: chuối lá).	A Riêng mã HS 0803 90 10 - Chuối tươi: R75	12,5%	16%
081340	Đào, lê, đu đủ, me và các loại trái cây ăn được khác khô (trừ quả hạch, chuối, chà là, sung, dứa, bơ, ổi, xoài, măng cụt, trái cây họ cam quýt, mơ nho, mận khô và táo, chưa pha trộn)	A	1%	3,28%

Ký hiệu:

A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

TRQ: Áp dụng hạn ngạch thuế quan

A+EP: Xóa bỏ thuế tính theo giá trị hàng hóa (%) ngay khi EVFTA có hiệu lực nhưng vẫn giữ thuế tuyệt đối áp dụng đối với hàng hóa đó

R75: Giảm thuế theo quy định cụ thể trong Phụ lục 2-A, Chương 2 EVFTA về 75 EUR/tấn từ năm 2025 trở đi

Các sản phẩm rau quả chế biến

Do hiện tại các mức thuế MFN và GSP trung bình của EU đang áp dụng đối với các sản phẩm rau quả chế biến tương đối cao, các cam kết EVFTA có ý nghĩa đặc biệt đối với các sản phẩm này khi xuất khẩu sang EU.

Trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế quan ngay từ ngày 01/08/2020 đối với tất cả 10 nhóm sản phẩm rau quả chế biến Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang EU năm 2019 (theo mã HS 6 số như bảng bên dưới), trừ một sản phẩm thuộc Nhóm Ngô ngọt.

Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế GSP trung bình năm 2020	Thuế MFN trung bình năm 2020
200989	Nước ép từ trái cây, rau chưa lên men và chưa pha them đường hoặc chất tạo ngọt khác.	A	11,33%	18,87%
200939	Nước ép từ 1 loại quả thuộc chi cam quýt, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác, trị giá Brix > 20 ở 20°C	A	13,76%	17,49%
200110	Dưa chuột và dưa chuột ri, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic.	A	14,1%	17,6%
200899	Quả và các phần ăn được khác của cây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác...	A	11,16%	16,25%
200820	Dứa đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác.	A	11,1%	20,91%
200580	Ngô ngọt, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	A Riêng mã HS 2005 80 00A - Ngô ngọt, trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12mm: TRQ	0%	0%
200410	Khoai tây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	A	12,5%	16%
200490	Rau và hỗn hợp các loại rau đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	A	12,98%	16,8%
200799	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, bột nghiền và bột nhão từ quả, thu được từ quá trình đun nấu...	A	16,97%	20,47%
200897	Hỗn hợp của quả, quả hạch (nuts) và các phần ăn được khác của cây...	A	7,38%	15,44%

Ký hiệu:

A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

TRQ: Áp dụng hạn ngạch thuế quan

EVFTA sẽ tác động thế nào đến nhập khẩu rau quả từ EU vào Việt Nam?

Trong EVFTA, để đổi lại cam kết thuế quan của EU cho Việt Nam, Việt Nam cũng phải mở cửa thị trường cho rau quả nhập khẩu từ EU. Trong tổng thể, Việt Nam có cam kết mở cửa khá mạnh về thuế quan cho các sản phẩm rau quả nhập khẩu nhiều từ EU.

Các sản phẩm Rau tươi và sơ chế

Các sản phẩm rau tươi và sơ chế Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ EU là: khoai tây, tỏi, đậu hà lan, một số loại rau, ô liu, nấm, hành. Đây cũng là các sản phẩm Việt Nam nhập khẩu nhiều từ thế giới do không sản xuất được ở trong nước hoặc sản xuất được nhưng ở mức hạn chế, không đủ đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.

Trong EVFTA, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu trong vòng 6 năm đối với tất cả các sản phẩm nói trên, và xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay từ 01/08/2020 cho các loại cây giống của các sản phẩm này nhập khẩu từ EU. Trên thực tế, thuế MFN năm 2020 mà Việt Nam đang áp dụng với các loại cây giống nói trên cũng đã là 0%. Còn với các sản phẩm không phải giống, mức thuế MFN hiện dao động từ 10-30%.

Với các cam kết này, các nhà nhập khẩu và người tiêu dùng Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận các sản phẩm rau tươi và sơ chế của EU với giá cả phải chăng hơn và nhiều mẫu mã chủng loại hơn do thuế nhập khẩu giảm đáng kể so với trước đây.

BẢNG **So sánh thuế quan EVFTA và MFN đối với tốp 10 sản phẩm Rau tươi và sơ chế Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ EU năm 2019**

STT	Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2020
1	070190	Khoai tây tươi hoặc ướp lạnh.	B5	20%
2	070110	Khoai tây để làm giống	A	0%
3	070320	Tỏi, tươi hoặc ướp lạnh		
	0703.20.10	Củ giống	A	0%
	0703.20.90	Loại khác	B5	20%
4	071021	Đậu Hà Lan "Pisum sativum", đã hoặc chưa bóc vỏ, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	B5	17%
5	071010	Khoai tây, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	B5	10%
6	071290	Rau và hỗn hợp các loại rau khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm	B5	22%
7	070959	Nấm và nấm cục có thể ăn được tươi hoặc ướp lạnh..	B5	15%
8	071120	Ôliu đã bảo quản tạm thời ... nhưng không ăn ngay được.	B5	15%
9	071239	Nấm hoặc nấm cục khô ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, ...	B5	30%
10	070310	Hành tây và hành, hẹ tươi hoặc ướp lạnh		
	07031011	Hành tây củ giống	A	0%
	07031019	Hành tây loại khác	B5	15%
	07031021	Hành, hẹ của giống	A	0%
	07031029	Hành, hẹ loại khác	B5	20%

Ký hiệu:

A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

B5: Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 6 năm

Các sản phẩm Quả tươi và sơ chế

Các sản phẩm quả tươi và sơ chế Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ EU là các sản phẩm quả hàn đới và ôn đới như táo, kiwi, nho, lê, mận, mơ.... Trong tốp 10 nhóm sản phẩm quả tươi và sơ chế (HS 6 số), đa số đang chịu thuế MFN năm 2020 là 30%, chỉ có kiwi 7%, nho tươi và lê tươi (10%). Theo EVFTA, Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế quan đối với nhóm sản phẩm này chủ yếu là theo lộ trình 6 năm, chỉ có kiwi được xóa bỏ thuế quan ngay và lê tươi xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 4 năm.

Đây là nhóm các sản phẩm quả tươi và sơ chế mà Việt Nam nhập khẩu nhiều và có xu hướng gia tăng trong các năm gần đây do nhu cầu của người tiêu dùng gia tăng. Hiện tại Việt Nam đang nhập khẩu nhiều các trái cây hàn đới và ôn đới từ các nước đã có FTA với Việt Nam như Úc, New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc.... Với EVFTA, Việt Nam sẽ cắt giảm thuế quan cho các sản phẩm quả tươi nhập khẩu từ EU và mở thêm cơ hội cho người tiêu dùng Việt Nam tiếp cận các sản phẩm này với giá thấp hơn.

BẢNG So sánh thuế quan EVFTA và MFN đối với tốp 10 sản phẩm Quả tươi và sơ chế Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ EU năm 2019

STT	Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2020
1	080810	Táo tươi	B3	10%
2	081050	Kiwi tươi	A	7%
3	080610	Nho tươi	B3	10%
4	081190	Quả đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, ...	B5	30%
5	080830	Lê tươi	B3	10%
6	081120	Quả mâm xôi, dâu tằm, dâu đỏ, quả lý chua đen, trắng hoặc đỏ và quả lý gai, ...	B5	30%
7	081320	Quả mận đỏ khô	B5	30%
8	080410	Quả chà là tươi hoặc khô	B5	30%
9	081310	Mơ khô	B5	30%
10	080420	Quả sung, vả tươi hoặc khô	B5	30%

Ký hiệu:

A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

B3: Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 4 năm

B5: Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 6 năm

Các sản phẩm Rau quả chế biến

Tốp 10 sản phẩm rau quả chế biến Việt Nam nhập khẩu từ EU chủ yếu là các sản phẩm nước ép, sản phẩm đóng hộp hoặc bảo quản khác từ các sản phẩm rau quả ôn đới và hàn đới mà Việt Nam không có thế mạnh sản xuất.

Các sản phẩm này hiện đang chịu mức thuế MFN năm 2020 rất cao, dao động từ 15-40% và sẽ được Việt Nam xóa bỏ theo lộ trình 6-8 năm theo EVFTA tùy sản phẩm. Điều này mở ra cơ hội tăng cường nhập khẩu các sản phẩm này vào thị trường Việt Nam trong thời gian tới.

BẢNG So sánh thuế quan EVFTA và MFN đối với tốp 10 sản phẩm Rau quả chế biến Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ EU năm 2019

STT	Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2020
1	200410	Khoai tây đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh.	B5	15%
2	200870	Đào, kể cả quả xuân đào đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, ...	B7	35%
3	200799	Mứt, thạch trái cây, mứt từ quả thuộc chi cam quýt, ...		
	2007.99.10	Bột nhão từ quả trừ bột nhão xoài, dứa hoặc dâu tây	B7	40%
	2007.99.90	Loại khác	B5	40%
4	200570	Ôliu, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	B5	25%
5	200969	Nước ép nho kể cả hèm nho, với giá trị Brix >30 ở 20°C, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	B5	30%
6	200990	Nước ép trái cây hỗn hợp kể cả hèm nho, và nước ép rau, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	B5	25%

STT	Mã HS	Mô tả sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2020
7	200979	Nước ép táo, với giá trị Brix >20 ở 20°C, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, ...	B7	25%
8	200989	Đào, kể cả quả xuân đào đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, ...		
	20098910	Nước ép từ quả lý chua đen	B7	25%
	20098919	Loại khác	B5	25%
9	200210	Cà chua, nguyên quả hoặc dạng miếng, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ loại bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic.	B7	30%
10	200559	Đậu hạt chưa bóc vỏ, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	B7	35%

Ký hiệu:

B5: Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 6 năm

B6: Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 7 năm

32

EVFTA có giúp Việt Nam tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài từ EU?

EVFTA được dự đoán là sẽ có tác động tích cực giúp thu hút các nhà đầu tư từ EU vào Việt Nam bởi những lý do sau:

- Các cam kết mở cửa đầu tư hoàn toàn trong lĩnh vực rau quả, cùng với các cam kết cao của Việt Nam về bảo hộ đầu tư trong EVFTA, các nhà đầu tư EU sẽ dễ dàng tiếp cận thị trường Việt Nam hơn cũng như có thể yên tâm các quyền lợi của mình sẽ được đảm bảo khi đầu tư tại Việt Nam. Hiện tại, ngành rau quả của Việt Nam vẫn còn kém phát triển, đầu tư thấp, đang rất cần thu hút các nguồn đầu tư chất lượng cao. Trong khi đó, EU là một trong những đối tác có ngành nông nghiệp phát triển (đặc biệt nông nghiệp công nghệ cao) của thế giới. Vì vậy, cơ hội cho các nhà đầu tư ngành rau quả của EU phát triển tại thị trường Việt Nam là rất lớn.
- Môi trường kinh doanh của Việt Nam dự kiến sẽ được cải thiện theo hướng minh bạch hóa và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp sau khi EVFTA có hiệu lực sẽ giúp thu hút hơn đầu tư từ EU vào Việt Nam trong đó có đầu tư trong ngành rau quả. Cụ thể, EVFTA cùng với các cam kết về quy tắc, thể chế, minh bạch hóa, cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi hóa thủ tục xuất nhập khẩu, tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ...sẽ giúp góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam nói chung và đầu tư sản xuất chế biến rau quả nói riêng. Từ đó, EVFTA sẽ giúp giảm chi phí, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành này, trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Điều này rất có ý nghĩa với các ngành sản xuất, xuất khẩu như ngành rau quả.
- Thị trường nội địa của Việt Nam cũng rất hấp dẫn, thu hút FDI từ EU vào ngành rau quả. Mức sống của người dân Việt Nam ngày càng được nâng cao và ngày càng quan tâm đến sức khỏe, do đó sẵn sàng chi trả cho các sản phẩm rau quả chất lượng tốt, mức độ an toàn thực phẩm cao. Đồng thời, nhu cầu đối với rau quả nguyên liệu trong nước dùng để sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm rau quả chế biến đi các thị trường đối tác FTA được hưởng ưu đãi thuế quan được dự kiến cũng sẽ tăng cao.
- Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng và là một trong những nền kinh tế mở cửa nhất trong khu vực với việc ký kết hàng loạt các FTA mới với nhiều đối tác lớn. Cho tới thời điểm tháng 12/2020, Việt Nam đã ký kết và thực thi 13 FTA với 51 đối tác. Do đó, bất kỳ nhà đầu tư nước ngoài nào Việt Nam đều có thể tận dụng được các cơ hội từ các FTA này để thành lập và mở rộng sản xuất, xuất khẩu đi các nước đối tác FTA của Việt Nam và được hưởng các ưu đãi FTA mà các đối tác khác không có được.

BẢNG Tổng hợp các FTA của Việt Nam

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTAs đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	Việt Nam – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Amenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 14/01/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực từ 11/06/2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
13	EVFTA	Có hiệu lực từ 01/08/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)
FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực			
14	RCEP	Ký kết ngày 15/11/2020	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, New Zealand
15	UKVFTA	Ký kết ngày 29/12/2020	Việt Nam, Vương quốc Anh
FTA đang đàm phán			
16	Vietnam – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 05/2012	Việt Nam, EFTA (Switzerland, Norway, Iceland, Liechtenstein)
17	Vietnam – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Việc thu hút được đầu tư từ EU vào ngành rau quả Việt Nam sẽ mở ra nhiều cơ hội cho ngành này bởi EU là đối tác có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, an toàn và thân thiện môi trường. Sự tham gia của các nhà đầu tư EU với công nghệ cao và tiềm lực lớn sẽ giúp tăng cường năng lực cạnh tranh trong ngành rau quả, giúp các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội hợp tác làm ăn kinh doanh và học hỏi công nghệ từ các nhà đầu tư EU, giúp người tiêu dùng Việt Nam được tiếp cận với nhiều sản phẩm rau quả an toàn chất lượng ngay tại thị trường nội địa....

33

Người lao động trong ngành rau quả sẽ tận dụng cơ hội gì từ EVFTA?

Trong EVFTA, Việt Nam không có cam kết nào về mở cửa thị trường lao động cho lao động EU trong ngành rau quả di chuyển sang làm việc lao động tại Việt Nam. Do đó, các lao động ngành rau quả Việt Nam sẽ không phải chịu áp lực cạnh tranh từ lao động EU sang Việt Nam.

Trong khi đó, nhiều cam kết của EVFTA được dự đoán có tác động tích cực đến cơ hội việc làm và thu nhập của người lao động trong ngành rau quả.

Cơ hội từ xuất khẩu gia tăng

Các cam kết về cắt giảm thuế quan của EU đối với các sản phẩm rau quả Việt Nam có thể giúp các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu rau quả Việt Nam tăng cường xuất khẩu sang khu vực thị trường rộng lớn này. Xuất khẩu các sản phẩm rau quả có thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang EU được dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh trong thời gian tới. Đây là các ngành sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là lao động hộ gia đình, lao động phổ thông.

Khi sản xuất và xuất khẩu của ngành rau quả gia tăng nhờ các tác động trên, sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng lao động gia tăng, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, và có thể tăng thu nhập cho các lao động địa phương.

Ngoài ra, giá trị gia tăng ở thị trường EU được đánh giá là cao hơn các thị trường khác. Các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, vì thế, cũng có cơ hội gia tăng lợi nhuận ở thị trường này. Hệ quả là người lao động cũng sẽ được hưởng lợi từ thu nhập tăng thêm.

Cơ hội từ tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài trong ngành rau quả

Các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường đầu tư và cam kết bảo hộ đầu tư trong ngành rau quả sẽ thu hút thêm đầu tư từ EU trong lĩnh vực này, từ đó tác động tích cực đến người lao động trong ngành. Thứ nhất, các doanh nghiệp EU thường có quy mô lớn, vì thế cũng có nhu cầu lớn về tuyển dụng lao động. Thứ hai, thu nhập trung bình của người lao động trong các khối doanh nghiệp nước ngoài thường cao hơn doanh nghiệp trong nước, nên lao động làm việc cho các doanh nghiệp rau quả EU được dự đoán là sẽ có thu nhập cao hơn. Thứ ba, các doanh nghiệp EU thường có công nghệ sản xuất và trình độ quản lý hiện đại, tiên tiến. Các lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp này sẽ có cơ hội được đào tạo, học hỏi để nâng cao tay nghề và năng suất lao động.

Hiện tại, ngành rau quả Việt Nam là một trong những ngành sử dụng lao động phổ thông là chủ yếu, năng suất lao động chưa cao, đặc biệt là so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thu nhập của người lao động trong ngành này cũng ở mức thấp do với nhiều ngành kinh tế khác. Sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành này, đặc biệt là các doanh nghiệp EU, có thể giúp lao động trong ngành được đào tạo về tay nghề và công nghệ để nâng cao năng suất lao động và từ đó cũng có mức thu nhập cao và ổn định hơn.

Cơ hội từ tăng các điều kiện lao động và môi trường tốt hơn

Các cam kết về lao động và phát triển bền vững trong EVFTA sẽ khiến Việt Nam phải thực thi các biện pháp nhằm bảo đảm các quyền cơ bản của người lao động, đảm bảo các điều kiện lao động, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong trường hợp ngành rau quả là một ngành có nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng tiêu cực đến người lao động trong ngành và môi trường xung quanh như khí thải và khói bụi, sử dụng nhiều hóa chất, nước thải khó xử lý...

Ngoài ra, người tiêu dùng EU rất ưa chuộng các sản phẩm rau quả được sản xuất hữu cơ, thân thiện với môi trường. Họ cũng quan tâm đến quy trình tạo ra sản phẩm, đến người lao động sản xuất ra các sản phẩm đó có được đảm bảo các điều kiện về lao động hay không....Chính vì thế, các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả của Việt Nam cũng sẽ phải chú ý đến các vấn đề lao động và môi trường trong quá trình sản xuất ra sản phẩm rau quả xuất khẩu sang EU. Từ đó, các điều kiện của người lao động cũng được đảm bảo hơn, tránh phải tiếp xúc với các loại thuốc bảo vệ thực vật độc hại...

Cơ hội cho lao động nữ cải thiện vấn đề bình đẳng giới

Trong lĩnh vực sản xuất rau quả, lao động nữ thường chiếm ưu thế. Điều này là do các công đoạn trồng trọt và thu hoạch chủ yếu được thực hiện bởi các hộ nông dân hoặc trang trại nhỏ ở các khu vực nông thôn nơi lao động chính thường là nữ. Các cơ hội từ xuất khẩu rau quả sang EU với giá trị gia tăng cao hơn, cùng các cơ hội làm việc cho các nhà đầu tư nước ngoài sẽ giúp các lao động nữ này có thêm thu nhập và tăng cường tiếp cận với khoa học công nghệ trong trồng trọt và sản xuất. Từ đó, tiếng nói của người lao động nữ tại nơi làm việc cũng như trong gia đình có thể được cải thiện, giúp giảm nhẹ tình trạng bất bình đẳng giới hiện vẫn đang diễn ra phổ biến ở nhiều doanh nghiệp và gia đình của Việt Nam.

Các doanh nghiệp rau quả cần làm gì để tận dụng các cơ hội từ EVFTA?

Giải pháp tận dụng cơ hội từ EVFTA

EVFTA có nhiều cam kết có lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc tăng cường xuất nhập khẩu rau quả với thị trường EU. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các nội dung liên quan của EVFTA để có thể tận dụng được tối đa các lợi ích của Hiệp định:

- **Tìm hiểu cam kết thuế quan** của Việt Nam và EU trong Phụ lục 2-A của Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa của Hiệp định. Cần lưu ý là các cam kết trong EVFTA là cam kết tối thiểu của mỗi Bên. Trong đó với rất nhiều sản phẩm Việt Nam và EU cam kết xóa bỏ thuế quan theo lộ trình. Tuy nhiên, tùy thuộc vào nhu cầu của mình trong từng thời kỳ, Việt Nam hoặc EU có thể cắt giảm nhanh hơn so với cam kết trong EVFTA. Do đó, để biết chính xác nhất mức thuế quan EVFTA mà mỗi bên áp dụng đối với một sản phẩm trong một thời điểm nhất định cần căn cứ vào quy định nội địa hiện hành của Bên đó.

  Ngoài ra, cần lưu ý là trong vòng 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực doanh nghiệp vẫn được tiếp tục áp dụng cơ chế ưu đãi thuế quan GSP. Do đó doanh nghiệp vẫn được lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế quan EVFTA hay GSP, áp dụng cơ chế nào thì phải đáp ứng được quy tắc và thủ tục xuất xứ của cơ chế đó.

- **Tìm hiểu các quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ** để được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA trong Nghị định thư 1 - Quy định hàng hoá có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính. Việt Nam cũng đã nội luật hóa quy định về Quy tắc xuất xứ của EVFTA trong Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/06/2020 quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA.

- **Tìm hiểu các vấn đề liên quan khác** như Phòng vệ thương mại (Chương 3), Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại (Chương 4), TBT (Chương 5), SPS (Chương 6), Đầu tư (Chương 8), Sở hữu trí tuệ (Chương 12) ...

Giải pháp ứng phó với các biện pháp, yêu cầu của thị trường EU

Ngoài các vấn đề về thuế quan và thủ tục xuất xứ, khi xuất khẩu các sản phẩm rau quả sang EU các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chú ý đáp ứng đầy đủ các quy định nhập khẩu khác, đặc biệt là các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, ghi nhãn.... Các quy định nhập khẩu của EU đối với rau quả rất khắt khe, và thay đổi thường xuyên nên doanh nghiệp xuất khẩu

phải liên tục cập nhật. Biện pháp trừng phạt nếu bị phát hiện vi phạm lại rất nghiêm khắc, không chỉ khiến doanh nghiệp vi phạm thiệt hại mà còn có thể ảnh hưởng xấu tới xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp khác có sản phẩm tương tự. Do đó, việc tìm hiểu kỹ, đầy đủ các quy định nhập khẩu liên quan, thường xuyên cập nhật thông tin về các yêu cầu này và kết nối chặt chẽ với nhà nhập khẩu là điều mà các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả phải đặc biệt chú trọng.

Ngoài ra, do các nhà nhập khẩu EU thường xuyên có các yêu cầu bổ sung, doanh nghiệp xuất khẩu cần trao đổi cụ thể với nhà nhập khẩu để tìm hiểu các yêu cầu của họ để cân nhắc, tính toán khả năng đáp ứng cũng như chi phí phát sinh, đồng thời lên kế hoạch thực hiện (đặc biệt nếu việc đáp ứng đòi hỏi phải điều chỉnh quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm liên quan). Đồng thời, doanh nghiệp cũng có thể chủ động tìm hiểu các yêu cầu của khách hàng tiềm năng, để có thể chủ động điều chỉnh, qua đó tìm kiếm cơ hội mới.

Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh

Phân tích cho thấy thị trường rau quả EU rất tiềm năng đối với các doanh nghiệp rau quả Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường cũng tồn tại rất nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh, do đó để tiếp cận và phát triển bền vững ở thị trường này, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả, đặc biệt là các nhà xuất khẩu mới, cần có chiến lược cạnh tranh hiệu quả cho sản phẩm của mình. Dưới đây là một số giải pháp gợi ý để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm rau quả của Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường EU:

- **Nghiên cứu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng:** EU bao gồm 27 nước thành viên, người tiêu dùng mỗi nước thành viên có thể có những nhu cầu và thị hiếu khác nhau. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả cần tìm hiểu kỹ nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng từng thị trường thành viên EU. Đặc biệt, cần chú ý các thị trường ngách mà ở đó đối thủ cạnh tranh chưa nhiều, doanh nghiệp có thể thâm nhập dễ dàng hơn.
- **Chú trọng xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm:** Đây là vấn đề các doanh nghiệp rau quả Việt Nam thường ít chú trọng. Với EVFTA, Việt Nam có 20 sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý đương nhiên mà không cần làm các thủ tục xin bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo quy định của EU. Doanh nghiệp cần tận dụng cơ hội hiếm có này để quảng bá thương hiệu các sản phẩm liên quan với người tiêu dùng EU, qua đó nâng cao giá trị và hiệu quả cạnh tranh của các sản phẩm này;

- **Áp dụng các quy trình sản xuất rau quả sạch và an toàn:** Mặc dù không phải là một quy định nhập khẩu bắt buộc, nhưng tiêu chuẩn GlobalGap đã gần như là một tiêu chuẩn chung cho rau quả nhập khẩu vào EU mà hầu như người mua EU nào cũng sẽ yêu cầu. Vì vậy, để có thể xuất khẩu rau quả sang khu vực thị trường này, các doanh nghiệp Việt Nam cần đầu tư áp dụng các tiêu chuẩn GlobalGap cho các vùng trồng để đạt được chứng nhận này. Ngoài ra, các nhà nhập khẩu EU có thể yêu cầu bổ sung các loại chứng nhận khác mà nhà xuất khẩu rau quả Việt Nam cần tìm hiểu để đáp ứng đầy đủ.
- **Đầu tư vào công nghệ sản xuất, chế biến rau quả:** Các sản phẩm rau quả chế biến được đánh giá là có cơ hội lớn nhất từ EVFTA do EU có nhu cầu lớn, thuế quan EU hiện đang áp dụng tương đối cao và EVFTA sẽ giúp xóa bỏ các loại thuế này cho Việt Nam. Tuy nhiên, ngành công nghiệp chế biến rau quả của Việt Nam còn hạn chế, chủng loại sản phẩm và mẫu mã còn nghèo nàn. Vì vậy, các doanh nghiệp chế biến cần tăng cường đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh giúp các sản phẩm rau quả chế biến của Việt Nam có thể tiếp cận thị trường EU tận dụng EVFTA.

35

Doanh nghiệp rau quả có thể sử dụng những công cụ thương mại miễn phí nào để tra cứu thông tin thị trường EU?

Công cụ TradeMap - Bản đồ Thương mại của ITC
(https://www.trademap.org/)

Công cụ tra cứu Trade Map được Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC) xây dựng nhằm giúp các doanh nghiệp tìm hiểu và nghiên cứu thông tin thương mại về các sản phẩm và thị trường chiến lược.

Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm của từng quốc gia với từng đối tác. Thông qua TradeMap, người dùng có thể tìm hiểu được thế mạnh xuất khẩu/nhu cầu nhập khẩu của từng đối tác thương mại và các đối thủ cạnh tranh hiện tại. TradeMap cung cấp số liệu theo từng năm, theo từng mã HS ở cấp 2, 4, hoặc 6 số, theo giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm.... Người dùng có thể trích xuất thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ hoặc bản đồ và lọc các dữ liệu cần trích xuất theo hàng hóa, quốc gia, nhóm sản phẩm hoặc nhóm quốc gia...

Trade Map là công cụ miễn phí và rất hữu hiệu đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi muốn tìm hiểu một thị trường xuất khẩu/nhập khẩu tiềm năng, đánh giá các đối thủ cạnh tranh hiện tại, để từ đó xây dựng các chiến lược xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp mình.

Các doanh nghiệp rau quả Việt Nam có thể sử dụng công cụ này để tra cứu số liệu về xuất nhập khẩu sản phẩm rau quả giữa EU và các nước đối tác, từ đó tìm hiểu nhu cầu của EU đối với từng loại sản phẩm rau quả cụ thể và các đối thủ cạnh tranh hiện tại của mình (các nước mà EU đang nhập khẩu nhiều sản phẩm đó).

Hướng dẫn sử dụng

Tạo tài khoản: Để sử dụng Trade Map, người dùng chỉ cần đăng ký một tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, trong đó có Trade Map (Bản đồ Thương mại).

Thông tin chi tiết về các công cụ trên có thể truy cập tại: *https://marketanalysis.intracen.org*
Đăng ký tài khoản sử dụng Trademap và các công cụ trên tại:
https://mas-admintools.intracen.org/accounts/Registration.aspx

Hướng dẫn tra cứu:

- **Bước 1: Lựa chọn sản phẩm và nước**

  Sau khi đăng nhập, người dùng vào trang chủ của Trade Map và lựa chọn số liệu cần tìm là Imports (Nhập khẩu) hay Export (Xuất khẩu), loại sản phẩm là Service (Dịch vụ) hay Product (Hàng hóa). Sau đó lựa chọn loại sản phẩm trong ô trống đầu tiên, nước quan tâm trong ô trống thứ hai, và đối tác thương mại của nước đó trong ô trống thứ ba.

- **Bước 2: Lựa chọn loại thông tin tra cứu**

  Sau khi hoàn thành lựa chọn sản phẩm, nước quan tâm và đối tác, người dùng sẽ chọn loại thông tin tìm kiếm theo chỉ số thương mại (Trade Indicators) hay theo thời gian (Yearly Time Series)...

- **Bước 3: Tùy chỉnh loại thông tin và hình thức thể hiện theo nhu cầu**

  Khi bảng thông tin hiện ra theo các lựa chọn ở Bước 1 và 2, người dùng có thể tiếp tục thay đổi các lựa chọn theo nhu cầu nghiên cứu.

Công cụ MacMap - Bản đồ Tiếp cận thị trường của ITC *(http://www.macmap.org/)*

Tương tự Trade Map, Market Access Map (MacMap) cũng do Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC) xây dựng nhằm cung cấp các thông tin về các rào cản tiếp cận thị trường đối với hàng hóa, bao gồm cả thuế quan và các biện pháp phi thuế. *Cụ thể, về thuế quan, MAcMap cung cấp cả mức thuế Tối huệ quốc (MFN) của WTO và thuế ưu đãi đơn phương (như GSP của EU) và thuế ưu đãi theo các thỏa thuận song phương và đa phương (như thuế theo các Hiệp định Thương mại Tự do – FTA).* Về các rào cản phi thuế quan, MAcMap bao gồm các quy định về hạn ngạch nhập khẩu, các biện pháp phòng vệ thương mại, và các yêu cầu về chứng nhận, và các rào cản phi thuế khác.

Cụ thể, MAcMap cung cấp:

- Một hệ thống dữ liệu về thuế MFN áp dụng và thuế ưu đãi của hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ;
- Một cơ sở dữ liệu mới về các biện pháp phi thuế quan được phân loại theo quy chuẩn phân loại của các tổ chức thế giới có uy tín;
- Các dữ liệu tổng hợp, cập nhật và xuyên suốt về thuế quan, thương mại và các rào cản phi thương mại từ các nguồn khác nhau;
- Tiếp cận dữ liệu theo chuỗi thời gian và cho phép tải tài liệu gốc;
- Tính linh hoạt cho phép người sử dụng đưa ra các tình huống giả định về lộ trình cắt giảm thuế;
- Cho phép chia sẻ thông tin tra cứu với người dùng khác.

Các doanh nghiệp rau quả Việt Nam có thể sử dụng công cụ này để tra cứu thuế quan và các quy định nhập khẩu liên quan của EU đối với sản phẩm nhựa xuất khẩu của mình.

Hướng dẫn sử dụng

Tạo tài khoản: Để sử dụng MAcMap, người dùng chỉ cần đăng ký một tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, trong đó có MAcMap (tương tự hướng dẫn đối với TradeMap).

Hướng dẫn tra cứu:

MAcMap bao gồm 6 chuyên mục nội dung, mỗi chuyên mục bao gồm nhiều vấn đề tra cứu. Sau đây là hướng dẫn tra cứu thuế quan khi xuất khẩu:

- **Bước 1:** Di chuột vào Mục Search ngoài Trang chủ
- **Bước 2:** Lựa chọn
  - Exporting country (Nước xuất khẩu): Ví dụ "Viet Nam"
  - Destination country (Nước nhập khẩu): Ví dụ "China" (Trung Quốc).
  - Product (Sản phẩm): Ví dụ "390110 – Polymers of ethylene, ..."

  Sau đó ấn "Search"
- **Bước 3:** Nghiên cứu và phân tích kết quả

Hệ thống dữ liệu về Tiếp cận thị trường của EU - Access2Markets *(https://madb.europa.eu/madb/)*

Hệ thống dữ liệu Access2Markets do Ủy ban châu Âu xây dựng nhằm hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp châu Âu cũng như các doanh nghiệp đối tác xuất nhập khẩu của châu Âu. Với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, Access2Markets của EU có thể giúp tìm hiểu các số liệu về xuất nhập khẩu của EU đối với một mặt hàng cụ thể với một đối tác cụ thể. Đồng thời, công cụ này cũng cung cấp thông tin về thuế quan, hàng rào kỹ thuật, thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU...

Cổng thông tin này được hiển thị với 24 ngôn ngữ chính thức của EU và có các nội dung sau:

- Hướng dẫn cụ thể từng bước về xuất/nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ với EU;
- Hướng dẫn chi tiết về quy tắc xuất xứ;
- Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp xác định xuất xứ sản phẩm của mình;
- Giải thích các thuật ngữ thương mại;
- Thông tin về lộ trình cắt giảm thuế quan trong các hiệp định thương mại;
- Đồ thị thống kê dòng chảy thương mại.

Hướng dẫn sử dụng

Hệ thống tra cứu này không yêu cầu đăng nhập. Doanh nghiệp có thể trực tiếp truy cập vào website và tra cứu các thông tin cần thiết.

Hệ thống này bao gồm rất nhiều thông tin, doanh nghiệp truy cập và link *https://madb.europa.eu/madb/* và làm theo các hướng dẫn trên đó để tìm thông tin cần biết liên quan đến Hàng hóa, Dịch vụ, Đầu tư và Thị trường

Ví dụ 1: Để tra cứu số liệu về xuất nhập khẩu về hàng hóa giữa EU (không bao gồm Anh) và các đối tác, doanh nghiệp lựa chọn menu Goods (Hàng hóa) ở thanh menu trái và truy cập vào trang EU trade statistics (excluding United Kingdom):
https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/statistics

Ví dụ 2: Để tra cứu thuế quan và các quy định nhập khẩu của EU đối với một loại hàng hóa nhất định, doanh nghiệp vào mục My Trade Assistant:
https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content

CÁC NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH

Doanh nghiệp có thể tự tìm hiểu cam kết EVFTA cũng như các thông tin thị trường EU tại các cơ quan, tổ chức, cơ sở dữ liệu và trang web dưới đây:

Các trang thông tin về nội dung cam kết EVFTA chính thức:

http://evfta.moit.gov.vn/

https://ec.europa.eu/trade/policy/in-focus/eu-vietnam-agreement/

Các đơn vị thông tin và tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp về thực thi EVFTA:

Trung tâm WTO và Hội nhập – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh – Đống Đa – Hà Nội
Tel: 024-35771458
Fax: 024-35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn / www.wtocenter.vn

Cục Xuất Nhập khẩu - Bộ Công Thương
Tel: 024 3934 7628
Fax: 024 3934 8142
Website: www.moit.gov.vn

Vụ Chính sách Thương mại Đa biên - Bộ Công Thương
Tel: 024 22205420, 024 22202245
Fax: 024 22 202 525
Email: wto_mtpd@moit.gov.vn
Website: http://cptpp.moit.gov.vn/

Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Tài chính
Tel: 024-2220 2828
Fax: 024-2220 8091
Website: http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/lvtc/htqt/hnvhttc/fta

Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công Thương
Tel: 04 3934 7628
Fax: 04 3934 8142
Email: vietrade@vietrade.gov.vn
Website: www.vietrade.gov.vn

BẢNG Các cơ quan Thương vụ Việt Nam tại EU

STT	Tên nước	Địa chỉ	Điện thoại	Email
1	Pháp, Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra	44, Avenue de Madrid, 92 200 Neuilly sur Seine, France	+33 1 46 24 85 77	fr@moit.gov.vn
2	Bỉ và EU	198 Chaussee de Vleurgat, Bruxelles 1000, Belgium	(+32)2 343 6295	be@moit.gov.vn
3	Italia, Hy Lạp, Sip, Malta, Sanmarino	Via Po 22, 00198 Roma, Italia	(+39) 06 841 391	it@moit.gov.vn
4	Đức	Rosa Luxemburg Strasse 7 – 10178 Berlin Bundesrepublik Deutschland – Germany	(+49) 30 229 819	de@moit.gov.vn
5	Hà Lan	261 Laan Van New Oost-Indie, 2593 BR, The Hague, The Netherlands	(+31) 70 381 559	nl@moit.gov.vn
6	Áo, Slovenia	Sieveringerstrasse77, 1190 Wien, Austria	+43 1 328 8915	at@moit.gov.vn
7	Ba Lan, Estonia, Litva	Ul. Polna 48 m. 17, 00-644 Warszawa, Poland	+48 22 825 12 11	pl@moit.gov.vn
8	Bungary, Macedonia	1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria	(00 3592) 9633.1	bg@moit.gov.vn
9	Hungary, Croatia	1141 Budapest, Thokoly út 41	(+36) 1 342 5583	hu@moit.gov.vn
10	Anh, Ailen	108 Campden Hill Road, London W8 7AR	(+44) 20 3524 17	uk@moit.gov.vn
11	Rumani	Bd. Iancu de Hunedoara, No. 66, Apt. 46, sector 1, Bucuresti – Romania	+40 21 211 37 38	ro@moit.gov.vn
12	Czech	Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic	+420 224 942 235	cz@moit.gov.vn
13	Tây Ban Nha	Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2^0 Izq, 28046 Madrid, Spain	+34 91 345 05 19	espa@moit.gov.vn
14	Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Latvia	Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden	+46 8 322 666	se@moit.gov.vn

CẨM NANG DOANH NGHIỆP

EVFTA VÀ NGÀNH RAU QUẢ VIỆT NAM

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Giám đốc - Tổng Biên tập
Nguyễn Minh Huệ

TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Biên tập
Đồng Thị Thu Thủy

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3934 1562 | Fax: 024-3938 7164
Website: www.nhaxuatbancongthuong.com
E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 13,5x22 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 14 ngõ 464 Đ.Âu Cơ, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 5341-2020/CXBIPH/01-243/CT
Số Quyết định xuất bản: 506A/QĐ-NXBCT ngày 24 tháng 12 năm 2020
In xong và nộp lưu chiểu: Quí IV/2020
Mã số ISBN: 978-604-311-258-0

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

Địa chỉ: Số 10, Trịnh Hoài Đức, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: (+84) 24 - 3775 7979 / 3831 9666.
Website: hpa.hanoi.gov.vn
Email: hpa@hanoi.gov.vn

SÁCH KHÔNG BÁN